

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ**



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Tây Đô)

Lưu ý:

- Tài liệu này là tài sản riêng của Trường Đại học Tây Đô do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN cung cấp cho Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ để phục vụ hoạt động đánh giá ngoài;

- Tài liệu này không được chia sẻ với bất cứ cá nhân, tổ chức nào nếu không được sự đồng ý của Trường Đại học Tây Đô và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN;

- Không thực hiện các hành vi sao chụp, phát tán tài liệu dưới mọi hình thức. Những cá nhân không liên quan đề nghị không đọc tài liệu này.



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

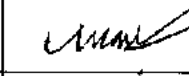
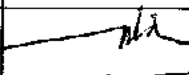
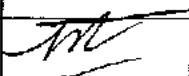
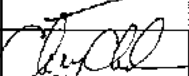
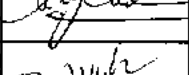
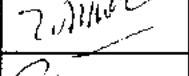
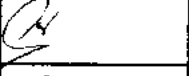

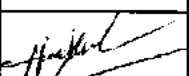
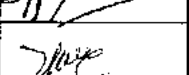
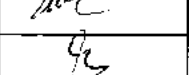

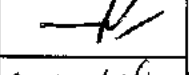


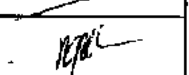
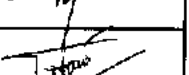
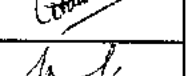
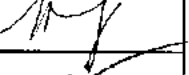
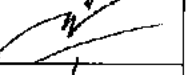
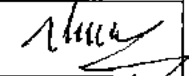
(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Tây Đô)

Lưu ý:

- Tài liệu này là tài sản riêng của Trường Đại học Tây Đô do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN cung cấp cho Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ để phục vụ hoạt động đánh giá ngoài;
- Tài liệu này không được chia sẻ với bất cứ cá nhân, tổ chức nào nếu không được sự đồng ý của Trường Đại học Tây Đô và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN;
- Không thực hiện các hành vi sao chụp, phát tán tài liệu dưới mọi hình thức. Những cá nhân không liên quan đề nghị không đọc tài liệu này.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 40/QĐ-ĐHTĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Tây Đô)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Công Luận	PGS.TS, Hiệu Trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Tiến Dũng	TS, P.Hiệu Trưởng	P.Chủ tịch	
3	Võ Khắc Thường	PGS.TS, P.Hiệu Trưởng, Trưởng Khoa KT - TC - NH	P.Chủ tịch	
4	Nguyễn Phước Quý Quang	TS, P.Hiệu Trưởng	P.Chủ tịch	
5	Nguyễn Ngọc Minh	TS, P.Hiệu Trưởng, Trưởng Khoa Cơ Bản	P.Chủ tịch	
6	Nguyễn Văn Bá	PGS.TS, Giám đốc TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên Thư ký	
7	Lê Văn Sơn	CN, Trưởng Phòng TC - HC, Bí thư Đảng ủy	Ủy viên	
8	Trần Hữu Xinh	TS, P.Trưởng Phòng TC - HC	Ủy viên	
9	Phan Ngọc Thủy	BSCKI, Q.Trưởng Phòng Đào Tạo, P.Trưởng Khoa Dược - Điều Dưỡng	Ủy viên	
10	Lê Phú Nguyên Hải	ThS, P.Trưởng Phòng Đào Tạo	Ủy viên	
11	Nguyễn Hà Quốc Tín	ThS, P.Trưởng Phòng CTCT - QLSV, Bí thư Đoàn trường	Ủy viên	
12	Võ Thị Gương	GS.TS, Trưởng Phòng QLKH&HTQT	Ủy viên	
13	Phan Thị Kim Tuyến	CN, Trưởng Phòng TCKH	Ủy viên	
14	Nguyễn Xuân Tiên	ThS, Trưởng Phòng QTTB	Ủy viên	
15	Phan Văn Thơm	PGS.TS, Trưởng Khoa Đào tạo SDH	Ủy viên	
16	Tô Anh Dũng	PGS.TS, P. Trưởng Khoa Cơ Bản	Ủy viên	
17	Đào Duy Huân	PGS.TS, Trưởng Khoa QTKD	Ủy viên	
18	Trịnh Huệ	ThS, Trưởng Khoa KTCN, Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên	
19	Nguyễn Thị Diễm Thúy	ThS, P.Trưởng Khoa Ngữ Văn	Ủy viên	
20	Trần Thị Kiều Trang	TS, P.Trưởng Khoa ĐTTX	Ủy viên	
21	Lê Hoàng Lệ Thủy	ThS, P.Giám đốc TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên	

(Danh sách gồm 21 thành viên)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	ii
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU VÀ HÌNH	iv
PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
PHẦN II. TỔNG QUAN	4
PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
Tiêu chuẩn 1 SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC	16
Tiêu chuẩn 2 TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	22
Tiêu chuẩn 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	37
Tiêu chuẩn 4 HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	50
Tiêu chuẩn 5 ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN	72
Tiêu chuẩn 6 NGƯỜI HỌC	87
Tiêu chuẩn 7 NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ	106
Tiêu chuẩn 8 HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ	123
Tiêu chuẩn 9 THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC	128
Tiêu chuẩn 10 TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	146
PHẦN IV. KẾT LUẬN	154
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	155
PHẦN V. PHỤ LỤC	158

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Chú thích
1	ANTT	An ninh trật tự
2	BCH	Ban chấp hành
3	BGH	Ban Giám hiệu
4	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
5	CBQL	Cán bộ quản lý
6	CD	Cao đẳng
7	CDR&PTNNL	Chuẩn đầu ra và Phát triển nguồn nhân lực
8	CDV	Công đoàn viên
9	CLB	Câu lạc bộ
10	CNTT	Công nghệ thông tin
11	CSDL	Cơ sở dữ liệu
12	CSVC	Cơ sở vật chất
13	CTCT&QLSV	Công tác chính trị và Quản lý sinh viên
14	CTĐT	Chương trình đào tạo
15	CVHT	Cổ vấn học tập
16	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
17	ĐBSCL	Đồng bằng Sông Cửu Long
18	ĐH	Đại học
19	ĐHTĐ	Đại học Tây Đô
20	GV	Giảng viên
21	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
22	HCM	Hồ Chí Minh
23	HĐQT	Hội đồng Quản trị
24	HSSV	Học sinh, sinh viên
25	HTQT	Hợp tác quốc tế

STT	Từ viết tắt	Chú thích
26	HTSV&HTDN	Hỗ trợ sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp
27	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
28	KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
29	KT - XH	Kinh tế - Xã hội
30	KT&ĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
31	NCKH	Nghiên cứu khoa học
32	NV	Nhân viên
33	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
34	QLKH	Quản lý khoa học
35	QTKD	Quản trị kinh doanh
36	QTTB	Quản trị thiết bị
37	SV	Sinh viên
38	TC - HC	Tổ chức - Hành chính
39	TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
40	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
41	TN	Thanh niên
42	TNCS	Thanh niên cộng sản
43	TW	Trung ương
44	UBND	Ủy ban Nhân dân
45	VLVH	Vừa làm vừa học

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU VÀ HÌNH

1. Bảng biểu

Số hiệu	Tên bảng	Trang
2.1	Thống kê số lượng CB, GV, NV và SV được kết nạp đảng từ năm 2012 - 2017	27
4.1	Thống kê SV tại Trường từ năm 2012 - 2016	71
5.1	Thống kê trình độ GV cơ hữu từ năm 2012 - 2017	60
5.2	Thống kê tỷ lệ SV/GV cơ hữu từ năm 2012 - 2017	77
5.3	Thống kê tần suất sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu của GV cơ hữu năm 2017	79
5.4	Thống kê tỷ lệ phần trăm độ tuổi của GV cơ hữu từ năm 2012 - 2017	80
7.1	Số lượng đề tài NCKH cấp trường, cấp tỉnh đã triển khai trong 5 năm qua	103
7.2	Số lượng đề tài NCKH của GV hợp tác với các Viện, Trường trong 5 năm qua	104
7.3	Chỉ số đề tài/GV thực hiện trong 5 năm qua	106
7.4	Số lượng bài báo được xuất bản trong 5 năm qua	109
7.5	Chỉ số bài báo trong nước và bài báo quốc tế trên GV được xuất bản trong 5 năm qua	109
7.6	Số liệu thống kê các đề tài ứng dụng thực tế	112
9.1	Thống kê số liệu thể hiện tỷ lệ bạn đọc sử dụng thư viện từ năm 2012 - 2017	126

2. Hình

Số hiệu	Tên hình	Trang
4.1	Thống kê SV tại trường từ năm 2012 - 2016	59
4.2	Giá trị trung bình về mức độ đồng ý của SV năm cuối đối với các nhận định về yếu tố "Cấu trúc CTĐT"	66
7.1	Tình hình thực hiện đề tài trong 5 năm qua	107

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề then chốt, quyết định sự tồn tại và phát triển của một trường ĐH. Với nỗ lực phấn đấu để trở thành một cơ sở đào tạo đa ngành hàng đầu ở khu vực ĐBSCL, Trường ĐHTĐ luôn coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng toàn diện trên mọi mặt hoạt động của Nhà trường. Trường đã tiến hành tự đánh giá, xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC, cũng như các vấn đề liên quan khác, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Trường triển khai công tác tự đánh giá với sự tham gia của toàn thể CBQL, GV và NV thuộc các khoa/bộ môn, phòng/ban, trung tâm, đoàn thể dưới sự chỉ đạo của Hội đồng tự đánh giá cấp trường.

Mục đích tự đánh giá: Giúp Trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình; lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo hướng cao hơn; góp phần xây dựng văn hóa chất lượng bên trong Nhà trường và thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong mọi hoạt động đào tạo, NCKH theo chức năng nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường.

Phạm vi tự đánh giá: Đánh giá toàn bộ các mặt hoạt động của Trường theo *Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH* của Bộ GD&ĐT gồm 10 tiêu chuẩn và 61 tiêu chí (ban hành theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

Hội đồng tự đánh giá: Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường được thành lập theo Quyết định số 40/QĐ-ĐHTĐ ngày 23/2/2017 của Hiệu Trường gồm có 21 thành viên. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá và các nhóm chuyên trách được quy định cụ thể trong quyết định và kế hoạch tự đánh giá (Phân phụ lục).

Quy trình tự đánh giá: Thực hiện quy trình tự đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách.

Hội đồng gồm 21 thành viên, ban thư ký gồm 6 thành viên, các nhóm

chuyên trách gồm 7 nhóm được thành lập theo Quyết định số 40/QĐ-ĐHTĐ ngày 23/2/2017.

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm chuyên trách.

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng.

Chọn lọc và mã hóa các minh chứng.

Bước 5: Phân tích, xử lý các thông tin và minh chứng đã thu thập.

Bước 6: Viết báo cáo đánh giá các tiêu chí của từng tiêu chuẩn.

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến.

Bước 9: Triển khai các kế hoạch hành động sau khi hoàn thành công tác tự đánh giá.

Phương pháp đánh giá: Đối với mỗi tiêu chí của tiêu chuẩn, Trường xem xét, đánh giá như sau:

- Mô tả, phân tích các hoạt động của Trường liên quan đến tiêu chí; làm rõ nội hàm của tiêu chí, lựa chọn các minh chứng điển hình cho tiêu chí.

- So sánh với mặt bằng chung, với chính Nhà trường trong những năm trước hoặc với các quy định của Nhà nước để thấy được hiện trạng của Trường.

- Đưa ra những nhận định về điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy, chỉ ra những tồn tại và giải thích nguyên nhân.

- Xác định những vấn đề cần cải tiến và lập kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục các tồn tại nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo trong thời gian tới.

Công cụ đánh giá:

- Sử dụng *Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH* của Bộ GD&ĐT gồm 10 tiêu chuẩn và 61 tiêu chí (ban hành theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

- Công văn số 1237/KTKĐCLGD-KĐĐH về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng trường ĐH ngày 03/8/2016 của Cục KT&KĐCLGD, Bộ GD&ĐT.

- Các công văn hướng dẫn khác: Công văn 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 9/5/2013, công văn 527/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23/5/2013 của Bộ GD&ĐT.

Quy định mã hóa minh chứng: Việc mã hóa minh chứng được áp dụng:

1. Theo công thức **Hn.a.b.c** sử dụng trong Danh mục minh chứng (phụ lục 9).

Trong đó:

+ H: Viết tắt “Hộp minh chứng” của mỗi tiêu chuẩn.

+ n: Số thứ tự của hộp minh chứng (có giá trị từ 1 cho đến hết).

+ a: Số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 10).

+ b: Số thứ tự của tiêu chí trong tiêu chuẩn (từ 1 đến hết số tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn).

+ c: Số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (có giá trị từ 1 cho đến hết).

2. Mã minh chứng **Mi** (i có giá trị từ 1 cho đến hết) sử dụng trong danh mục các văn bản được ban hành từ cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý.

PHẦN II. TỔNG QUAN

1. Bối cảnh chung của Trường

Trường ĐHTĐ được thành lập theo Quyết định số 54/2006/QĐ-TTg ngày 09/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ, là trường ĐH tư thục đầu tiên ở ĐBSCL. Trụ sở của Trường đặt tại số 68 Trần Chiên, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Sứ mạng của Trường là *đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, có khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH vùng ĐBSCL, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học. Tầm nhìn của Trường đến năm 2030 đã xác định: Trường ĐHTĐ phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường ĐH tư thục đa ngành hàng đầu ở khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu và ứng dụng phục vụ cộng đồng, trong đó hoạt động đào tạo ĐH chính quy phát triển ngang tầm khu vực Đông Nam Á.*

Giá trị cốt lõi của Trường: *Trí tuệ - Năng động - Sáng tạo.*

Cơ cấu tổ chức của Trường bao gồm: Hội đồng cố vấn, HĐQT, BGH gồm Hiệu trưởng và 04 Phó Hiệu trưởng; Hội đồng KH&ĐT; Hội đồng Đảm bảo chất lượng; 07 khoa đào tạo (*Khoa Cơ bản, Khoa QTKD, Khoa Kế Toán - Tài chính - Ngân hàng, Khoa Sinh học ứng dụng, Khoa Kỹ thuật - Công nghệ, Khoa Ngữ văn, Khoa Dược - Điều dưỡng*); 13 phòng, ban, khoa, trung tâm chức năng (*Phòng TC - HC, Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QLKH&HTQT, Phòng QTTB, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Khoa Đào tạo thường xuyên, Khoa Đào tạo sau ĐH, Thư viện, Trung tâm KT&ĐBCLGD, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - CDR&PTNNL, Trung tâm HTSV&HTDN*); Ban và Tổ (*Ban Thanh tra - Pháp chế, Ban tư vấn tuyển sinh, Tổ Website*); Tổ chức Đảng, đoàn thể gồm: Đảng bộ, công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội Khuyến học, Hội Cựu SV.

Tổng số CBQL, GV, NV của Trường là 695 người trong đó đội ngũ GV gồm có 07 giáo sư, 18 phó giáo sư, 80 tiến sĩ, 327 thạc sĩ và 180 ĐH. Ngoài ra, Trường còn có đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các cơ sở giáo dục khác.

Trường ĐHTĐ được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh và đào tạo 19 ngành học (*Dược, Điều dưỡng, Luật kinh tế, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, QTKD, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Việt Nam học (chuyên ngành Du*

lịch), Văn học, Ngôn ngữ Anh, Nuôi trồng thủy sản, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, CNTT, Kỹ thuật điện - điện tử, Thú y) với 03 CTĐT thạc sĩ, 36 CTĐT ĐH, 12 CTĐT trình độ CĐ và 09 CTĐT TCCN.

Hiện nay, Nhà trường đang tuyển sinh và đào tạo 19 ngành học, trong đó có 02 CTĐT trình độ CĐ, 19 CTĐT trình độ ĐH, 01 CTĐT cử nhân tài năng, 03 CTĐT trình độ thạc sĩ và một số CTĐT liên thông. Trường hiện có 8.403 SV và học viên cao học đang học tập tại Trường.

Tổng diện tích đất sử dụng của Trường là 88.649 m², tổng diện tích sàn xây dựng toàn Trường là 76.129 m² trong đó diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo là 22.496,2 m² (phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thư viện), tổng diện tích khu hoạt động thể dục thể thao là 28.400 m².

Trường ĐHTĐ là trường ngoài công lập nên được tự chủ về tài chính. Trong những năm qua, Trường đã xây dựng hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp và đáp ứng các yêu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường theo quy định của Nhà nước; thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

Qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển (2006 - 2017), Trường ĐHTĐ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt được một số kết quả trong hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trường được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm học 2011 - 2012, 2014 - 2015; Bằng khen của Bộ GD&ĐT các năm học 2009 - 2010, 2010 - 2011, 2012 - 2013.

2. Những phát hiện chính trong quá trình tự đánh giá:

Qua quá trình triển khai tự đánh giá, Trường đã phát hiện một số vấn đề chính sau:

2.1. Tóm tắt những điểm mạnh phát hiện được

i) Về sứ mạng và mục tiêu của Trường

Sứ mạng của Nhà trường được trình bày rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực hiện tại và định hướng phát triển của Trường (đã được rà soát, điều chỉnh), được xác định phù hợp với chiến lược phát triển KT - XH của Thành phố Cần Thơ, vùng ĐBSCL và cả nước. Trường phổ biến sứ mạng đến toàn thể CBQL, GV, NV và người học.

Mục tiêu của Nhà trường được xác định phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố, phù hợp với mục tiêu đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục và Luật Giáo dục ĐH. Mục tiêu chiến lược của Trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và triển khai thực hiện phù hợp với nhu cầu của xã hội. Mục tiêu được phổ biến rộng rãi tới toàn thể CBQL, GV, NV và người học thông qua nhiều hình thức tuyên truyền.

ii) Về tổ chức và quản lý

Cơ cấu tổ chức của Trường phù hợp với Điều lệ trường ĐH với nguồn lực và điều kiện CSVN của Nhà trường. Trường đã xây dựng đầy đủ hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Trường. Các quy trình quan trọng liên quan đến hoạt động đào tạo, quản lý, trang thiết bị, tài chính đã được ban hành và vận hành ổn định. Hệ thống văn bản được ban hành, lưu trữ đúng quy định và được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBQL, GV và NV. Chức năng trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, CBQL, GV và NV được phân định rõ ràng, tạo điều kiện cho hoạt động của Trường được triển khai có hiệu quả trên các lĩnh vực. Việc đánh giá CBQL, GV và NV theo chức năng, trách nhiệm và quyền hạn được thực hiện hằng năm. Hoạt động của Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV phát huy hiệu quả, có tác động tốt, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển Nhà trường. Trường thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và công tác lưu trữ theo đúng quy định. Trường đã xây dựng và ban hành chiến lược và kế hoạch phát triển Trường tầm nhìn đến 2030. Hằng năm, Trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch năm học. Trường xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng.

iii) Về chương trình đào tạo

Các CTĐT được xây dựng căn cứ trên các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT và tham khảo các CTĐT cùng ngành của các trường ĐH uy tín trong nước; đồng thời có sự tham gia và góp ý kiến của các nhà chuyên môn, các nhà sử dụng lao động, SV tốt nghiệp; phù hợp với nhu cầu xã hội tại vùng ĐBSCL và cả nước. Mỗi CTĐT của trường đều thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực thị trường lao động. Trường có đầy đủ các CTĐT cho các bậc học; định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật các CTĐT, chuẩn đầu ra theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đó,

các CTĐT cũng được triển khai tự đánh giá chất lượng và thực hiện cải tiến trên kết quả đánh giá của SV sắp tốt nghiệp, cựu SV và nhà tuyển dụng. Nhà trường luôn quan tâm việc gắn kết đào tạo với thực tiễn, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của SV bằng cách đưa kỹ năng nghề vào chuẩn đầu ra của các CTĐT.

iv) Về hoạt động đào tạo

Hoạt động đào tạo của Trường đã đáp ứng yêu cầu về đa dạng hóa các hình thức đào tạo, có lộ trình hợp lý về chuyển đổi sang học chế tín chỉ, hiện đại hóa CTĐT theo xu hướng liên thông, linh hoạt, mềm dẻo, hội nhập với hướng tiếp cận lấy người học làm trung tâm. Trường thực hiện tốt công tác đánh giá hoạt động giảng dạy của GV với nhiều hình thức đa dạng như dự giờ, lấy ý kiến phản hồi từ người học. GV không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm thực tế, SV cũng được phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể, làm việc theo nhóm. Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện đúng quy định với các phương pháp và hình thức đánh giá đa dạng được thực hiện nghiêm túc, khách quan và công bằng. Các hình thức đào tạo, tổ chức đào tạo, cấp văn bằng của Trường được thực hiện theo đúng quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã xây dựng CSDL về cựu SV, đã hình thành được mạng lưới các ban liên lạc cựu SV của các lớp, thường xuyên duy trì thông tin với cựu SV thông qua mạng xã hội. Qua đó, giúp cho việc thực hiện khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV với các phương thức khảo sát đa dạng, phù hợp.

v) Về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Đội ngũ CBQL của Trường được bổ nhiệm đúng quy trình, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt; luôn đáp ứng tốt về yêu cầu, nhiệm vụ của vị trí công tác được phân công. Đội ngũ GV ngày càng tăng về số lượng, trẻ hóa về tuổi đời, năng động, sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học tốt, có kiến thức chuyên môn đảm bảo trình độ chuẩn của nhà giáo được đào tạo theo quy định, đáp ứng được yêu cầu của ngành giáo dục về giảng dạy, NCKH và hoạt động xã hội, cộng đồng. Công tác tuyển dụng nhân sự của Trường được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định, quy trình, có tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể.

vi) Về người học

Người học được hướng dẫn tìm hiểu mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung

CTĐT; các quy chế, quy định, các chế độ chính sách, nghĩa vụ và quyền lợi của người học bằng nhiều hình thức và kênh thông tin khác nhau. Nhà trường luôn đảm bảo tốt các chế độ chính sách xã hội, chế độ học bổng, khen thưởng người học. Người học được tạo điều kiện học tập, rèn luyện, được tham gia nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và phục vụ cộng đồng. Phong trào hoạt động của Đoàn TN, Hội SV được tăng cường với nhiều hoạt động phong phú, thiết thực, có tác dụng tích cực trong việc rèn luyện, giáo dục người học. Nhà trường liên hệ, hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho người học. Người học sau khi tốt nghiệp có việc làm chiếm tỷ lệ khá cao. Trường có bộ phận chịu trách nhiệm khảo sát tình trạng việc làm của cựu SV. SV chính quy được tham gia thường xuyên đánh giá chất lượng giảng dạy của GV sau khi kết thúc học phần. Trường sử dụng hệ thống khảo sát trực tuyến nên việc tổ chức hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của GV đạt hiệu quả cao.

vii) Về nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ

Hoạt động NCKH của Trường ĐHTĐ được thực hiện đa dạng, hiệu quả dưới nhiều hình thức qua hỗ trợ của Trường, địa phương và hợp tác với Viện, Trường, phù hợp với định hướng phát triển trở thành trường ĐH tư thục đa ngành hàng đầu ở khu vực ĐBSCL với định hướng đào tạo, nghiên cứu phục vụ cộng đồng. Các công trình nghiên cứu được công bố, chuyển giao qua hội thảo khoa học, lớp tập huấn, đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước trên các lĩnh vực Dược, Sinh học, Nông nghiệp, Thủy sản, Tự nhiên. Sự hợp tác hiệu quả, đa dạng về đào tạo và NCKH của Trường với các Viện, Trường góp phần quan trọng trong đào tạo và đóng góp khoa học trong nhiều lĩnh vực.

viii) Về hợp tác quốc tế

Nhà trường luôn tuân thủ quy định của Nhà nước về công tác HTQT. Trong thời gian qua, Trường chào đón, mở rộng mối quan hệ HTQT trong liên kết đào tạo, tạo cơ hội có việc làm tốt cho SV. Trường tạo điều kiện tốt cho việc tiếp nhận tình nguyện viên nước ngoài đến giao lưu, trao đổi văn hóa và hỗ trợ công tác giảng dạy ngoại ngữ tại Trường. Có một số lĩnh vực nghiên cứu GV có kinh nghiệm, có năng lực trong hợp tác quốc tế về NCKH, có thể tham gia các chương trình NC với Viện, Trường.

ix) Về thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Trường đã có sự đầu tư cho thư viện điện tử để đáp ứng tốt các điều kiện CSVN phục vụ cho hoạt động dạy, học và NCKH như giáo trình, tài liệu tham khảo; phòng làm việc cho các khoa, phòng, ban, trung tâm; phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, trại thực nghiệm nuôi trồng thủy sản, ... cùng các trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy lý thuyết và thực hành chuyên ngành. Hệ thống máy tính kết nối mạng nội bộ, mạng internet, hệ thống wifi và việc sử dụng các phần mềm chuyên dụng đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH của CBQL, GV, NV và SV Nhà trường. Trang thông tin điện tử của Trường và các đơn vị được xây dựng đầy đủ và hợp lý.

x) Về công tác tài chính

Trường ĐHTĐ đã có nhiều giải pháp tích cực để chuẩn hóa công tác quản lý tài chính. Công tác quản lý tài chính được thực hiện minh bạch, hiệu quả đúng theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐH tư thục. Trường đã linh hoạt, chủ động về tài chính, cân đối thu chi, góp phần đảm bảo thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường trong mọi lĩnh vực.

2.2. Tóm tắt những điểm tồn tại phát hiện được

i) Về sứ mạng và mục tiêu

Phạm vi phổ biến sứ mạng và mục tiêu của Trường cho các đối tượng ngoài Trường còn hẹp, cách phổ biến chưa đa dạng, phong phú.

ii) Về tổ chức và quản lý

Trường chưa thực hiện công tác rà soát, đánh giá hệ thống văn bản chỉ đạo các hoạt động của Trường. Quy định về chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của một số đơn vị chưa theo kịp quy mô phát triển, tình hình và nhiệm vụ mới. Việc giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược tại các đơn vị chưa hiệu quả. Phần mềm quản lý văn bản đã được Trường triển khai đến các đơn vị, tuy nhiên mới ở quá trình thử nghiệm và hiệu chỉnh.

iii) Về chương trình đào tạo

Sự tham gia của nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp và tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc điều chỉnh và cập nhật các CTĐT ĐH và việc lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ

năng của CTĐT trình độ ĐH chưa mang tính hệ thống và rộng rãi, việc khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nhân lực của thị trường lao động chưa được tiến hành định kỳ, thường xuyên.

iv) Về hoạt động đào tạo

Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo chưa được nâng cấp và cập nhật để đáp ứng được nhu cầu truy cập và sử dụng ngày càng cao của người học, chưa tích hợp các trình độ đào tạo của Trường. Trường chưa xây dựng mục tra cứu thông tin về văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử.

Trường chưa thực hiện định kỳ tổng kết công tác ra đề thi, tổ chức kiểm tra đánh giá của các loại hình đào tạo trong Trường. Trường chưa xây dựng chuẩn đầu ra cho từng học phần. Việc lấy ý kiến phản hồi của doanh nghiệp còn hạn chế nhất định ở một số ngành đào tạo.

v) Về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Việc tuyển dụng GV đầu ngành đối với một số chuyên ngành còn gặp khó khăn như chuyên ngành CNTT, Dược. Trường chưa có quy trình về việc đánh giá năng lực CBQL. Công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, NV chưa mang tính chất định kỳ.

vi) Về người học

Trường chưa có khảo sát nhu cầu, mức độ hài lòng của người học đối với các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt. Hoạt động liên kết với doanh nghiệp chưa thật sự lớn mạnh nên các ngành nghề giới thiệu việc làm cho người tốt nghiệp chưa đa dạng. Trường chưa triển khai cho SV liên thông đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, chất lượng đào tạo của Nhà trường.

vii) Về nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ

Hoạt động NCKH chưa đồng đều, còn yếu ở một số lĩnh vực như giáo dục, văn học, ngoại ngữ, tin học, điện tử. Đội ngũ GV trẻ chưa nhiều kinh nghiệm tham gia NCKH; chưa có nhiều đề tài NCKH cấp tỉnh, cấp bộ. Ngân sách đầu tư cho NCKH của một trường ĐH tư thục còn hạn chế. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đóng góp tăng nguồn lực tài chính của Trường. Nhà trường chưa có kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện công tác đăng ký quyền sở hữu trí tuệ trong NCKH tại Trường.

viii) Về hợp tác quốc tế

Trong quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế chưa quy định rõ việc quản lý cán bộ được cử đi học tập, tập huấn và tham gia hội thảo ở nước ngoài.

Các hoạt động HTQT về liên kết đào tạo chưa được Bộ GD&ĐT cho phép mở chương trình liên kết. Ngoài ra, Trường chưa có các chương trình hỗ trợ, nâng cấp CSVC, trang thiết bị cho trường.

Trường chưa có chương trình HTQT về NCKH, chưa có những kế hoạch cụ thể về thu hút đầu tư, hợp tác NCKH. GV trẻ còn hạn chế về kinh nghiệm chuyên môn, ngoại ngữ để có những công trình NCKH hợp tác quốc tế.

ix) Về thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Trường chưa có đủ nguồn kinh phí để đầu tư đồng bộ trang thiết bị giảng dạy và máy móc hiện đại cho tất cả các phòng học, chưa có phòng làm việc riêng cho một số giáo sư và phó giáo sư. Trường chưa có ký túc xá phục vụ cho nhu cầu SV nội trú. Tiến độ thực hiện dự án xây dựng chưa đảm bảo theo kế hoạch do gặp khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng trong phần đất nằm trong quy hoạch của Trường.

x) Về công tác tài chính

Nguồn thu của Trường chủ yếu là học phí của SV. Nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, từ hoạt động HTQT chiếm tỉ trọng thấp, không đáng kể. Trường chưa tổng hợp các quy chế tài chính và quản lý tài sản thành quy chế chi tiêu nội bộ. Tỉ lệ nguồn tài chính phân bổ cho hoạt động NCKH còn thấp.

2.3. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

i) Về sứ mạng và mục tiêu

Từ tháng 10 năm 2017, Nhà trường tiến hành giới thiệu, phổ biến sứ mạng, mục tiêu, chiến lược của Trường rộng rãi hơn nữa trên các phương tiện thông tin đại chúng, mở rộng phạm vi tới các đối tượng bên ngoài Trường như: Cơ quan, doanh nghiệp, ... thông qua công tác tư vấn tuyển sinh, các buổi hội thảo chuyên đề, các buổi tọa đàm với nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, ...

ii) Về tổ chức và quản lý

Trong năm học 2017 - 2018, Trường sẽ tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật hệ thống văn bản của Trường. Tháng 01/2018, Trường cũng thực hiện đổi

mới phương pháp quản lý theo hướng phân quyền mạnh cho các đơn vị để các đơn vị chủ động tối đa trong việc sử dụng và phát huy nguồn lực của mình. Trong tháng 01/2018, phần mềm quản lý văn bản sẽ được vận hành chính thức, qua đó các đơn vị thực hiện việc báo cáo và lưu trữ văn bản nhanh chóng, chính xác và dễ dàng hơn. Tháng 02/2018, Trường sẽ xây dựng các chỉ số/chỉ báo giám sát, định kỳ cuối năm đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược tại các đơn vị.

iii) Về chương trình đào tạo

Vào tháng 12/2017 và tháng 03/2018, Nhà trường lần lượt tiến hành khảo sát SV năm cuối và cựu SV, đồng thời lấy ý kiến tham khảo các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác về các CTĐT đang thực hiện; về mức độ đáp ứng yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng của CTĐT trình độ ĐH, từ đó điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTĐT cho tất cả các ngành mà Trường đăng ký đào tạo. Trong kế hoạch năm học 2017 - 2018, Nhà trường dự kiến tổ chức thực hiện tự đánh giá các ngành đào tạo thạc sĩ (dự kiến từ tháng 01/2018 - 6/2018), tiến tới đánh giá ngoài các CTĐT trong năm 2018. Đồng thời, Nhà trường cũng tiến hành tăng cường mạng lưới kết nối Nhà trường - doanh nghiệp, cựu SV và các đối tác có liên quan.

iv) Về hoạt động đào tạo

Từ 2017, Trường tiến hành nâng cấp, cải tiến phần mềm quản lý đào tạo theo hướng tích hợp và sử dụng cho việc quản lý nhiều hoạt động của Nhà trường, trong đó có hoạt động đào tạo theo hình thức tín chỉ, quản lý và công bố điểm, ... tiến hành công bố và thường xuyên kiểm tra, kiểm soát thông tin văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và đến năm 2020 hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

Từ tháng 6/2018, hằng năm Trường tổ chức thực hiện tổng kết công tác ra đề thi, tổ chức kiểm tra đánh giá các loại hình đào tạo, khảo sát ý kiến SV liên thông và VLVH về phương pháp, quy trình đánh giá để làm cơ sở điều chỉnh, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá cho phù hợp với thực tế.

Từ tháng 01/2018 - 6/2018, Nhà trường tiến hành cập nhật CTĐT đồng thời điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết trong đó xây dựng chuẩn đầu ra cho từng học phần và thang đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra của học phần đó.

Từ tháng 3/2018 - 6/2018, Trường tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện

kế hoạch chi tiết điều chỉnh hoạt động đào tạo để phù hợp hơn với yêu cầu của xã hội; định kỳ lấy ý kiến đánh giá của nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo ĐH (chính quy, VLVH) và đa dạng hóa các hình thức triển khai lấy ý kiến của người học, nhà tuyển dụng, các chuyên gia thông qua nhiều kênh: Hội thảo, tọa đàm, khảo sát trực tuyến,

v) Về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Trong tháng 01/2018 trở đi, Nhà trường sẽ xem xét bổ sung chính sách thu hút các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ về làm việc cho Trường, đồng thời đẩy mạnh quy hoạch CBQL, GV và NV học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Năm học 2017 - 2018 (từ 15/8/2017 đến 30/7/2018), Trường sẽ bổ sung Quy trình đánh giá năng lực CBQL trong đó quy định cụ thể về xếp loại năng lực và số lần định kỳ đánh giá năng lực trong năm. Trong tháng 01/2018, Trường sẽ xây dựng lộ trình và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, NV phục vụ nhằm từng bước chuyên nghiệp hóa hơn nữa đội ngũ này.

vi) Về người học

Từ tháng 10/2017 đến 10/2018, Trường sẽ tăng cường các hoạt động liên kết với doanh nghiệp thông qua công tác tuyển sinh, hội thảo, tọa đàm, ngày hội việc làm để tạo nhiều cơ hội giới thiệu việc làm cho SV. Từ tháng 01/2018 trở đi, Trường lập kế hoạch khảo sát 01 lần/năm về nhu cầu, mức độ hài lòng của người học đối với các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt. Bắt đầu từ học kỳ 1 năm học 2017 - 2018, Nhà trường sẽ mở rộng phạm vi khảo sát SV liên thông về chất lượng giảng dạy của GV, chất lượng đào tạo của Trường.

vii) Về nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ

Trong năm học 2017 - 2018, Trường khuyến khích GV, SV tham gia NCKH. Trong quý 3, từ tháng 11/2017, Trường thay đổi quy định chi tiêu nội bộ về hoạt động NCKH. Tăng kinh phí hoạt động cho đề tài NCKH, tăng giờ chuẩn quy định cho bài báo xuất bản trên Tạp chí khoa học của Trường. Trong tháng 12/2017, Phòng QLKH&HTQT tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề hỗ trợ GV trẻ xây dựng đề cương, thuyết minh cho các đề tài NCKH. Từ năm 2018, Nhà trường tạo điều kiện cung cấp kinh phí cho các đề tài nghiên cứu, đẩy mạnh liên kết giữa các nhóm nghiên cứu trong Trường với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp sản xuất.

Phòng QLKH&HTQT tổ chức seminar trong tháng 01/2018 thảo luận chuyên đề về tìm biện pháp tạo nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài NCKH, nhất là hợp tác với các doanh nghiệp. Tạp chí NCKH và Phát triển kinh tế của Trường luôn kêu gọi bài viết, thúc đẩy ý thức về nhiệm vụ công bố khoa học của GV.

Từ Quý 2 năm 2018, Nhà trường sẽ có chính sách khuyến khích CBQL, GV và NV chủ động tìm kiếm nguồn hỗ trợ thực hiện NCKH bên ngoài Trường. Trường tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp và các địa phương tại ĐBSCL nhằm tăng thêm nguồn thu từ hoạt động này.

Trong năm 2018, từ đầu năm đến cuối năm, các Khoa sẽ thực hiện việc liên kết mời doanh nghiệp liên quan ngành đào tạo báo cáo seminar, thảo luận hướng hợp tác trong đào tạo và NCKH.

Từ tháng 02/2018, Nhà trường sẽ có thực hiện đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình NCKH cần đăng ký với cơ quan chức năng.

viii) Về hợp tác quốc tế

Từ tháng 8/2017, Trường tích cực liên hệ tìm đối tác để đa dạng hóa các hoạt động HTQT. Nhà trường tiếp tục chủ trương xây dựng các chương trình hợp tác đào tạo với các đối tác nước ngoài, tăng cường thực hiện các chương trình trao đổi SV, trao đổi GV. Bắt đầu từ tháng 01/2018, Trường sẽ mời GV nước ngoài tham gia giảng dạy tiếng Anh tại Trường. Trường tiếp tục đàm phán các chương trình trao đổi SV với các trường ĐH nước ngoài để tăng cường cơ hội du học, thực tập cho SV của Nhà trường.

Từ quý 2 năm 2018, Nhà trường sẽ có những quy định cụ thể hơn về việc quản lý CBQL, GV và NV tham gia học tập, công tác nước ngoài. Bổ sung quy định CBQL, GV và NV sau khi hoàn thành công tác ở nước ngoài phải gửi báo cáo kết quả về BGH và Phòng QLKH&HTQT.

Từ năm 2018, Nhà trường sẽ tăng cường tìm đối tác HTQT trong NCKH thông qua chính sách hỗ trợ như văn phòng làm việc, nhân lực, phương tiện đi chuyên, chỗ ở cho chuyên gia nước ngoài. Văn bản về chính sách này sẽ được ban hành trong năm 2018 và giới thiệu đến các đối tác. Nâng cao năng lực nghiên cứu của GV trẻ, tạo điều kiện cho GV nâng cao trình độ tiếng Anh qua dự học với GV người nước ngoài.

ix) Về thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Trong giai đoạn 2016 - 2020, thư viện sẽ cập nhật và bổ sung thêm nguồn sách tham khảo, giáo trình, báo và tạp chí; khai thác nguồn tài nguyên điện tử, bổ sung số hóa nguồn tài nguyên nội sinh và tiến hành liên kết với các thư viện của các trường ĐH - CĐ trong khu vực và cả nước. Bên cạnh đó, Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng thêm CB chuyên ngành CNTT nhằm quản lý và khai thác có hiệu quả hơn hoạt động của thư viện.

Tháng 01/2018, Trường xây dựng kế hoạch lắp đặt máy chiếu cố định tại các phòng học ở khối nhà tiền chế. Đến cuối năm 2019, tất cả các phòng học đều được lắp đặt máy chiếu cố định tại phòng.

Giai đoạn 2018 - 2020, Trường thực hiện lập dự án đầu tư chiều sâu trang thiết bị (đổi mới trang thiết bị, nâng cấp hạ tầng mạng, CSVC...) theo chiến lược phát triển của Trường.

Trong Nghị quyết HĐQT 6 tháng đầu năm 2017, Trường đã có kế hoạch xây dựng ký túc xá cho SV nội trú vào năm 2018. Trong giai đoạn 2017 - 2022, Trường đảm bảo phòng làm việc riêng phù hợp với điều kiện giảng dạy và nghiên cứu của các giáo sư và phó giáo sư.

Từ tháng 01/2018, Trường kết hợp với các đơn vị liên quan đẩy nhanh việc thực hiện tiến độ giải phóng mặt bằng trong phạm vi quy hoạch của Trường trong thời gian sớm nhất.

x) Về công tác tài chính

Từ năm học 2017 - 2018 trở đi, Trường tiếp tục mở rộng, đa dạng hóa nguồn thu: Mở thêm ngành học mà xã hội có nhu cầu, đặc biệt đẩy mạnh công tác NCKH, chuyển giao công nghệ và HTQT.

Từ năm 2017 - 2020, Trường tiếp tục phát huy ứng dụng tin học hóa cho công tác tài chính nhằm đạt hiệu quả cao trong công việc, tiết kiệm thời gian, công sức.

Từ năm học 2017 - 2018 trở đi, Trường tiến hành khảo sát, hướng dẫn, cho khoảng thời gian dài hơn để các đơn vị trực thuộc lập dự trù, Phòng Tài chính - Kế hoạch xem xét kế hoạch thu chi để kế hoạch sát với thực tế.

PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1

SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Mở đầu

Căn cứ vào định hướng chiến lược phát triển KT - XH, xu thế hội nhập quốc tế của địa phương của khu vực ĐBSCL và của cả nước, Trường ĐHTĐ đã xác định sứ mạng và mục tiêu cho từng giai đoạn phát triển. Sứ mạng và mục tiêu của Trường được tuyên bố rõ ràng, cụ thể và đã được rà soát điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển KT - XH của cả nước cũng như các tỉnh ĐBSCL. Tầm nhìn của Trường đến năm 2030 là phấn đấu trở thành trường ĐH tư thục đa ngành hàng đầu ở khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu và ứng dụng phục vụ cộng đồng, trong đó hoạt động đào tạo ĐH chính quy phát triển ngang tầm khu vực Đông Nam Á.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Trường ĐHTĐ được thành lập theo Quyết định số 54/2006/QĐ-TTg ngày 09/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ [H1.1.1.1], Trường đã khẳng định rõ sứ mạng “Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH vùng ĐBSCL, có năng lực hội nhập và phát triển quốc tế; phấn đấu trở thành một trong những trường đứng đầu vùng ĐBSCL, đẳng cấp trong khu vực, có uy tín ảnh hưởng rộng lớn, đào tạo nguồn nhân lực và NCKH chất lượng cao, có năng lực cạnh tranh và hợp tác bình đẳng với các nước trong khu vực” [H1.1.1.2]. Trải qua thời gian hơn 10 năm xây dựng và phát triển, sứ mạng của Trường đã được HĐQT, BGH và các đơn vị liên quan rà soát, điều chỉnh hoàn thiện với nội dung như sau: “Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, có khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH vùng ĐBSCL, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học” [H1.1.1.3].

Đồng thời, Nhà trường cũng dựa trên chiến lược phát triển KT - XH giai

đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ: “*Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược*”; chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ: “*Đến năm 2020, nền giáo dục nước ta được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện, gồm: Giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức...*”; quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL được ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-TTg ngày 12/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ: “*... Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ...*”; quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH Thành phố Cần Thơ được ban hành kèm theo Quyết định số 1533/QĐ-TTg ngày 30/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ: “*... Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao...*”. Qua phân tích, sứ mạng của Trường đã xác định phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển KT - XH của địa phương và cả nước [M1, H1.1.1.4].

ĐBSCL là vùng kinh tế trọng điểm của đất nước, có số dân gần 20 triệu người, chiếm 22% dân số của cả nước nhưng lại là nơi có trình độ dân trí thấp hơn so với các khu vực khác trong cả nước. Trường ĐHTĐ, trường ĐH tư thục đầu tiên của vùng ĐBSCL với nhiệm vụ đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa hệ cùng với các nguồn lực về CSVC, đội ngũ GV [H1.1.1.5], cụ thể: Diện tích sàn xây dựng là 76.129 m² trong đó có 102 phòng học, giảng đường; 40 phòng thực hành, thí nghiệm trong đó 11 phòng học máy tính; thư viện có diện tích 2.028 m² được trang bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu cho người học; đội ngũ CBQL, GV và NV cơ hữu có 695 người, trong đó có 612 GV (07 giáo sư, 18 phó giáo sư, 80 tiến sĩ, 327 thạc sĩ và 180 ĐH) [H1.1.1.6].

Sứ mạng được chuyển hóa trong các hoạt động của Trường bằng các hình thức tuyên truyền phổ biến rộng rãi đến CBQL, GV, NV và người học thông qua công tác tuyên truyền, trang thông tin điện tử, tuần sinh hoạt công dân HSSV,

pano trưng bày ở nhiều địa điểm trong khuôn viên Trường và các tài liệu giới thiệu về Trường [H1.1.1.7].

2. Điểm mạnh

Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường, góp phần rất lớn trong việc đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của vùng ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung cũng như trong việc thực hiện các kế hoạch, chiến lược về giáo dục và đào tạo của Chính phủ.

3. Tồn tại

Do hoạt động liên kết với các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp bên ngoài Trường chưa thật sự lớn mạnh nên việc phổ biến sứ mạng của Trường đối với các đối tượng này còn hạn chế, cách phổ biến chưa đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 10/2017, Nhà trường tiến hành giới thiệu, phổ biến sứ mạng của Trường rộng rãi hơn nữa trên các phương tiện thông tin đại chúng, mở rộng phạm vi tới các đối tượng bên ngoài Trường như: Cơ quan, doanh nghiệp, ... nhằm thu hút sự quan tâm của xã hội, trong đó có nhà đầu tư thông qua công tác tư vấn tuyển sinh, các buổi hội thảo chuyên đề, các buổi tọa đàm với nhà tuyển dụng, doanh nghiệp,

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Để thực hiện sứ mạng của Trường và hoàn thành sứ mạng đề ra, Trường đã xác định mục tiêu là “*Đổi mới cơ bản và toàn diện đảm bảo mang lại cho CB, công NV trong Nhà trường một môi trường thuận lợi đặc biệt có thể phát huy toàn bộ năng lực và trí tuệ của mình cho sự nghiệp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại ĐBSCL, mang lại cho SV môi trường học tập và NCKH hiện đại, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và những kiến thức tiên tiến hiện đại và các kỹ năng cần thiết để tiến đến đáp ứng đúng theo nhu cầu phát triển của xã hội trong nền kinh tế hội nhập quốc tế. Tạo dựng thương hiệu “Đại học Tây*”

Đô” có uy tín, quan hệ quốc tế rộng rãi đa phương, đa dạng, đủ sức cạnh tranh, hợp tác bình đẳng và chủ động hội nhập” [H1.1.2.1]. Đồng thời, HĐQT, Đảng ủy, BGH xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển để hoàn thành mục tiêu đã đề ra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2012 - 2017 với các chỉ số về đào tạo, NCKH, phát triển nguồn nhân lực, CSVC, ... để làm cơ sở rà soát, chỉnh sửa mục tiêu cho phù hợp với thực tiễn [H1.1.2.2].

Mục tiêu của Trường đã được rà soát điều chỉnh định kỳ theo kế hoạch chiến lược phát triển của Trường cho phù hợp với bối cảnh KT - XH của địa phương, khu vực ĐBSCL và cả nước trong từng giai đoạn phát triển là “Xây dựng và phát triển Trường ĐHTĐ thành một cơ sở đào tạo ĐH và sau ĐH chất lượng cao, là cơ sở NCKH, chuyển giao công nghệ và đáp ứng nhu cầu xã hội về các lĩnh vực sức khỏe; Kinh tế - QTKD - Marketing, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, CNTT, Kỹ thuật điện - Điện tử, Nuôi trồng thủy sản, Ngôn ngữ Anh, Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch), Công nghệ thực phẩm, Môi trường, ... có uy tín và chất lượng của khu vực ĐBSCL và cả nước” [H1.1.2.3]. Luật Giáo dục năm 2005 số 38/2005/QH11 của Quốc hội ban hành tại Khoản 1, Điều 39 đã quy định mục tiêu của giáo dục ĐH là “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...”. Luật Giáo dục ĐH năm 2012 số 08/2012/QH13 của Quốc hội ban hành tại Khoản 1, Điều 5 đã quy định mục tiêu chung của giáo dục ĐH: “...đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT - XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế...”. Luật Giáo dục ĐH năm 2012 tại Khoản 1, Điều 12 quy định: “Phát triển giáo dục ĐH để đào tạo nhân lực có trình độ và chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước”. Qua đó cho thấy, mục tiêu của Trường được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo quy định tại Luật Giáo dục và Luật Giáo dục ĐH [M2].

Mục tiêu của Trường ĐHTĐ được HĐQT, Đảng ủy, BGH đặc biệt chú trọng, quan tâm. HĐQT đưa ra nghị quyết chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để quyết tâm thực hiện các mục tiêu đã đề ra [H1.1.2.4]. Tại các Hội nghị sơ kết, tổng kết, các văn bản báo cáo của Đảng ủy Nhà trường đều báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu của trường [H1.1.2.5].

Hằng năm, tại Hội nghị người lao động, Công đoàn phối hợp với BGH Nhà trường báo cáo công tác đã thực hiện trong năm qua và đề ra phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm tới nhằm góp phần thúc đẩy quá trình phát triển của Nhà trường đạt được các mục tiêu đã đề ra [H1.1.2.6].

Mục tiêu của Trường được phổ biến rộng rãi và triển khai đến toàn thể CBQL, GV, NV và người học thông qua công tác tuyên truyền bằng các hình thức như: Trang thông tin điện tử, tuần sinh hoạt công dân HSSV, các tài liệu giới thiệu về Trường [H1.1.2.7] và thông qua các phương hướng hoạt động trọng tâm của Trường cho từng năm học, cũng như phương hướng hoạt động trọng tâm cấp phòng/ban, khoa/bộ môn và trung tâm [H1.1.2.8].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của Nhà trường được xác định phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố, phù hợp với mục tiêu đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục và Luật Giáo dục ĐH. Mục tiêu chiến lược của Trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và triển khai thực hiện phù hợp với nhu cầu của xã hội. Mục tiêu được phổ biến rộng rãi tới toàn thể CBQL, GV, NV và người học thông qua nhiều hình thức tuyên truyền.

3. Tồn tại

Việc phổ biến, quán triệt mục tiêu giáo dục của Trường chưa rộng khắp nhất là các đối tượng liên quan ngoài Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 01/2018, Trường sẽ tăng cường phổ biến mục tiêu, chiến lược đến các đối tượng có liên quan ngoài Trường thông qua công tác tư vấn tuyển sinh, các buổi hội thảo chuyên đề, các buổi tọa đàm với nhà đầu tư và doanh nghiệp, ...

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Trường đã xác định sứ mạng và mục tiêu cho từng giai đoạn phát triển, phù hợp với thực trạng và điều kiện về nguồn lực của Nhà trường; phù hợp với các chủ trương, chính sách, định hướng phát triển giáo dục ĐH của Bộ GD&ĐT, của Nhà nước. Trường cũng đã giới thiệu các sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn của Trường đến toàn thể CBQL, GV, NV và người học nhằm giúp CBQL, GV, NV và người học hiểu rõ và tạo sự đồng thuận, đồng tâm trong toàn Trường. Các

hoạt động trong Trường đều hướng đến việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường. Trường có kế hoạch dài hạn, trung hạn và thường niên để triển khai thực hiện sứ mạng, mục tiêu giáo dục đã đề ra. Tuy nhiên, việc phổ biến mục tiêu của Nhà trường chưa được rộng khắp nên kết quả đánh giá việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra chưa đầy đủ.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Tiêu chuẩn 2

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mở đầu

Trường ĐHTĐ được tổ chức và quản lý theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH và Điều lệ trường ĐH. Cơ cấu tổ chức của Trường được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường phê duyệt vào năm 2006. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban được quy định trong các văn bản của Trường và tuân theo quy định chung. Trường có bộ phận ĐBCL giáo dục ĐH nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường rõ ràng, đúng quy định. Cơ cấu của Trường gồm: Hội đồng cố vấn có 03 thành viên; HĐQT gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên; BGH gồm 01 Hiệu trưởng và 04 Phó Hiệu trưởng; Hội đồng KH&ĐT; Hội đồng Đảm bảo chất lượng và các tổ chức, bộ phận khác theo quy định [H2.2.1.1]. Cơ cấu tổ chức của Trường phù hợp với đặc thù của một trường ĐH ngoài công lập, đúng quy định tại Điều 14 của Luật Giáo dục ĐH và Điều 6 của Điều lệ trường ĐH.

Trường hiện có: 07 khoa gồm Khoa Cơ bản, Khoa QTKD, Khoa Kế Toán - Tài chính - Ngân hàng, Khoa Ngữ văn, Khoa Kỹ thuật - Công nghệ, Khoa Sinh học ứng dụng, Khoa Dược - Điều dưỡng; 08 phòng, khoa chức năng gồm Phòng TC - HC, Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QLKH&HTQT, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng QTTB, Khoa Đào tạo thường xuyên, Khoa Đào tạo sau ĐH; 03 Trung tâm gồm Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - CDR&PTNNL, Trung tâm KT&ĐBCLGD và Trung tâm HTSV&HTDN; Ban Thanh tra - Pháp chế; Thư viện; Tổ website. Bên cạnh đó, Trường còn có tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể khác như: Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội Khuyến học và Hội Cựu SV [H2.2.1.2]. Các đơn vị thuộc Trường và các tổ chức Đảng và đoàn thể được thành lập và hoạt động đúng theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của

Trường. Trong quy chế, chức năng trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT, BGH và các bộ phận được phân định rõ ràng [H2.2.1.3], trong đó, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất ở Trường, có quyền quyết định những vấn đề về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, quy hoạch, kế hoạch và phương hướng đầu tư phát triển của trường, điều này được thể hiện rõ qua các Nghị quyết HĐQT mỗi năm [H2.2.1.4]. Dựa vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, các đơn vị cũng xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị, quy chế quy định rõ chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của CBQL cấp đơn vị và các chuyên viên trực thuộc [H2.2.1.5]. Bên cạnh đó, CBQL ở Trường được bổ nhiệm theo đúng quy trình, đảm bảo theo tiêu chuẩn quản lý được quy định trong văn bản của Trường, của Bộ GD&ĐT [H2.2.1.6, H2.2.1.7]. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân được phân định rõ ràng, phát huy được tính chủ động, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với các nhiệm vụ được phân công, nhờ đó các hoạt động của Nhà trường được thực hiện một cách nhanh chóng và hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Trường có cơ cấu tổ chức rõ ràng, đúng quy định, phù hợp với tình hình phát triển của Trường. Với cơ cấu tổ chức phù hợp, bộ máy hoạt động của Trường được phát huy hiệu quả, công việc được giải quyết nhanh chóng, đảm bảo các hoạt động của Trường được trôi chảy.

3. Tồn tại

Trường chưa có quy định đánh giá cơ cấu tổ chức của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong quý 1 năm 2018, Trường sẽ có quy định đánh giá cơ cấu tổ chức của Trường nhằm điều chỉnh để đạt hiệu quả cao hơn nữa trong tổ chức và quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Trường có đầy đủ hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý tất cả các hoạt động của Nhà trường. Hệ thống gồm 12 loại văn bản được chia theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, hệ thống gồm: Các văn bản quản lý công tác tổ chức, hành chính

[H2.2.2.1]; các văn bản quản lý hoạt động đào tạo [H2.2.2.2]; các văn bản quản lý hoạt động người học [H2.2.2.3]; các văn bản quản lý hoạt động CB, GV và NV [H2.2.2.4]; các văn bản quản lý hoạt động tài chính và tài sản [H2.2.2.5]; các văn bản quản lý về hoạt động ĐBCL [H2.2.2.6]; các văn bản quản lý hoạt động NCKH&HTQT [H2.2.2.7]; các văn bản quản lý hoạt động thư viện [H2.2.2.8]; các văn bản quản lý hoạt động trang thông tin điện tử [H2.2.2.9]; các văn bản quản lý công tác đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn [H2.2.2.10] và các văn bản hoạt động của Ban Thanh tra - Pháp chế [H2.2.2.11]. Bên cạnh đó, tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thuộc Trường cũng có hệ thống các văn bản để tổ chức và quản lý hoạt động của tổ chức [H2.2.2.12]. Các văn bản được ban hành tương đối đầy đủ và liên tục cập nhật, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường và là cơ sở pháp lý trong việc quản lý tất cả các hoạt động của Trường.

Hệ thống văn bản tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường được áp dụng một cách hiệu quả. Phòng TC - HC xem xét, tham mưu, kiểm tra các văn bản trước khi trình HĐQT, BGH ban hành và có trách nhiệm về việc quản lý các văn bản thuộc Trường. Ban Thanh tra - Pháp chế có vai trò quan trọng trong việc tư vấn xây dựng hệ thống văn bản hiện hành của Nhà trường [H2.2.2.13]. Văn bản trước khi ban hành đều có sự tham gia đóng góp ý kiến của các cá nhân và các đơn vị trong Trường [H2.2.2.14]. Việc triển khai hệ thống các văn bản không có sự mâu thuẫn, vướng mắc giữa các bộ phận liên quan được thể hiện qua các báo cáo tổng kết cuối năm và phương hướng hoạt động cho năm học mới của các đơn vị [H2.2.2.15]. Nội dung các văn bản theo đúng quy định của pháp luật, thống nhất biểu mẫu chung, được ban hành theo đúng quy trình. Bên cạnh đó, mỗi đơn vị có các biểu mẫu liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [H2.2.2.16]. Các văn bản được quán triệt đến từng CB, GV, NV và người học của Trường thông qua email, các cuộc họp và bản chính lưu tại đơn vị [H2.2.2.17]. Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá tính hiệu quả của các văn bản tổ chức và quản lý của Nhà trường, qua đó cho thấy hệ thống văn bản đáp ứng được yêu cầu quản lý, hoạt động của Trường [H2.2.2.18].

2. Điểm mạnh

Hệ thống các văn bản về tổ chức, quản lý được ban hành đầy đủ, kịp thời phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động của Nhà trường. Văn bản được CBQL, GV và NV góp ý

trước khi ban hành và được công bố rộng rãi tạo điều kiện thực hiện tính dân chủ trong Trường.

3. Tồn tại

Trường chưa có công tác phân tích mức độ hiệu quả của hệ thống văn bản chỉ đạo các hoạt động của Trường. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Thanh tra - Pháp chế chưa quy định việc rà soát, góp ý, đánh giá và cập nhật hệ thống văn bản hiện hành của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong tháng 01/2018, Trường sẽ bổ sung chức năng, nhiệm vụ trong việc rà soát, góp ý, đánh giá và cập nhật hệ thống văn bản hiện hành của của Ban Thanh tra - Pháp chế. Từ tháng 02/2018 - 05/2018, Trường sẽ tiến hành công tác rà soát, phân tích mức độ hiệu quả của hệ thống văn bản chỉ đạo. Từ tháng 04/2018 - 06/2018, Trường tiến hành bổ sung, thay thế những văn bản, quy định không còn phù hợp tại Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường vào năm 2006. Trong quy chế, chức năng trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT, BGH và các bộ phận được phân định rõ ràng [H2.2.3.1]. Trường cũng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của từng đơn vị trực thuộc Trường, quy chế quy định rõ chức năng trách nhiệm quyền hạn của Trường khoa/ Phó Trường khoa, Trường phòng/ Phó Trường phòng, Giám đốc/ Phó Giám đốc và các chuyên viên trực thuộc [H2.2.3.2]. Mỗi đơn vị đều có bản mô tả vị trí công việc nhằm có sự phân công công việc rõ ràng từng vị trí [H2.2.3.3]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành quy định chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của GV, NV theo đúng quy định của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế của Trường [H2.2.3.4, H2.2.3.5]. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Trường đã xây dựng hoàn thiện quy chế làm việc theo quy định của tổ chức Đảng và đoàn thể [H2.2.3.6].

Bên cạnh các văn bản trên, Trường ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quan hệ làm việc giữa BGH và các đơn vị thuộc Trường [H2.2.3.7]. Để

quy định rõ quan hệ giữa Nhà trường và tổ chức Công đoàn, Trường ban hành Quy chế cộng tác giữa Nhà trường và Công đoàn cơ sở [H2.2.3.8]. Trường cũng ban hành quy định chế độ làm việc, thời gian nghỉ ngơi và nghỉ việc của CBQL, GV và NV [H2.2.3.9].

Văn bản trước khi ban hành đều có sự tham gia đóng góp ý kiến của các cá nhân và các đơn vị trong Trường [H2.2.3.10]. Các văn bản được quán triệt đến từng CB, GV và NV của Trường thông qua email, các cuộc họp trong đơn vị và bản chính lưu tại đơn vị [H2.2.3.11]. Thực tế, thông qua sự phân định trách nhiệm và quyền hạn cho tập thể và cá nhân, mỗi CB, GV và NV của Trường đã nhận thức rõ được chức năng và nhiệm vụ của mình nên các hoạt động của Trường được thực hiện nhanh chóng và hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị, CBQL, GV và NV. Chức năng, nhiệm vụ được phân định rõ ràng, phát huy được tính chủ động, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với các nhiệm vụ được phân công, từ đó hoạt động của Nhà trường được thực hiện một cách nhanh chóng và hiệu quả.

3. Tồn tại

Quy định về chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của một số đơn vị chưa theo kịp quy mô phát triển, tình hình và nhiệm vụ mới.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 - 2018, Trường sẽ tiến hành rà soát, bổ sung, thay thế những quy định chưa theo kịp công việc của đơn vị. Tháng 01/2018, Trường cũng thực hiện đổi mới phương pháp quản lý theo hướng phân quyền mạnh cho các đơn vị để các đơn vị chủ động tối đa trong việc sử dụng và phát huy nguồn lực của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Trường được thành lập theo

đúng quy định pháp luật; hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của Đảng và các tổ chức đoàn thể; có quy chế làm việc của tổ chức [H2.2.4.1, H2.2.4.2]. Các tổ chức đoàn thể của Trường gồm có: Công đoàn cơ sở, Đoàn TN, Hội Khuyến học, Hội SV và Hội Cựu SV.

Đảng bộ hiện nay có 115 đảng viên trong đó có 99 đảng viên chính thức và 23 đảng viên dự bị. Đảng bộ luôn định hướng chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động gắn liền với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và sự phát triển của Nhà trường góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần của CB, GV và NV.

Bảng 2.1: Thống kê số lượng CB, GV, NV và SV được kết nạp đảng từ năm 2012 - 2017.

Năm	Số quần chúng học lớp cảm tình Đảng		Số đảng viên được kết nạp mới		Tổng số đảng viên		Số lớp tìm hiểu về Đảng đã tổ chức	
	CBQL, GV, NV	SV	CBQL, GV, NV	SV	CBQL, GV, NV	SV	CBQL, GV, NV	SV
2012	9	10	7	5	39	22	2	22
2013	12	8	9	4	53	45	2	45
2014	10	15	5	6	68	32	2	32
2015	8	14	6	11	70	34	2	34
2016	8	15	5	10	68	43	2	43
9/2017	5	30	5	12	73	45	2	45
Tổng	52	92	37	48	371	221	12	221

Hàng tháng, Đảng ủy đều họp lệ, báo cáo lại tình hình hoạt động tháng trước và nêu phương hướng hoạt động cho tháng sau trong các mặt công tác như: Công tác giáo dục tư tưởng chính trị, công tác phát triển đảng viên, công tác chuyên môn, công tác đoàn thể. Cuối năm, Đảng ủy tổng kết đánh giá lại các hoạt động và đề ra phương hướng năm sau. Đảng bộ Nhà trường luôn giữ mối quan hệ gắn bó với các tổ chức đoàn thể trong trường. Hàng quý, Đảng ủy đều có lịch làm việc với Ban thường vụ Đoàn Trường, Ban thư ký Hội SV và BCH Công đoàn trường để nghe các tổ chức báo cáo tình hình hoạt động. Hàng năm, Đảng bộ đều tổ chức cuộc thi “Trường ĐHTĐ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HCM”; tổ chức Hội nghị học tập quán triệt triển khai các Chỉ thị, Nghị quyết của Hội nghị TW Đảng; chi bộ tổ chức cho đảng viên báo cáo học tập và làm theo gương Bác với hình thức: Mỗi tháng phân công 1 đảng viên viết bài báo cáo trước chi bộ. Năm 2012, Đảng bộ Nhà trường đạt danh hiệu Đảng bộ học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM. Năm 2013, Đảng bộ

Nhà trường và 01 đảng viên được Ban Tuyên Giáo Đảng ủy Khối cơ quan Dân Chính Đảng tặng Giấy khen về việc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong việc thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM. Năm 2016, Đảng bộ Nhà trường được Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Cần Thơ tặng Giấy khen về việc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác tuyên giáo. Bên cạnh đó, Đảng bộ Nhà trường từ năm 2009 - 2016 là đơn vị trong sạch vững mạnh 08 năm liền [H2.2.4.3].

Công đoàn cơ sở Trường có 646 CĐV trong tổng số 695 CBQL, GV và NV sinh hoạt trong 12 tổ công đoàn. Hằng năm, Công đoàn Trường phối hợp với HĐQT và BGH tổ chức Hội nghị CB, GV và NV, tham gia công tác đối thoại tại nơi làm việc đúng quy định. Để tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, Công đoàn Trường đã tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa được đông đảo CĐV tích cực tham gia hưởng ứng như các phong trào thể dục thể thao (bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, ...); văn nghệ (hát, múa, sân khấu cải lương); tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB, GV, NV nữ; tặng quà cho các bé thiếu nhi (nhân ngày tết thiếu nhi, ngày rằm trung thu); tặng quà tết cho các CĐV; tặng quà sinh nhật, thăm hỏi bệnh; Qua các hoạt động nổi bật và thường xuyên, Công đoàn Trường đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc nhiều năm học liền, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen, cờ thi đua từ Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ [H2.2.4.4].

Đoàn TNCS HCM Trường ĐHTĐ với 6.874 đoàn viên sinh hoạt trong 08 đoàn cơ sở, 109 Chi đoàn trực thuộc. Đoàn TN hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của điều lệ Đoàn TNCS HCM. Trong nhiệm kỳ vừa qua, Đoàn trường đã tổ chức được công tác giáo dục truyền thống lịch sử bằng nhiều hình thức phong phú như: Phối hợp với Hội SV mở cuộc vận động SV 5 tốt, các hoạt động xã hội, hỗ trợ cộng đồng, ... đặc biệt, chiến dịch TN tình nguyện hè hằng năm đã tạo được tiếng vang tốt. Đoàn TNCS HCM trường hoạt động hiệu quả được cấp trên đánh giá cao qua giấy khen, bằng khen của BCH TW Đoàn TNCS HCM và BCH Đoàn TNCS HCM Thành phố Cần Thơ [H2.2.4.5].

Hội SV có 6.219 hội viên, sinh hoạt trong 12 liên chi hội, 01 chi hội và 06 CLB trực thuộc. Hội SV hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ Điều lệ Hội SV Việt Nam. Hằng năm, Hội SV phối hợp với Đoàn TN có nhiều chương trình hoạt động bổ ích, tạo sân chơi lành mạnh cho các hội viên như chiến dịch tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo, ... Hội và các cá nhân được đánh giá tốt được

khen tặng nhiều giấy khen, bằng khen từ BCH TW Hội SV Việt Nam và BCH Hội SV Việt Nam Thành phố Cần Thơ [H2.2.4.6].

Bên cạnh đó, Hội khuyến học và Hội cựu SV Trường tuy thành lập chưa lâu nhưng cũng dần hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân sự. Hội đã ban hành các quy chế, quy định làm việc và có nhiều hoạt động thiết thực ý nghĩa trong thời gian qua. Với nhiều hoạt động thiết thực, Hội Khuyến học đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ [H2.2.4.7, H2.2.4.8].

Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể hoạt động thuận lợi và phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường. Thành tích mà Đảng bộ cũng như các tổ chức Đoàn thể trong Nhà trường đạt được đã góp phần không nhỏ trong sự phát triển chung của Nhà Trường.

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể có sự phối hợp chặt chẽ với nhau góp phần làm ổn định các hoạt động của Trường giúp Nhà trường ngày càng phát triển; xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong toàn Trường tạo dựng uy tín, niềm tin và phát triển thương hiệu, từ đó góp phần thực hiện thành công các hoạt động của Nhà trường. Các hoạt động của Đảng và đoàn thể đều đạt thành tích cao và được ghi nhận.

3. Tồn tại

Cán bộ làm công tác đảng đều kiêm nhiệm nên còn hạn chế về thời gian dành cho công tác đảng. Trường ĐHTĐ là trường ĐH tư thục, tổ chức cơ sở đảng trong trường hoạt động theo cơ chế phối - kết hợp với HĐQT và BGH Nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, các văn bản chỉ đạo của cấp trên chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, chưa có mô hình hoạt động cụ thể nên việc thực hiện nhiệm vụ còn gặp một số khó khăn nhất định, chưa thật sự chủ động và sáng tạo. Một số mặt hoạt động của Công đoàn, Đoàn TN và Hội SV chưa đi vào chiều sâu, chưa thực sự đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Để khắc phục những khó khăn trên, Đảng ủy và Chi ủy các chi bộ phải kịp thời phổ biến, quán triệt đầy đủ và lãnh đạo đảng viên, GV và NV thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Nhà trường; nắm bắt tư tưởng, tâm tư nguyện vọng, kiến nghị đề xuất của đảng viên và quần chúng để có biện pháp giải quyết kịp thời và có hiệu quả; tiếp

tục xây dựng, củng cố Đảng bộ Trường luôn là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; lãnh đạo các tổ chức đoàn thể phát triển vững mạnh toàn diện. Cấp ủy phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo Nhà trường từng bước củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy, phát triển toàn diện nguồn nhân lực, ổn định nề nếp, tạo thế và lực mới, nhanh chóng đưa Nhà trường phát triển bền vững đạt yêu cầu cao.

Đồng thời, từ tháng 9/2017, Công đoàn, Đoàn TN và Hội SV sẽ tạo những phong trào thi đua thiết thực như phát huy sáng kiến kinh nghiệm, xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp, từ đó thúc đẩy toàn thể CB, GV và NV hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, thúc đẩy Trường trở thành một trường ĐH hàng đầu trong khu vực kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Trường có bộ phận chuyên trách về ĐBCL giáo dục ĐH. Trung tâm được thành lập vào năm 2009 với tên là Trung tâm Khảo thí & KĐCLGD, đến năm 2013 Trung tâm được đổi tên thành Trung tâm KT&ĐBCLGD [H.2.2.5.1]. Trung tâm hiện có 06 CBQL và NV (01 PGS.TS, 04 thạc sĩ và 01 kỹ sư), trong đó có 01 CB là kiểm định viên. Đội ngũ CB, NV chuyên trách của trung tâm có nhiều năng lực, được phân công nhiệm vụ rõ ràng, tham gia nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng liên quan đến công tác ĐBCL như: Công tác tự đánh giá cấp trường, tự đánh giá cấp chương trình; xây dựng, quản lý, đánh giá chuẩn đầu ra CTĐT; lớp đào tạo kiểm định viên chất lượng giáo dục; hội thảo hội nghị liên quan công tác viết báo cáo tự đánh giá, công tác KĐCLGD [H.2.2.5.2].

Trung tâm ngày càng được BGH tin cậy, giao nhiều nhiệm vụ mới. Theo phân công, năm 2012 nhiệm vụ của Trung tâm gồm: Tham gia hội đồng thi đầu vào, thi tốt nghiệp các hệ, các bậc đào tạo của Trường; chủ trì về kiểm định chất lượng đào tạo, dự giờ lên lớp, lấy ý kiến phản hồi từ người học; tham gia thanh tra đào tạo. Đến năm 2016, nhiệm vụ của Trung tâm được rà soát bổ sung trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm với các nhiệm vụ như: Tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác thi và đánh giá chất lượng giáo dục các bậc học và

các loại hình đào tạo của Trường; triển khai thực hiện các hoạt động về công tác khảo thí, công tác ĐBCL giáo dục và công tác thanh tra đào tạo trong Trường; thực hiện công tác được phân công trong quản lý phối bằng, chứng chỉ [H.2.2.5.3].

Hằng năm từ năm 2012 - 2017, Trung tâm xây dựng kế hoạch ĐBCL, kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, thực hiện công tác báo cáo định kỳ, đột xuất đúng theo quy định của cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý [H2.2.5.4, H2.2.5.5]. Năm 2013, Trung tâm đã triển khai tốt công tác tự đánh giá cấp trường năm 2013 [H2.2.5.6]. Để nâng cao hoạt động ĐBCL, năm học 2016 - 2017, Trung tâm đề xuất thực hiện chỉ tiêu chất lượng cấp trường và cấp đơn vị theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH (văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014) và Nghị quyết của HĐQT [H2.2.5.7]. Cũng trong năm học này, Trung tâm đề xuất ban hành Quy trình lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV; đề xuất và xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho các học phần [H2.2.5.8]. Năm 2017, Trung tâm triển khai công tác tự đánh giá cấp trường, đề xuất và tham gia tự đánh giá các CTĐT với vai trò Ủy viên Hội đồng tự đánh giá và ban thư ký [H2.2.5.6, H2.2.5.9]. Kết quả hoạt động của Trung tâm đã được BGH, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đánh giá ở mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năm học 2013 - 2014 Trung tâm được Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc [H.2.2.5.10].

Gắn với việc triển khai thực hiện các chiến lược của Trung tâm, Trung tâm đã tham mưu, xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống ĐBCL bên trong trường ĐHTĐ nhằm nâng cao chất lượng cơ sở Trường và một số CTĐT vào năm 2016. Hệ thống gồm HĐQT, Hội đồng ĐBCLGD, Trung tâm KT&ĐBCLGD và các tổ ĐBCL là các đơn vị trực thuộc Trường [H2.2.5.11, H2.2.5.12]. Mạng lưới đã góp phần vào việc triển khai các hoạt động tự đánh giá của Trường và của CTĐT [H2.2.5.6, H2.2.5.9].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng mạng lưới ĐBCL bao gồm tất cả các đơn vị thuộc Trường. Trường có mô hình hệ thống ĐBCL bên trong Trường. Đội ngũ CBQL có năng lực, được tham gia tập huấn và bồi dưỡng thường xuyên về công tác ĐBCL theo yêu cầu thực tế.

3. Tồn tại

CB chuyên trách công tác ĐBCL của Trung tâm còn ít nên việc lên kế hoạch và tổ chức thực hiện tự đánh giá còn chậm tiến độ. Trường chưa ban hành cơ chế hoạt động của tổ công tác ĐBCL.

4. Kế hoạch hành động

Trong tháng 01/2018, Trường xây dựng và ban hành cơ chế hoạt động của tổ công tác ĐBCL. Trong năm học 2016 - 2017, Trường tiếp tục hoàn thiện việc bố trí, bổ sung nhân sự chuyên trách công tác ĐBCL theo kế hoạch và cử thêm CB chuyên trách đi đào tạo, tập huấn về công tác ĐBCL giáo dục ĐH.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả

Ngay từ khi thành lập Trường đã xây dựng văn bản định hướng chiến lược phát triển của Trường, văn bản được ban hành vào năm 2006 có tầm nhìn đến năm 2030. Chiến lược phát triển xác định rõ các chỉ tiêu, thành tích quan trọng cần đạt được về đào tạo, HTQT, phát triển nguồn nhân lực, CSVC, nguồn lực tài chính phù hợp với định hướng phát triển của Trường: *Đào tạo đa ngành, đa nghề tập trung vào các ngành nghề mũi nhọn đáp ứng nhu cầu nhân lực tại vùng ĐBSCL; Trường đào tạo nguồn nhân lực có tính sáng tạo, có khả năng nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn với mục tiêu là đào tạo phải phục vụ theo nhu cầu xã hội.* Chiến lược cũng bám sát sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn của Nhà trường [H2.2.6.1].

Căn cứ theo văn bản định hướng chiến lược phát triển, năm 2012 Trường thành lập Ban soạn thảo và đề ra kế hoạch chiến lược 5 năm giai đoạn năm 2012 – 2017, kế hoạch nêu rõ chiến lược phát triển của Nhà trường về đào tạo, HTQT, phát triển nguồn nhân lực, CSVC, nguồn lực tài chính và quản lý SV [H2.2.6.2, H2.2.6.3]. Các đơn vị cũng đề ra kế hoạch chiến lược căn cứ trên kế hoạch chiến lược của Trường. Chiến lược phát triển của Trường cũng được cụ thể hóa trong các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn và các

Nghị quyết của HĐQT [H2.2.6.3].

Cùng với việc đề ra các kế hoạch, Nhà trường rất coi trọng việc kiểm tra giám sát, đánh giá thực hiện các kế hoạch [H2.2.6.4]. Đối với kế hoạch ngắn hạn, biện pháp giám sát kiểm tra đánh giá thông qua báo cáo tại các cuộc họp giao ban, các báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị [H2.2.6.5]. Đối với kế hoạch chiến lược trung và dài hạn, Trường có lập báo cáo tổng kết việc thực hiện các kế hoạch [H2.2.6.6]. Bên cạnh đó, nhằm giám sát, đôn đốc, tổ chức rà soát và đánh giá các mục tiêu cần đạt được Nhà trường đã thành lập Tổ theo dõi việc triển khai - thực hiện chiến lược của Trường [H2.2.6.4]. Việc thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá và đôn đốc thực hiện kế hoạch của các cấp quản lý đã giúp cho Nhà trường cũng như từng đơn vị trong Trường rà soát lại các công việc đã thực hiện nhằm đảm bảo hoạt động theo kế hoạch đề ra [H2.2.6.6].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với định hướng phát triển, sứ mạng và tầm nhìn của Trường. Các kế hoạch này đã từng bước được thực hiện có hiệu quả và được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Tồn tại

Vẫn còn một số ít hoạt động trong kế hoạch chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra. Cơ chế giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tại các đơn vị còn chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Trong tháng 01/2018, Trường sẽ xây dựng các chỉ số/chỉ báo giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch; tháng 02/2018, tổ chức triển khai cơ chế giám sát kế hoạch đã ban hành; định kỳ cuối năm đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tại các đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

1. Mô tả

Trường luôn thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ theo yêu cầu của cơ

quan chủ quản và cơ quan quản lý về các hoạt động của Nhà trường như báo cáo 03 công khai, báo cáo thống kê (về nhân sự, CSVC, đào tạo, NCKH, HTQT, thi đua khen thưởng), báo cáo đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, báo cáo tuân lễ sinh hoạt công dân người học, báo cáo kết quả tuyển sinh, hậu kiểm, báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV [H2.2.7.1, H2.2.7.2]. Nội dung báo cáo phản ánh đúng hoạt động thực tiễn của Nhà trường và theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và các cơ quan quản lý có liên quan. Bên cạnh đó, Trường cũng thực hiện đầy đủ các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan địa phương, cơ quan TW và một số tổ chức có liên quan [H2.2.7.3]. Trong giai đoạn 05 năm tính từ năm 2012, Trường không vi phạm chế độ báo cáo của Bộ GD&ĐT và cơ quan quản lý có liên quan.

Để các báo cáo được đầy đủ nội dung, thực hiện đúng hạn theo quy định, BGH Nhà trường đã giao cho Phòng TC - HC làm đầu mối cho việc tổ chức, thực hiện, lưu trữ và gửi các yêu cầu lập báo cáo đến các đơn vị theo đúng chức năng nhiệm vụ [H2.2.7.4]. Đối với báo cáo lập cho toàn Trường, căn cứ theo yêu cầu báo cáo của cấp trên, Phòng TC - HC ra thông báo hoặc công văn yêu cầu các đơn vị chức năng liên quan trong Trường cung cấp thông tin hoặc lập báo cáo bộ phận và luôn có kèm theo thời hạn hoàn thành. Đối với báo cáo chuyên môn của một đơn vị cụ thể, văn bản yêu cầu lập báo cáo được chuyển trực tiếp cho đơn vị [H2.2.7.1]. Phòng TC - HC có trách nhiệm đôn đốc nhắc nhở các đơn vị hoàn thành báo cáo đúng hạn. Nhờ đó, Nhà trường thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, kịp thời, không có vi phạm nào về chế độ báo cáo.

Trường đã ban hành quy trình giải quyết văn bản đến, văn bản đi; quy định về công tác văn thư lưu trữ nên các văn bản của Trường được lưu trữ đầy đủ, đúng quy trình, được sắp xếp ngăn nắp theo nhóm nội dung báo cáo và theo thời gian để thuận lợi cho việc tra cứu [H2.2.7.5]. Ở mỗi đơn vị đều có ít nhất một NV phụ trách công tác văn thư, có trình độ chuyên môn tốt đáp ứng được yêu cầu của công việc [H2.2.7.6]. Công việc lưu trữ văn bản không chỉ được lưu theo hình thức truyền thống mà có phần mềm quản lý và lưu trữ văn bản [H2.2.7.7].

Trường luôn báo cáo đầy đủ và kịp thời nên được Chủ tịch UBND và Đảng bộ Thành phố Cần Thơ khen thưởng có thành tích xuất sắc thi đua các năm học và là tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh nhiều năm liền [H2.2.7.8].

2. Điểm mạnh

Công tác báo cáo của Nhà trường luôn được thực hiện một cách nhanh chóng, đúng thời hạn và được lưu trữ đầy đủ theo quy định.

3. Tồn tại

Phần mềm quản lý văn bản đã được Trường triển khai đến các đơn vị, tuy nhiên mới ở quá trình thử nghiệm và hiệu chỉnh.

4. Kế hoạch hành động

Đầu tháng 01/2018, Trường có kế hoạch vận hành chính thức sử dụng phần mềm quản lý văn bản, qua đó các đơn vị thực hiện việc báo cáo và lưu trữ văn bản nhanh chóng, chính xác và dễ dàng hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường ĐH và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường. Chức năng trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, CBQL, GV và NV được phân định rõ ràng. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Trường hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt. Trường đã xây dựng đầy đủ hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Trường. Hệ thống văn bản được ban hành, lưu trữ đúng quy định và được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CB, GV và NV.

Trường có bộ phận ĐBCL giáo dục ĐH, có đội ngũ CB có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Trường có chiến lược và các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường; có biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Nhà trường. Trường thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, công tác lưu trữ được thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như chưa có sự phân cấp mạnh mẽ cho các đơn vị; chưa có chỉ số/chỉ báo giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7

Tiêu chuẩn 3
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

CTĐT là một trong những yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến chất lượng đào tạo và luôn luôn được Nhà trường quan tâm. Việc xây dựng mới CTĐT được thực hiện bởi các GV, nhà khoa học có kinh nghiệm trong và ngoài Trường, CBQL theo đúng quy định của Trường và quy định của Bộ GD&ĐT. Các CTĐT trình độ ĐH, sau ĐH được xây dựng, sửa đổi, bổ sung có sự tham khảo CTĐT của các trường ĐH có uy tín. Mỗi CTĐT của Trường đều thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng theo từng cấp độ và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Các CTĐT của Nhà trường được thiết kế đảm bảo tính liên thông cao giữa các cấp học, bậc học, giữa các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường. Nhà trường đã định kỳ rà soát và cập nhật CTĐT theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đó, các CTĐT cũng được triển khai tự đánh giá chất lượng và thực hiện cải tiến trên kết quả đánh giá của SV sắp tốt nghiệp, cựu SV và nhà tuyển dụng.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Trong thời gian hơn 10 năm kể từ ngày thành lập, Trường ĐHTĐ đã tuyển sinh và đào tạo 19 ngành học (gồm các ngành: Dược, Điều dưỡng, Luật kinh tế, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch), Văn học, Ngôn ngữ Anh, Nuôi trồng thủy sản, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện - Điện tử, Thú y) với tổng cộng 60 CTĐT cho các

bậc, hệ đào tạo của Trường. Cụ thể: Trình độ ĐH có 36 CTĐT (19 CTĐT ĐH chính quy, 01 CTĐT Cử nhân tài năng ngành Quản trị kinh doanh, 07 CTĐT liên thông từ cao đẳng lên ĐH chính quy, 02 CTĐT liên thông từ trung cấp lên ĐH chính quy, 04 CTĐT ĐH hệ VLVH, 03 CTĐT liên thông từ cao đẳng lên ĐH hệ VLVH); trình độ thạc sĩ có 03 CTĐT; trình độ cao đẳng có 12 CTĐT (07 CTĐT cao đẳng chính quy, 04 CTĐT liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy và 01 CTĐT liên thông từ trung cấp lên cao đẳng VLVH); trình độ Trung cấp chuyên nghiệp có 09 CTĐT [H3.3.1.1, H3.3.1.2, H3.3.1.3].

Hiện nay, Nhà trường đang tuyển sinh và đào tạo 19 ngành, tương ứng với 02 CTĐT trình độ CĐ, 19 CTĐT trình độ ĐH, 01 CTĐT cử nhân tài năng và 03 CTĐT trình độ thạc sĩ và một số CTĐT liên thông [H3.3.1.4]. Trường hiện có 8.403 SV và học viên cao học đang học tập tại Trường.

Các CTĐT được xây dựng đều tuân thủ với quy định hiện hành, có trong danh mục đào tạo, được cho phép tuyển sinh và đào tạo bởi Bộ GD&ĐT [H3.3.1.5, H3.3.1.6].

Trong giai đoạn từ năm 2012 - 2017, CTĐT trình độ ĐH mới mới của Trường được thực hiện theo đúng quy định hiện hành (Thông tư 08/2011/TT-Bộ GD&ĐT ngày 17/02/2011). Đến năm 2011, Trường có 10 chuyên ngành đào tạo bậc ĐH, tất cả các chuyên ngành này đều phù hợp với danh mục mã ngành cấp IV do Bộ GD&ĐT quy định (theo Thông tư 04/2010/TT-BGDĐT ngày 27/04/2010). Trong giai đoạn 2012 - 2015, số CTĐT theo từng năm lần lượt là 13, 14, 16, 18 [H3.3.1.1]. Trên cơ sở các CTĐT hệ chính quy, Trường đã lựa chọn và ban hành CTĐT liên thông chính quy và CTĐT VLVH (bao gồm văn bằng 2 và liên thông) [H3.3.1.2].

Nhằm đa dạng dịch vụ đào tạo và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của SV và phụ huynh, từ năm 2015, Trường đã ban hành CTĐT cử nhân tài năng ngành QTKD [H3.3.4.4]. CTĐT chất lượng cao được xây dựng có sự tham khảo của CTĐT ở các trường trong và ngoài nước nhằm có được chương trình tiên tiến và hội nhập.

Hội đủ các điều kiện mở ngành và nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cấp cao, năm 2013, Trường ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD và năm 2015, ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng [H3.3.1.3].

Trong năm 2015, thực hiện Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, Trường rà soát và chỉnh sửa căn bản các CTĐT theo quy định về chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức tối thiểu theo quy trình xây dựng CTĐT được quy định tại thông tư này [H3.3.1.8]. Trường có quy định rõ các nội dung cơ bản cần được thực hiện khi xây dựng chương trình với sự tham gia của Hội đồng KH&ĐT và các Ban xây dựng đề án mở ngành mới từ các khoa thuộc Trường [H3.3.1.5].

Tất cả các CTĐT sau khi xây dựng được thẩm định độc lập với thành viên đến từ các cơ sở đào tạo khác, đại diện đơn vị sử dụng lao động [H3.3.1.10] và thông qua Hội đồng KH&ĐT trước khi Hiệu trưởng ký quyết định ban hành [H3.3.1.6]. Định hướng mở ngành được xác định trên cơ sở chính sách phát triển của thành phố, vùng, định hướng phát triển của Nhà trường và nhu cầu nguồn nhân lực. Quá trình xây dựng CTĐT có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, CBQL, GV, nhà tuyển dụng lao động và SV tốt nghiệp, cụ thể các Khoa lấy ý kiến từ nhà tuyển dụng lao động và SV tốt nghiệp về CTĐT của từng khoa [H3.3.1.12]. Các dữ liệu thu được sau đó được từng Khoa xử lý và chọn lọc để rút ra các thông tin tham khảo có ý nghĩa cho việc xây dựng CTĐT, trong đó nhấn mạnh đến sự tham gia của GV, CBQL, nhà khoa học ngoài trường, đại diện của các cơ sở sử dụng lao động vào Ban xây dựng chương trình [H3.3.1.12].

Vào năm 2016 và 2017, trong quá trình xây dựng đề án mở mới ngành Kế toán trình độ thạc sĩ và ngành Thú y trình độ ĐH, Ban đề án đã tiến hành khảo sát đánh giá nhu cầu, ý kiến đóng góp của các bên liên quan về nội dung CTĐT được tham khảo có tính định hướng phát triển, phù hợp đặc điểm của Trường ĐHTĐ, đáp ứng nhu cầu xã hội của địa phương, của vùng ĐBSCL được sử dụng khi điều chỉnh dự thảo CTĐT trước khi tiến hành thẩm định [H3.3.1.9, H3.3.1.17, H3.3.1.18].

Từ năm học 2010 - 2011, Nhà trường đã thí điểm đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản theo học chế tín chỉ [H4.4.2.2], đến năm 2014, việc chuyển đổi sang học chế tín chỉ được thực hiện ở tất cả các ngành đào tạo của Trường. Nhà trường đã ra quyết định ban hành CTĐT theo học chế tín chỉ, áp dụng từ năm học 2014 - 2015 [H3.3.2.7]. Các CTĐT được Trường ĐHTĐ xây dựng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT [H3.3.1.6], có tham khảo CTĐT của các trường ĐH uy tín trong nước [H3.3.1.11] và được tiến hành rà soát định kỳ theo quy trình [H3.3.1.13, H3.3.6.1]. Năm 2016, các khoa đào tạo tiến hành rà soát cập nhật CTĐT theo kế hoạch cập nhật CTĐT định kỳ của Nhà trường và đúng theo

quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá CTĐT [H3.3.1.14]. CTĐT của một số trường ĐH có uy tín trong nước được các Khoa đào tạo tham khảo trong quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT như ĐH Cần Thơ, ĐH Bách Khoa, ĐH Ngoại Thương, ĐH Nông Lâm, ĐH Luật Thành phố HCM, ... [H3.3.1.15]. Bên cạnh đó, các chuyên gia, GV, CBQL, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp đều tham gia vào quá trình xây dựng, cập nhật CTĐT của Nhà trường [H3.3.1.12, H3.3.1.16].

2. Điểm mạnh

Các CTĐT của Trường được xây dựng trên cơ sở có sự tham khảo các CTĐT của các trường ĐH có uy tín trong nước, điều chỉnh chương trình đáp ứng với điều kiện thực tiễn. Các CTĐT được phát triển, cập nhật có sự tham gia và góp ý kiến của các nhà chuyên môn, các nhà sử dụng lao động, SV tốt nghiệp đảm bảo đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao.

3. Tồn tại

Việc điều chỉnh và cập nhật các CTĐT ĐH tuy đã có sự tham gia của nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp và tổ chức xã hội - nghề nghiệp nhưng sự tham gia này chưa mang tính hệ thống, rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Theo kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT, từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2018, Nhà trường sẽ tiến hành đánh giá CTĐT tín chỉ năm 2014, đồng thời rà soát chương trình tín chỉ năm 2016 để làm cơ sở cập nhật CTĐT năm 2018 trong đó nhấn mạnh vai trò các ý kiến đóng góp của các bên liên quan như nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp là cơ sở để ĐBCL đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

Các CTĐT của Trường đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo. Nội dung CTĐT

với cấu trúc linh hoạt đáp ứng nhu cầu đào tạo cũng như nhu cầu sử dụng lao động [H3.3.1.1, H3.3.1.2, H3.3.1.3, H3.3.1.7, H3.3.1.9]. Chương trình giảng dạy của mỗi CTĐT được thiết kế đáp ứng điều kiện tiên quyết của các học phần, thống nhất với các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong đó bao gồm kiến thức cơ sở khối ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức bổ trợ ngành, kiến thức tự chọn theo chuyên ngành, thực tập giáo trình, đồ án, niên luận, chuyên đề thực tập, học phần thay thế tốt nghiệp, đề tài khóa luận tốt nghiệp. Hệ thống kiến thức lý thuyết và thực hành của mỗi CTĐT được thiết kế cụ thể thành các đề cương chi tiết và đồng bộ với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập [H4.4.2.5], đảm bảo cho người học tích lũy được kiến thức và đạt năng lực đáp ứng chuẩn đầu ra của mỗi CTĐT.

Các CTĐT ĐH có chuẩn đầu ra được ban hành và được công bố [H3.3.2.1]. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng, có cập nhật trên cơ sở đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H3.3.2.2, H3.3.2.3, H3.3.3.5]. Các điều kiện của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT [H3.3.1.6] và theo quy trình xây dựng mới CTĐT của Trường ban hành [H3.3.2.4, H3.3.2.5]. CTĐT được điều chỉnh bổ sung và phát triển có căn cứ trên ý kiến của người học, các nhà khoa học, các nhà sử dụng lao động và được giám sát chặt chẽ ở các cấp nên đảm bảo tính hợp lý, tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H3.3.2.2, H3.3.2.6, H3.3.3.7]. Các kiến nghị chỉnh sửa bổ sung CTĐT được Hội đồng KH&ĐT trường thống nhất trước khi trình Hiệu trưởng ban hành [H3.3.2.4, H3.3.2.7].

Quá trình khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về SV tốt nghiệp mặc dù chưa thực hiện đồng bộ đối với tất cả các CTĐT, nhưng kết quả khảo sát doanh nghiệp đối với SV tốt nghiệp một số CTĐT được thực hiện như Nuôi trồng thủy sản, QTKD, Tài chính - Ngân hàng, ... cho thấy chuẩn kiến thức của CTĐT phù hợp với những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cần thiết đối với người học sau khi tốt nghiệp và rất hữu ích cho công việc của SV sau khi ra trường [H3.3.2.2, H3.3.2.3]. Ngoài ra, kết quả khảo sát các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng về kiến thức và kỹ năng của SV năm cuối đi thực tập tốt nghiệp cũng cho thấy số SV đáp ứng được yêu cầu công việc và có khả năng ứng dụng kiến thức đã học tại Trường vào công việc cụ thể chiếm tỷ lệ cao [H3.3.2.2, H3.3.2.5, H3.3.2.8]. Bên cạnh đó, khi mở mới CTĐT thạc sĩ Kế toán, ĐH Thú y, Nhà trường đã căn

cứ trên nhu cầu của xã hội, nhu cầu về nguồn nhân lực lao động có trình độ và năng lực chuyên môn trong củng cố mạng lưới ngành từ TW đến địa phương làm cơ sở mở ngành. Nhà Trường đã có tổ chức buổi tọa đàm về nhu cầu đào tạo ngành mở mới với sự tham gia của các Sở, Ban, Ngành Thành phố Cần Thơ và một số tỉnh ĐBSCL để xác định nhu cầu nhân lực của xã hội, của thị trường lao động để thiết kế các CTĐT trên [H3.3.1.12].

Nhìn chung các CTĐT của Nhà trường là có cấu trúc hợp lý và có tính hệ thống, ứng dụng hữu hiệu vào thực tế và có tính hội nhập cao [H3.3.1.1, H3.3.1.2, H3.3.1.3, H3.3.2.3].

2. Điểm mạnh

Các CTĐT của Trường đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý và được cập nhật định kỳ 02 năm/lần, nội dung cập nhật CTĐT căn cứ trên cơ sở tham khảo ý kiến của các nhà khoa học, của người sử dụng lao động và cựu SV. Chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo được cập nhật bổ sung đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

3. Tồn tại

Trường có triển khai lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH nhưng phạm vi đối tượng được lấy ý kiến chưa rộng; việc khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nhân lực của thị trường lao động chưa được tiến hành định kỳ, thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 - 2018 và các năm tiếp theo, Nhà trường tiến hành khảo sát đánh giá toàn khóa học đối với SV năm cuối vào tháng 12, tiến hành khảo sát tình hình việc làm sau 06 tháng tốt nghiệp (đối với SV tốt nghiệp năm 2017) vào tháng 03 để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của SV đồng thời khảo sát, phân tích nhu cầu nhân lực của thị trường lao động thông qua các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, nhu cầu của địa phương và của vùng, ... để làm cơ sở đánh giá, cập nhật, xây dựng mới các CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.3. Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả

Bên cạnh 19 CTĐT trình độ ĐH, 08 CTĐT CĐ theo hình thức chính quy, Trường ĐHTĐ còn triển khai 13 CTĐT trình độ ĐH, 05 CTĐT trình độ CĐ theo hình thức giáo dục thường xuyên (liên thông chính quy và VLVH) [H3.3.1.2]. Nội dung của các CTĐT được thiết kế theo quy định của Bộ GD&ĐT và thực hiện theo quy chế đào tạo ĐH và CĐ chính quy và theo hình thức VLVH [H3.3.3.1, H3.3.3.2, H3.3.3.3]. Các CTĐT đều được ĐBCL như nhau về đội ngũ GV, giáo trình tài liệu, CSVC và chuẩn đầu ra [H3.3.3.4]. Chuẩn đầu ra của CTĐT không phân biệt hình thức đào tạo chính quy và hình thức giáo dục thường xuyên [H3.3.2.1].

Các CTĐT đều quy định rõ ràng chuẩn đầu ra bao gồm quy định về chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng trong đó quy định về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, chuẩn thái độ, phẩm chất đạo đức, chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, chuẩn vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp [H3.3.3.5, H3.3.2.3, H3.3.2.1]. Tuy nhiên, chuẩn đầu ra ngoại ngữ (theo thang điểm TOEIC) quy định đối với người học tốt nghiệp hình thức liên thông và VLVH thấp hơn chuẩn đầu ra của CTĐT chính quy ở cùng bậc đào tạo là 50 điểm.

Không giống SV hệ chính quy, SV hệ đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên được tổ chức học ngoài giờ (vào buổi tối các ngày trong tuần hoặc các ngày thứ bảy, chủ nhật) để người học có điều kiện tham gia học tập. Việc tổ chức như trên mặc dù tạo thuận lợi cho người học nhưng cũng giới hạn thời gian học tập tại trường dẫn đến kéo dài thời gian đào tạo (do bố trí thời khóa biểu, thời gian thực hành, thực tập trên 1 tuần ít hơn so với SV chính quy).

Đồng thời trong quá trình thực hiện, Trường vẫn luôn có sự kiểm tra, kiểm soát tình hình hoạt động của các CTĐT thông qua các báo cáo khảo sát đánh giá chất lượng nhằm ĐBCL đào tạo của chương trình [H3.3.2.2, H3.3.3.6, H3.3.3.7], quy định về công tác tổ chức thi học kỳ [H3.3.3.8] cũng như báo cáo hằng năm về đội ngũ GV, CSVC, đề cương chi tiết theo quy định của Bộ GD&ĐT [H3.3.3.9].

Mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo luôn được đặt lên hàng đầu. Nhà trường luôn quan tâm, ghi nhận những ý kiến đóng góp của GV và SV [H3.3.3.10].

Công tác thi, kiểm tra, đánh giá bao gồm thi tuyển sinh, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp (đối với đào tạo theo niên chế), đánh giá khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp đối với các lớp đào tạo theo hình thức liên thông, theo hệ VLVH đều được Nhà trường tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường [H3.3.3.11]. Nhà trường cũng thành lập Ban Thanh tra - Pháp chế (trước có tên Ban thanh tra đào tạo) nhằm giám sát quá trình triển khai thực hiện CTĐT theo quy định [H3.3.3.7, H3.3.3.12, H3.3.4.1].

2. Điểm mạnh

Các CTĐT chính quy và CTĐT VLVH, liên thông được ĐBCL như nhau về đội ngũ GV, giáo trình tài liệu và CSVC.

3. Tồn tại

Việc đánh giá chất lượng đầu ra của SV đối với hình thức giáo dục thường xuyên chưa được tiến hành đầy đủ, chặt chẽ. Bên cạnh đó, để đảm bảo tiến độ đào tạo cho các ngành học theo hình thức giáo dục thường xuyên, Nhà trường cũng gặp khó khăn trong việc bố trí thời gian thực hành, thực tập, thời gian nghỉ hè.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 - 2018 và các năm tiếp theo, bên cạnh việc khảo sát trên các đối tượng SV chính quy về đánh giá toàn khóa học đối với SV năm cuối, tình hình việc làm sau 06 tháng tốt nghiệp (đối với SV tốt nghiệp năm 2017), Nhà trường cũng tiến hành khảo sát trên SV đào tạo theo hình thức giáo dục thường xuyên để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng sẽ nghiên cứu, sắp xếp kế hoạch đào tạo, bố trí thời khóa biểu giảng dạy sao cho thuận lợi và tạo điều kiện cho SV học CTĐT theo hình thức giáo dục thường xuyên, đảm bảo thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy và có thời gian nghỉ hè trong năm.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Các CTĐT trình độ ĐH (chính quy, giáo dục thường xuyên), thạc sĩ được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh trong vòng 5 năm trở lại đây [H3.3.4.1, H3.3.4.2], ít nhất cập nhật 02 năm/lần và theo đúng quy trình rà soát cập nhật CTĐT do Nhà trường và Bộ GD&ĐT ban hành [H3.3.2.4, H3.3.6.5].

Các CTĐT được xây dựng mới ở giai đoạn từ năm 2012 - 2017 được Nhà trường xây dựng đúng theo quy định tại Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 của Bộ GD&ĐT và được mở mới dựa trên cơ sở khảo sát, phân tích đánh giá nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, theo đúng Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT như CTĐT thạc sĩ Kế Toán [H3.3.1.7, H3.3.2.5].

Năm 2015, trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến từ các trường khác [H3.3.4.3], Ban xây dựng đề án chất lượng cao đã hoàn thiện đề án CTĐT Chất lượng cao ngành QTKD [H3.3.4.4]. Các CTĐT được rà soát cập nhật, bổ sung và điều chỉnh có căn cứ trên cơ sở định hướng phát triển KT - XH của địa phương và của từng ngành nghề [H3.3.4.5], dựa trên cơ sở tham khảo ít nhất 02 CTĐT của các trường ĐH có uy tín trong nước [H3.3.4.3, H3.3.4.6] và ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp vào kỳ cập nhật sửa đổi CTĐT năm 2016 [H3.3.2.2, H3.3.2.6, H4.4.7.8], tuy nhiên chưa triển khai rộng rãi trên tất cả các ngành đào tạo. Tất cả những góp ý được hội đồng Khoa chuyên môn chọn lọc và cập nhật trong CTĐT [H3.3.4.7]. Mục tiêu của các CTĐT có lấy ý kiến của nhà tuyển dụng đều được đánh giá là phù hợp điều kiện KT - XH của vùng, đáp ứng sứ mạng của Nhà trường [H3.3.4.8].

2. Điểm mạnh

Tất cả CTĐT được định kỳ bổ sung, điều chỉnh 2 năm/lần, dựa trên sự tham khảo của CTĐT các trường ĐH có uy tín trong nước; việc lấy ý kiến của các bên liên quan được thực hiện trên một số ngành. Tất cả các góp ý đều được chọn lọc và sử dụng khi cập nhật CTĐT.

3. Tồn tại

Trường chưa thực hiện đồng bộ lấy ý kiến của các bên liên quan cũng như điều tra nhu cầu nhân lực thị trường lao động của địa phương và cả nước khi điều chỉnh, cập nhật các CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Vào tháng 12/2017 và tháng 3/2018, Nhà trường lần lượt tiến hành khảo sát sinh viên năm cuối và cựu SV đồng thời lấy ý kiến tham khảo các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác về các CTĐT đang thực hiện để từ đó điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTĐT cho tất cả các ngành mà Trường đăng ký đào tạo. Đồng thời, công tác điều tra nhu cầu nhân lực thị trường lao động của địa phương và cả nước sẽ được triển khai thực hiện đồng bộ khi điều chỉnh tất cả các CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả

CTĐT được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo và CTĐT khác theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H3.3.1.2, H3.3.3.3, H3.3.5.1, H3.3.5.2]. Các CTĐT được xây dựng đảm bảo liên thông giữa các chương trình cùng khối ngành từ trung cấp lên CĐ, trung cấp lên ĐH, CĐ lên ĐH và học tập nâng cao trình độ lên thạc sĩ, tiến sĩ [H3.3.5.3]. Đối tượng học liên thông có thể học đúng ngành hoặc khác ngành nếu hoàn thành các học phần bổ sung theo quy định [H3.3.5.4]. Cụ thể: CTĐT CĐ được xây dựng đảm bảo liên thông lên ĐH, CTĐT thạc sĩ ngành QTKD, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán được thiết kế đảm bảo tính liên thông cùng ngành và giữa các ngành gần thuộc khối ngành kinh tế [H3.3.5.2, H3.3.5.5].

CTĐT của Trường được thiết kế có sự tham khảo của các CTĐT có uy tín trong nước, do đó SV theo học CTĐT của Trường có thể học nâng cao các CTĐT cùng khối ngành của các trường khác [H3.3.5.1]. Cụ thể: SV tốt nghiệp các chuyên ngành thuộc Trường DHTĐ được học nâng cao trình độ tại Trường ĐH Cần Thơ hay các trường ĐH tại Thành phố HCM [H3.3.5.6]. Các kế hoạch triển khai thực hiện tuyển sinh, đào tạo liên thông giữa các bậc đào tạo, các

CTĐT được Nhà trường công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử Trường [H3.3.5.7]. Việc chuyển đổi sang đào tạo tín chỉ đã tạo điều kiện thuận lợi cho SV có thể học tập nâng cao trình độ, dễ dàng bảo lưu điểm số, chuyển đổi ngành học hay có thể chuyển tiếp sang các CTĐT của các trường khác trong nước [H3.3.5.1] cũng như học song song hai ngành đối với SV chính quy đang theo học tại Trường [H3.3.5.3].

2. Điểm mạnh

Các CTĐT của Nhà trường được xây dựng liên thông giữa các trình độ đào tạo và các CTĐT cùng khối ngành và ngành gần khác. SV theo học các CTĐT của Trường không chỉ có cơ hội liên thông lên bậc học cao hơn mà còn có cơ hội mở rộng ngành nghề đào tạo của mình thông qua việc học song song hai ngành, văn bằng thứ hai và đồng thời có thể chuyển tiếp sang các CTĐT cùng khối ngành của các trường khác có uy tín trong nước.

3. Tồn tại

Chưa có sự thỏa thuận, ký kết bằng văn bản của Nhà trường với các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế trong việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ để làm cơ sở cho việc công nhận kiến thức đã tích lũy của SV.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017 - 2018, Nhà trường nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, đánh giá tiến tới ký kết thỏa thuận bằng văn bản của Nhà trường với các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế trong việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ để làm cơ sở cho việc công nhận kiến thức đã tích lũy của SV trong trường hợp chuyển đổi và học liên thông, học tiếp lên trình độ cao hơn trong nước và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

CTĐT trình độ ĐH, CD được định kỳ rà soát, cập nhật 02 năm/lần theo quy trình rà soát, đánh giá CTĐT của Trường [H3.3.6.1, H3.3.6.2]. Tháng 6/2016, thực hiện sự chỉ đạo của Hiệu trưởng Nhà trường, Ban thanh tra đào tạo đã tiến

hành thanh tra các CTĐT căn cứ trên các quy định, quy trình tự đánh giá CTĐT [H3.3.3.6]. Bên cạnh đó, năm 2016, các CTĐT của Trường được cập nhật, bổ sung, sửa đổi căn cứ trên tham khảo CTĐT của các trường có uy tín trong nước; kết quả khảo sát của SV năm cuối, cựu SV, GV nhằm xem xét, kiểm tra tính phù hợp của CTĐT với yêu cầu của thực tiễn, của thị trường lao động [H3.3.6.3, H3.3.6.4]. Nhà trường đang thu thập các dữ liệu về việc làm, khả năng đáp ứng công việc, ... của SV tốt nghiệp năm 2017 để đánh giá chất lượng đào tạo CTĐT tín chỉ áp dụng năm 2014 và thường xuyên.

Trên cơ sở ý kiến đánh giá của các nhà chuyên môn, nhà tuyển dụng lao động, SV và cựu SV, Trường đã thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng như thỏa thuận hợp tác với các công ty, doanh nghiệp đưa SV đi thực tế [H3.3.6.5]. Cụ thể, năm 2015, Nhà trường đã triển khai CTĐT kỹ năng nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng của SV sau tốt nghiệp và thí điểm kết hợp học phần rèn nghề và kỹ năng nghề nghiệp bằng cách gửi SV của 2 CTĐT Công nghệ thực phẩm và Quản lý đất đai đi thực tập thực tế ở các công ty, sở, ban, ngành, ... tại các địa phương [H3.3.6.6, H3.3.6.7, H3.3.6.8, H3.3.6.9]. Kết quả đánh giá SV của đơn vị nhận SV thực tập là tốt, một số SV tiếp tục làm khóa luận tốt nghiệp về đề tài nghiên cứu kết hợp với công ty, nhiều SV tốt nghiệp được công ty nhận làm việc [H3.3.6.7].

Để không ngừng nâng cao chất lượng các CTĐT đang thực hiện, trong năm 2017, Nhà trường đã thành lập các Hội đồng tự đánh giá 03 CTĐT (ngành QTKD, Tài chính - Ngân hàng và Nuôi trồng thủy sản) theo Thông tư 04/2016/BGD-ĐT của Bộ GD&ĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH [H3.3.6.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm việc gắn kết đào tạo với thực tiễn, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của SV bằng cách đưa kỹ năng nghề vào chuẩn đầu ra của các CTĐT.

3. Tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến đánh giá về CTĐT từ các nhà tuyển dụng chưa được tiến hành đầy đủ ở tất cả các CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Trong kế hoạch năm học 2017 - 2018, Nhà trường dự kiến tổ chức thực

hiện tự đánh giá các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (dự kiến từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2018), tiến tới đánh giá ngoài các CTĐT trong năm 2018. Đồng thời, Nhà trường cũng tiến hành tăng cường mạng lưới kết nối Nhà trường - doanh nghiệp, cựu SV và các đối tác có liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Nhà trường đã triển khai xây dựng các CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo tính liên thông giữa các CTĐT và rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với thực tiễn của thị trường lao động theo quy định. Các CTĐT đều được thiết kế nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV sau này có thể học tập nâng cao trình độ hay học song song 2 ngành. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tham khảo CTĐT của các trường ĐH có uy tín trong quá trình xây dựng, rà soát, bổ sung CTĐT. Kỹ năng nghề của SV luôn được Nhà trường quan tâm và chất lượng của SV sau tốt nghiệp luôn được xã hội, nhà tuyển dụng lao động đánh giá cao.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

Tiêu chuẩn 4

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Mở đầu

Trường ĐHTĐ đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo trình độ ĐH và sau ĐH đáp ứng được nhu cầu của người học. Năm học 2010 - 2011, Nhà trường đã thí điểm tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho ngành Nuôi trồng thủy sản, các ngành còn lại theo hình thức chính quy và giáo dục thường xuyên cũng đã được thực hiện theo hệ thống tín chỉ đồng loạt từ năm học 2014 - 2015. Phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của người học.

Trường định kỳ đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học, tăng cường ứng dụng CNTT vào quá trình dạy - học. Các hoạt động tổ chức đào tạo của Trường được áp dụng theo đúng các quy định chung về CTĐT và đánh giá kết quả học tập. Việc kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu học phần và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

Kết quả học tập được thông báo kịp thời, chính xác cho người học, việc lưu trữ kết quả học tập của người học đầy đủ (bản in và dữ liệu mềm). Trường đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến đóng góp của các bên có liên quan về CTĐT, về chất lượng SV tốt nghiệp, khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của cựu SV, ... đồng thời xây dựng CSDL đào tạo, CSDL của người học, tình hình tốt nghiệp, việc làm, thu nhập của cựu SV.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.

1. Mô tả

Trong những năm qua, Trường ĐHTĐ đã đa dạng hóa hoạt động đào tạo với 19 ngành nghề, nhiều bậc, hệ và hình thức đào tạo như: Bậc sau ĐH, ĐH, CĐ, trung cấp; hệ chính quy, VLVH, đào tạo liên thông (từ trung cấp lên CĐ và ĐH, từ CĐ lên ĐH), văn bằng hai và học song song hai ngành [H4.4.1.1, H3.3.5.7]. Tất cả các CTĐT được tổ chức đại trà, riêng ngành QTKD của

Trường có xây dựng chương trình Cử nhân tài năng [H3.3.4.4]. Hiện tại Trường cũng đang triển khai đẩy mạnh HTQT trong đào tạo [H4.4.1.2].

Việc đa dạng hóa các hình thức đào tạo nói trên đều được sự cho phép của Bộ GD&ĐT, các ngành đào tạo của Trường đều thuộc danh mục các ngành giáo dục, đào tạo cấp IV do Bộ GD&ĐT quy định. Các ngành/chuyên ngành đào tạo đều được triển khai đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H4.4.1.3, H4.4.1.4, H4.4.1.5, H3.3.5.5, H4.4.1.6] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện ĐBCL đào tạo về CSVC, đội ngũ GV, học liệu, hướng dẫn và tổ chức CTĐT [H9.9.2.3, H5.5.5.3]. Hiện nay, Trường đang đào tạo 19 ngành ĐH, 2 ngành CĐ và 3 ngành đào tạo thạc sĩ, ... [H3.3.1.4, H3.3.1.7, H3.3.1.9].

Ngoài các phương thức đào tạo trên, Nhà trường còn mở các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn tại các khoa, trung tâm của Trường. Các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn [H4.4.1.7]; triển khai chương trình kỹ năng nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng SV sau khi tốt nghiệp, đảm bảo kỹ năng về chuyên môn [H3.3.6.6]; tổ chức các lớp bổ sung kiến thức cho các học viên tốt nghiệp ngành gần và khác ngành đủ điều kiện dự thi tuyển sinh thạc sĩ [H4.4.1.8].

Để đáp ứng cho việc đa dạng hóa các ngành nghề theo nhu cầu của xã hội, Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống phòng học, hội trường, phòng thí nghiệm, trang bị máy móc thiết bị phục vụ công tác dạy và học tại trường [H9.9.2.7, H9.9.2.8, H9.9.2.9]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chú trọng đến công tác nhân sự. Đội ngũ GV của Nhà trường đủ về số lượng và đảm bảo về trình độ chuyên môn cũng như phẩm chất đạo đức theo yêu cầu của Nhà trường và quy định của Bộ GD&ĐT [H5.5.6.5]. CTĐT cũng là một phần rất quan trọng nhằm ĐBCL đào tạo của Trường. Tất cả các ngành học đều có CTĐT được xây dựng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, có sự tham khảo các CTĐT của các trường ĐH có uy tín trong nước và các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan [H3.3.4.2, H3.3.4.5, H3.3.4.6].

Việc đa dạng hóa các ngành nghề, hệ, bậc của Nhà trường đáp ứng được nhu cầu của xã hội thể hiện ở số lượng SV tham gia học các CTĐT [H4.4.1.22].

Hằng năm, Nhà trường lên kế hoạch tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 tại các trường Trung học phổ thông thuộc khu vực ĐBSCL với các hình thức: Tham gia theo các đợt tư vấn của các Sở Giáo dục và Đào tạo; tư vấn, thông báo trên các báo, đài; tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh tại Trường

ĐH Cần Thơ và mời các Trường trung học phổ thông đến tư vấn trực tiếp tại Trường ĐHTĐ [H4.4.1.9].

Nhà trường đã triển khai đánh giá và xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của các CTĐT từ đó điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu lao động của xã hội [H3.3.6.1, H3.3.2.1].

2. Điểm mạnh

Các hình thức đào tạo của Nhà trường đa dạng, mềm dẻo, linh hoạt với nhiều ngành, nhiều hệ và nhiều bậc đáp ứng nhu cầu của xã hội.

3. Tồn tại

Công tác phân tích, đánh giá, dự báo nhu cầu của người học, nhu cầu về nguồn nhân lực trong điều kiện hội nhập quốc tế vẫn chưa được triển khai một cách có hệ thống, thường xuyên để từ đó điều chỉnh các hình thức đào tạo cho phù hợp hơn với thực tiễn. Trường chưa thực hiện liên kết đào tạo quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai nghiên cứu, phân tích, dự báo nhu cầu của người học cũng như nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động để làm cơ sở điều chỉnh hình thức đào tạo đáp ứng nhiều hơn nữa nhu cầu của người học và xã hội. Đồng thời, tiến tới việc thực hiện liên kết đào tạo với ít nhất một trường ĐH quốc tế trong những năm học tới.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phân; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả

Nhà trường đã có kế hoạch chuyển từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ [H4.4.2.1]. Từ năm học 2010 - 2011, Nhà trường đã thí điểm đào tạo theo học chế tín chỉ cho ngành Nuôi trồng thủy sản [H4.4.2.2] và từ năm học 2013 - 2014, Nhà trường tiếp tục chuyển đổi một số ngành ĐH sang đào tạo theo học chế tín chỉ và từ năm học 2014 - 2015 đến nay tất cả các ngành đào tạo ĐH, CĐ theo các hệ chính quy, liên thông và VLVH cũng như các ngành đào tạo sau ĐH của

Trường đều đã được tổ chức triển khai đào tạo theo tín chỉ để tạo sự linh hoạt cho SV tham gia học tập [H3.3.2.7, H3.3.3.1, H4.4.2.3, H4.4.2.1, H4.4.2.4]. Theo định hướng của Bộ GD&ĐT, các trường ĐH không tổ chức đào tạo trung cấp và theo định hướng phát triển của Nhà trường là tập trung phát triển đào tạo ĐH và sau ĐH nên Nhà trường không chuyển đổi sang đào tạo tín chỉ đối với các ngành đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp.

Để có thể chuyển quá trình đào tạo từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ một cách thuận lợi và hiệu quả, Trường đã xây dựng các kế hoạch chuyển đổi quy trình đào tạo từ niên chế sang hình thức tín chỉ, thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H4.4.2.1].

Để hướng dẫn và cụ thể hóa công tác đào tạo theo học chế tín chỉ, Trường đã ban hành quy định, quy chế về đào tạo ĐH và CĐ hệ chính quy, hệ VLVH theo hệ thống tín chỉ [H3.3.3.2, H3.3.3.3]. Trường thực hiện chế độ công nhận kết quả học tập của người học theo học phần sau khi đánh giá, thi kết thúc học phần. Trường cũng đã ban hành quy định về bảo lưu và công nhận kết quả học tập trong đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ tại Trường [H3.3.2.7].]. Nếu người học đang theo học CTĐT theo học chế niên chế chuyển sang CTĐT theo học chế tín chỉ do các nhu cầu cá nhân như: Nghi học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học, chuyển trường, chuyển đổi CTĐT, đăng ký học liên thông ĐH, đăng ký học thêm văn bằng 2 thì kết quả học tập của người học vẫn được đảm bảo công nhận chuyển tiếp sang CTĐT hiện tại nếu kết quả học tập của người học đạt yêu cầu quy định tại Hướng dẫn về việc chuyển điểm từ CTĐT theo học chế niên chế sang CTĐT theo học chế tín chỉ của Trường [H4.4.2.1].

CTĐT theo học chế tín chỉ được xây dựng lần đầu vào năm học 2010 - 2011 cho ngành Nuôi trồng thủy sản, đến năm học 2013 - 2014, tiếp tục xây dựng cho một số ngành đào tạo và đến năm học 2014 - 2015 được áp dụng cho tất cả các ngành trên cơ sở kế thừa từ CTĐT theo học chế niên chế trước đây của Trường. Theo chu kỳ 02 năm/lần, CTĐT đều được cập nhật để phù hợp hơn với thực tiễn và được rà soát, điều chỉnh tổng thể để ban hành vào năm 2016 [H4.4.2.5].

Thực hiện đúng Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường, tất cả các học phần trong từng chuyên ngành đều quy định việc đánh giá điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần và thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần [H3.3.2.7, H4.4.2.5, H4.4.1.4]. Kết quả

từng kỳ, từng năm và cả khóa học của SV được xác định dựa trên kết quả từng học phần và sử dụng công thức tính điểm trung bình chung. Nhà trường cập nhật và lưu trữ kết quả học tập theo từng lớp, học phần, từng SV, thể hiện đầy đủ các điểm thành phần, các thang điểm đánh giá theo đúng quy định [H4.4.2.6, H4.4.2.7, H3.3.1.1, H3.3.1.2, H3.3.1.3].

Trong quá trình thực hiện, Trường cũng đã nhiều lần họp rút kinh nghiệm về việc tổ chức, xây dựng CTĐT, quy chế học nhằm đưa học chế tín chỉ đi vào ổn định, cụ thể rà soát, sắp xếp lại các bộ môn phù hợp với học chế tín chỉ [H4.4.2.8, H4.4.2.9].

2. Điểm mạnh

Khóa đầu tiên được Nhà trường thí điểm đào tạo tín chỉ đã tốt nghiệp trong năm 2014 đã tạo tiền đề quan trọng để Nhà trường áp dụng đào tạo tín chỉ cho tất cả các ngành học, bậc học, các hệ và hình thức đào tạo từ năm học 2014 - 2015.

Có kế hoạch cụ thể trong việc triển khai học chế tín chỉ cho các hệ, bậc đào tạo trong toàn Trường. Việc công nhận kết quả học tập thực hiện đúng Quy chế đào tạo hiện hành.

3. Tồn tại

Chưa áp dụng phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ đối với đào tạo sau ĐH; quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ chưa đáp ứng được yêu cầu học tập theo từng khả năng và hoàn cảnh của người học.

Trường chưa thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của người học về việc chuyển đổi đào tạo từ niên chế sang tín chỉ đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học học tập linh hoạt.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, Trường tiếp tục hoàn thiện phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với tất cả các hình thức đào tạo và trình độ đào tạo, trong đó chú ý tới đào tạo sau ĐH nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người học; áp dụng phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ đối với đào tạo sau ĐH. Theo kế hoạch, đến năm 2020, Nhà trường sẽ hoàn thiện hoạt động đào tạo theo học chế tín chỉ, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ cho tất cả các ngành, các bậc, các hệ và hình thức đào tạo. Đồng thời, đáp ứng được yêu cầu học tập theo từng khả năng và hoàn cảnh của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Trường chú trọng đến việc lập kế hoạch và triển khai đánh giá các hoạt động giảng dạy của GV. Các năm gần đây, Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá về hoạt động giảng dạy của GV thông qua khảo sát, đánh giá như: Khảo sát đánh giá GV của người học, đánh giá của lãnh đạo đơn vị, hoạt động dự giờ, thao giảng,

Trường giao Trung tâm KT&ĐBCLGD lên kế hoạch và triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV vào mỗi cuối học kỳ của năm học thông qua hình thức khảo sát trên phiếu giấy và khảo sát trực tuyến [H4.4.3.1].

Việc khảo sát được thực hiện đối với 100% GV được phân công giảng dạy với các nội dung được lấy ý kiến phản hồi từ người học về giờ giấc lên lớp, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá, Kết quả phiếu khảo sát đều thể hiện các ý kiến của người học đánh giá về việc người học được giảng dạy bởi phương pháp và kiến thức được cập nhật, phương tiện dạy học hiện đại, khuyến khích việc tự học và đánh giá kết quả học tập công bằng khách quan. Đồng thời, khảo sát được mức độ hài lòng của người học về phương pháp dạy và kiến thức của từng học phần [H4.4.3.2]. Kết quả khảo sát đều được báo cáo BGH để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trường, đặc biệt là đổi mới phương pháp dạy và học [H4.4.3.3, H4.4.3.4, H4.4.3.5].

Việc đánh giá GV còn được thực hiện bởi lãnh đạo đơn vị và BGH Nhà trường thông qua hình thức dự giờ [H4.4.3.1, H4.4.3.6, H4.4.3.7]. Mỗi GV sẽ phải thao giảng 02 lần/năm chia ra trong hai học kỳ với sự tham gia đánh giá của Hội đồng dự giờ cấp Khoa và Hội đồng dự giờ cấp Trường (năm 2016 là Hội đồng đánh giá năng lực GV, phân thành nhiều tiểu ban chuyên môn), bên cạnh đó cũng có sự tham gia của GV trong bộ môn để học tập và rút kinh nghiệm [H4.4.3.6, H4.4.3.8]. Sau khi dự giờ, các thành viên sẽ có những góp ý cho GV về những ưu và nhược điểm trong quá trình giảng dạy để GV rút kinh nghiệm

bản thân cho công tác giảng dạy ngày càng tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Những ý kiến góp ý được nêu trong những biên bản đánh giá [H4.4.3.1].

Bên cạnh đó, hằng năm Ban chủ nhiệm khoa cũng có những đánh giá góp ý về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, công tác giảng dạy, phương pháp giảng dạy qua cuộc họp tổng kết cuối năm và phiếu đánh giá GV [H4.4.3.9].

Nhà trường cũng giao Phòng Đào tạo tiến hành đánh giá hoạt động đào tạo trên cơ sở đối tượng SV năm cuối trong đó hoạt động giảng dạy của GV, CVHT được Nhà trường đặc biệt chú trọng [H4.4.3.10].

Nhằm đưa hoạt động giảng dạy tiến gần đến với hoạt động thực tế tại các doanh nghiệp, Trường cho phép các khoa chủ động mời các GV là lãnh đạo của các doanh nghiệp, tổ chức có trình độ từ thạc sĩ trở lên tham gia giảng dạy những học phần mang tính thực hành nghề nghiệp để có thể tận dụng được kiến thức thực tế cũng như mối quan hệ trong việc hợp tác về đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực [H4.4.3.11]. Đồng thời, GV cũng đẩy mạnh việc nghiên cứu thực tế trong SV thông qua những bài tập nhóm, báo cáo chuyên đề học phần, chuyên đề năm 3, tham gia đề tài NCKH, ... giúp cho SV phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình nghiên cứu và kỹ năng làm việc nhóm [H4.4.3.12].

Các phương pháp giảng dạy tích cực đã được các GV vận dụng vào từng học phần để phát huy vai trò trung tâm của người học. Các kỹ năng thuyết trình, làm bài tập nhóm, thảo luận, ... của người học đều được các GV khai thác tối đa thông qua việc áp dụng các phương pháp giảng dạy mang tính tương tác cao [H4.4.3.7, H4.4.3.13]. Việc giảng dạy cũng đã được gắn liền với thực tế nhờ sự kết hợp với các chuyên gia đến từ các doanh nghiệp và cơ quan quản lý Nhà nước cũng như việc đưa SV đi thực tế tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, công trường, ... [H4.4.3.12, H4.4.3.14].

Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch và cử GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá theo quy định của Bộ GD&ĐT [H4.4.3.15]. Bên cạnh đó, Trường cũng tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo [H4.4.3.16]. Trường cũng tổ chức các hội nghị dạy tốt, học tốt cho GV và SV [H4.4.3.4, H4.4.3.5].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động thực hiện đầy đủ công tác đánh giá hoạt động giảng

dạy của GV, đặc biệt là lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV; khuyến khích và tổ chức nhiều hoạt động đào tạo nhằm đổi mới phương pháp dạy và học. GV không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm thực tế. SV cũng được phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể, làm việc theo nhóm. Nhà trường triển khai công tác dự giờ tất cả GV giảng dạy 02 lần/năm nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của đội ngũ GV của Trường.

Vận dụng tốt mối quan hệ với các doanh nghiệp, sở, ban, ngành, tạo điều kiện cho SV tiếp cận những kiến thức thực tế cũng như cơ hội được tham quan, thực tập thực tế tại các đơn vị.

3. Tồn tại

Hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học chưa thật sự đạt được kết quả cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 9/2017 - 4/2018 và định kỳ hằng năm Nhà trường thực hiện hoạt động bồi dưỡng cho GV đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học; xây dựng phương án mở rộng phạm vi sử dụng kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản trị, quản lý nhân sự và xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về đổi mới phương pháp dạy - học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả

Trường đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng quy trình, phương pháp kiểm tra nhằm đảm bảo việc đánh giá khách quan, công bằng và phù hợp với mục tiêu

học phần, hình thức đào tạo, học tập. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đều được Trường quy định cụ thể đối với từng trình độ và loại hình đào tạo như: Thạc sĩ, ĐH chính quy, giáo dục thường xuyên, từ đánh giá ban đầu đến đánh giá trong quá trình và đánh giá cuối khóa học áp dụng thống nhất trong toàn Trường [H4.4.4.1, H3.3.5.5].

Việc đánh giá học phần trên cơ sở mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và CTĐT các trình độ đào tạo đã được phê duyệt; những quy chế; quy định về đào tạo (các bậc từ trung cấp đến ĐH, hệ chính quy, VLVH và liên thông); các khoa/bộ môn đã xây dựng đề cương chi tiết học phần dựa trên CTĐT, trong đó thể hiện rõ hình thức đánh giá và phương pháp/cách thức đánh giá đối với mỗi học phần. 100% đề cương chi tiết học phần thể hiện tỷ trọng điểm đánh giá theo yêu cầu của Trường để đảm bảo tính thống nhất và theo quy định hiện hành. Theo đó, điểm đánh giá học phần của người học được xây dựng một cách đa dạng dưới nhiều hình thức căn cứ trên các mục tiêu, yêu cầu, đặc thù của học phần, chuẩn đầu ra của ngành học, bậc học, ... và được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần đó. Việc đánh giá điểm quá trình và điểm thi kết thúc được tiến hành dưới nhiều hình thức như điểm chuyên cần, điểm kiểm tra tại lớp, điểm bài tập nhóm, bài tập cá nhân, các báo cáo chuyên đề theo nhóm; tổ chức thi viết, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, báo cáo chuyên đề học phần, báo cáo niên luận, ... [H3.3.1.1, H3.3.1.2, H3.3.1.3]. Việc quy định rõ ràng, đầy đủ giúp công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo tính đa dạng trong cách thức, đánh giá được mức độ tích lũy kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực của người học, đồng thời đánh giá được từng mục tiêu trong học phần đã đề ra.

Trường cũng ban hành quy định và hướng dẫn về ra đề thi và xây dựng ngân hàng đề thi đối với hình thức trắc nghiệm và cả tự luận [H4.4.4.2, H4.4.4.3]. Nhà trường tổ chức hai học kỳ chính và 01 học kỳ hè trong 01 năm học để tạo điều kiện cho SV có thể học vượt cũng như đăng ký học lại những học phần còn nợ.

Việc tổ chức thi kết thúc học phần được các khoa đào tạo tổ chức thực hiện một cách bài bản và nghiêm túc với sự tham gia của tất cả GV. Các công tác tổ chức thi như nhận đề thi, tổ chức nhân bản đề thi, tổ chức coi thi, nhận và bàn giao bài thi, chấm thi và bàn giao bảng điểm, ... được thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định [H4.4.4.3]. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm giám sát, đảm bảo quá trình thi diễn ra nghiêm túc, công bằng và đúng quy định [H4.4.4.4].

Việc tổ chức thi được triển khai một cách nghiêm túc và an toàn từ công tác nhận đề thi, tổ chức nhân bản đề thi, nhận và bàn giao bài thi, chấm thi và bàn giao bảng điểm, ... [H4.4.4.3].

Đối với đánh giá kết thúc khóa học, mỗi CTĐT ĐH đều thể hiện rõ học phần tốt nghiệp (12 tín chỉ hoặc 16 đơn vị học trình đối với đào tạo theo hình thức niên chế) theo một trong hai hình thức: (1) Thực tập tốt nghiệp, làm chuyên đề (tiểu luận) tốt nghiệp và học bổ sung 02 học phần tốt nghiệp (đối với học chế tín chỉ)/thi tốt nghiệp (đối với học chế niên chế). (2) Thực tập tốt nghiệp, làm khóa luận/đồ án tốt nghiệp và bảo vệ khóa luận/đồ án tốt nghiệp. CTĐT CĐ yêu cầu học phần tốt nghiệp (10 tín chỉ hoặc 16 đơn vị học trình đối với đào tạo theo hình thức niên chế) theo hình thức thực tập tốt nghiệp, làm tiểu luận tốt nghiệp CĐ và học bổ sung 2 học phần tốt nghiệp (đối với học chế tín chỉ) hoặc thi tốt nghiệp (đối với học chế niên chế). CTĐT thạc sĩ yêu cầu tất cả học viên phải hoàn thành luận văn tốt nghiệp với khối lượng 10 tín chỉ.

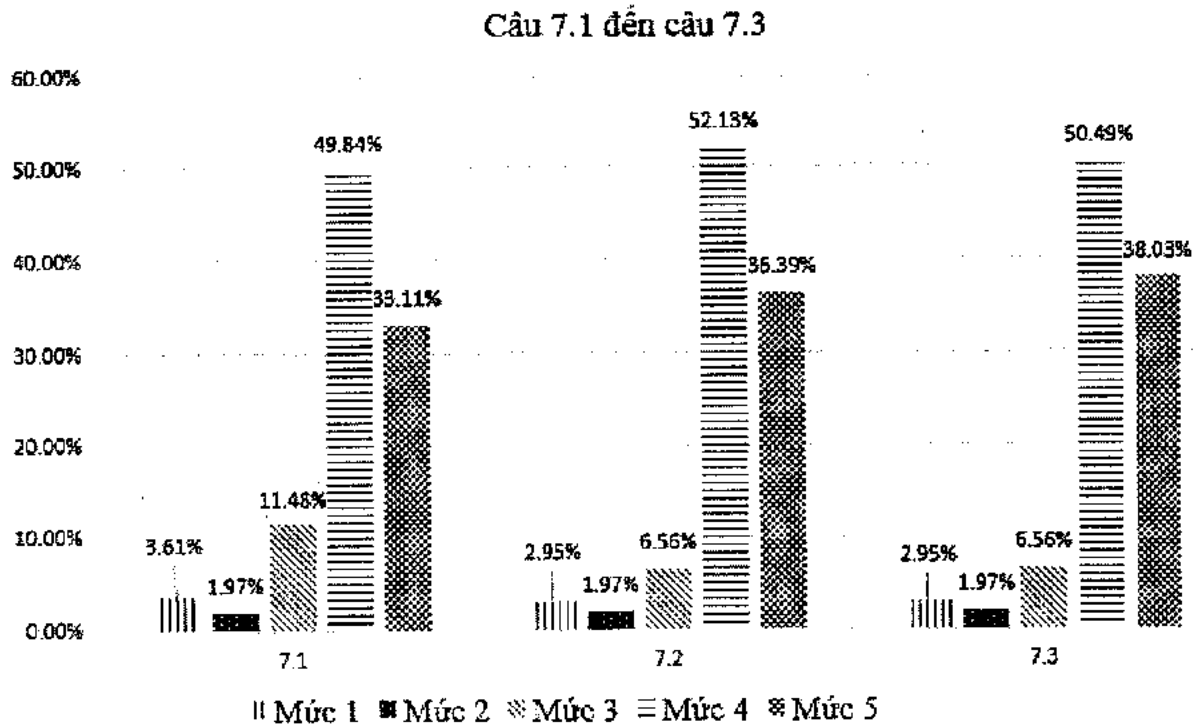
Với những quy định chặt chẽ, những yêu cầu bao hàm nhiều vấn đề chuyên môn đã học đòi hỏi người học phải tự học hỏi, tự nghiên cứu, vận dụng những kiến thức đã học để tự giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập và viết chuyên đề/khóa luận/luận văn/đồ án tốt nghiệp. Điều này giúp cho người học có thể tích lũy thêm kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề [H4.4.4.5].

Nhà trường đã xây dựng và thực thi các quyết định thành lập các hội đồng chấm khóa luận/luận văn/luận án tốt nghiệp hoặc phê duyệt danh sách GV chấm nhằm đánh giá một cách khách quan, công bằng về mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề [H4.4.4.6, H4.4.4.7]. Các trường hợp khiếu nại của SV được thực hiện đúng trình tự theo quy định của Nhà trường [H4.4.5.10].

Trường cũng triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu học phần và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề [H4.4.2.4].

Các kết quả khảo sát SV năm cuối của năm 2016 và 2017 nhằm đánh giá công tác tổ chức thi, kiểm tra cho thấy SV đánh giá cao tính đa dạng (chiếm

82% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý), nghiêm túc, khách quan cũng như các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thiết kế rõ ràng, phù hợp (cùng đạt chiếm trên 88%) [H3.3.2.5].



Hình 4.1: Thống kê SV tại trường từ năm 2012 - 2016

Trong đó: Câu 7.1. Sử dụng đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá học phân; câu 7.2. Các kỳ thi, kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan; câu 7.3. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thiết kế rõ ràng, phù hợp.

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học đối với GV thực hiện từ năm học 2012 - 2013 đến năm học 2016 - 2017 cũng cho ý kiến đánh giá cao tiêu chí “GV đánh giá kết quả học tập công bằng và khách quan” với kết quả trên 90% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý [H4.4.4.18].

Các trường hợp khiếu nại của SV được thực hiện đúng trình tự theo quy định của Nhà trường [H4.4.5.10]. Việc giải quyết khiếu nại của SV được giải quyết kịp thời, nhanh chóng theo đúng quy định của Trường trong đó đảm bảo tính chính xác và quyền lợi của SV [H4.4.4.8].

Công tác thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức đánh giá, thi tuyển sinh, thi học kỳ, thi tốt nghiệp được Nhà trường tổ chức chặt chẽ, phân công trách nhiệm cho các đơn vị tham gia. Cụ thể, công tác thanh tra, giám sát việc tổ chức thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp được phân công cho Ban Thanh tra - Pháp chế [H3.3.3.11]; công tác thanh tra, giám sát việc tổ chức thi học kỳ, thi kết thúc học

phần được giao cho Phòng Đào tạo [H4.4.4.4]. Các đơn vị, cá nhân được phân công chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho Hiệu trưởng sau khi kết thúc kỳ thi.

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản, cũng như đảm bảo thực hiện việc kiểm tra, giám sát các kỳ thi thường xuyên để ĐBCL, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo.

Các hình thức đánh giá kết quả học tập đa dạng, Nhà trường luôn cải thiện quy trình kiểm tra và các phương pháp học tập trong Trường; việc đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của người học được bảo đảm tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng.

Trường định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học ở hệ đào tạo ĐH chính quy về phương pháp và quy trình đánh giá, về mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề.

3. Tồn tại

Trường chưa thực hiện định kỳ tổ chức tổng kết công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá của các loại hình đào tạo trong Trường; khảo sát ý kiến của người học về sự phù hợp của phương pháp, quy trình đánh giá mới chỉ thực hiện đối với đào tạo ĐH chính quy và sau ĐH. Trường chưa xây dựng chuẩn đầu ra cho từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 6/2018, hằng năm Trường tổ chức thực hiện tổng kết công tác ra đề thi, tổ chức kiểm tra đánh giá các loại hình đào tạo; khảo sát ý kiến SV liên thông và VLVH về phương pháp, quy trình đánh giá để làm cơ sở điều chỉnh, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá cho phù hợp với thực tế.

Từ tháng 01/2018 - 6/2018, Nhà trường tiến hành cập nhật CTĐT đồng thời điều chỉnh bổ sung đề cương chi tiết trong đó xây dựng chuẩn đầu ra cho từng học phần và thang đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra của học phần đó.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường đã ban hành các quy trình và quy định trong công tác chấm thi, vào điểm thi, công bố điểm thi, ... nhằm công bố kết quả học tập đến người học một cách nhanh nhất. Trường có quy định cụ thể việc nộp điểm và công bố điểm thi cho SV [H4.4.4.11, H4.4.5.1].

Việc công bố điểm và cung cấp bảng điểm cho SV cũng được thông báo kịp thời và đầy đủ cho các SV chính quy, liên thông, VLVH, sau ĐH thông qua việc giao bảng điểm trực tiếp cho lớp, qua email và trang thông tin điện tử quản lý đào tạo theo quy định [H4.4.5.1, H4.4.4.12, H4.4.5.2]. Các thông tin liên quan đến SV được Nhà trường cung cấp kịp thời, chính xác [H4.4.5.3]. Kết quả khảo sát SV năm cuối về việc “Kết quả học tập được thông báo đến người học đúng thời gian quy định” và “Các thông tin liên quan đến SV được Nhà trường cung cấp kịp thời, chính xác” lần lượt đạt trên 80% và 71% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý [H3.3.2.5].

Công tác lưu trữ kết quả học tập của người học được Nhà trường hết sức quan tâm. Trong những năm qua, Nhà trường rất chú trọng việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đào tạo nói chung và quản lý kết quả học tập của SV nói riêng [H4.4.5.4, H4.4.5.5]. Ngoài ra, để bảo vệ an toàn cho việc quản lý và lưu trữ dữ liệu điểm trên phần mềm, công tác sao lưu dữ liệu được thực hiện thường xuyên, việc phân quyền quản lý truy cập và khai thác dữ liệu riêng cho từng người cũng được áp dụng chặt chẽ [H4.4.4.12, H4.4.5.4, H4.4.5.5].

Song song với việc thực hiện quản lý và lưu trữ điểm trực tuyến, Nhà trường cũng thực hiện quản lý hồ sơ về kết quả học tập của SV rất chặt chẽ. Bảng điểm được lưu trữ đồng thời ở khoa, Phòng Đào tạo và Trung tâm KT&DBCLGD. Tất cả SV khi tốt nghiệp đều được Nhà trường cấp bảng điểm, đồng thời in sao và lưu trữ bảng điểm toàn khóa của từng SV [H4.4.5.6].

Phương thức tra cứu kết quả học tập của người học đa dạng, rõ ràng, đầy đủ, chính xác, thuận lợi (email, facebook, ...) [H4.4.4.12, H4.4.5.6]. Mạng quản lý kết quả học tập của người học được bảo vệ an toàn bằng hệ thống chia quyền hạn truy nhập và truy cập với mật khẩu riêng cho từng người có quyền hạn như SV hệ chính quy, hệ VLVH [H4.4.5.5, H4.4.5.7, H4.4.5.8].

Việc xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho SV được thực hiện theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT và đúng Quy trình xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp do Nhà trường ban hành [H4.4.4.1, H4.4.5.9]. Nhà trường tổ chức Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp có sự tham gia đầy đủ của các khoa, phòng để thống nhất danh sách SV được công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp và trình Hiệu trưởng ký quyết định tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho SV [H4.4.4.5, H4.4.4.6, H4.4.4.7]. Đối với các SV thuộc diện được công nhận tốt nghiệp, Nhà trường yêu cầu SV kiểm tra và đối chiếu tất cả những thông tin cá nhân, kết quả học tập. Vì vậy, việc sai sót liên quan đến việc cấp bằng tốt nghiệp hầu như không xảy ra [H4.4.5.10].

Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp đúng quy định. Hệ thống sổ sách lưu giữ việc cấp phát bằng tốt nghiệp rõ ràng, được lưu trữ an toàn theo đúng quy định cho từng khóa tốt nghiệp đối với các hệ chính quy, liên thông, VLVH và sau ĐH [H4.4.5.9, H4.4.5.11]. Mẫu văn bằng, chứng chỉ được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trường đã thực hiện việc cấp giấy chứng nhận, cấp phiếu điểm, giải quyết thắc mắc về điểm trung bình chung học tập và xếp loại tốt nghiệp cho SV nhanh chóng, kịp thời, thuận tiện [H4.4.5.10]. Toàn bộ thông tin về SV tốt nghiệp được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H4.4.4.8, H4.4.5.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có hệ thống sổ sách quản lý kết quả học tập của người học, song song với phần mềm quản lý đào tạo, đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, truy cập và tổng hợp báo cáo, đồng thời có các giải pháp đảm bảo an toàn cho dữ liệu.

Việc cấp phát văn bằng được thực hiện nghiêm túc, có hệ thống và bài bản, nhanh chóng và kịp thời. Hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập, sổ ký phát văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ học phần đầy đủ, thuận tiện cho việc tra cứu.

Nhà trường đã ban hành và thực hiện tốt các quy định và quy trình chặt chẽ trong việc tổ chức thi, chấm thi, cập nhật và công bố kết quả học tập cũng như cấp phát bằng tốt nghiệp cho người học kịp thời, chính xác.

3. Tồn tại

Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo chưa được nâng cấp và cập nhật để đáp ứng được nhu cầu truy cập và sử dụng ngày càng cao của người học, chưa

tích hợp các trình độ đào tạo của Trường. Trường chưa xây dựng mục tra cứu thông tin về văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử.

4. Kế hoạch hành động

Từ 2017, Trường tiến hành nâng cấp, cải tiến phần mềm quản lý theo hướng tích hợp và sử dụng cho việc quản lý nhiều hoạt động của Nhà trường, trong đó có hoạt động đào tạo theo hình thức tín chỉ, quản lý và công bố điểm, ... tiến hành công bố và thường xuyên kiểm tra, kiểm soát thông tin văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và đến năm 2020 hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Toàn bộ công tác quản lý đào tạo của Nhà trường được thực hiện trên nền tảng ứng dụng CNTT, vì thế toàn bộ dữ liệu về hoạt động đào tạo của Trường đều được thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường. Nhà trường có đầy đủ CSDL đào tạo [H4.4.5.8]. Tùy theo phân quyền chức năng đối với người dùng mà có thể xem và khai thác sử dụng các thông tin về hoạt động đào tạo của Trường từ thông tin thông báo, CTĐT, thời khóa biểu, phân công giờ giảng, dữ liệu đăng ký học, lịch phòng học, dữ liệu về kết quả học tập, tốt nghiệp, ... của Nhà trường [H4.4.5.4, H4.4.5.5]. Riêng tình hình và thông tin về SV tốt nghiệp, Nhà trường đã thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H4.4.5.9, H4.4.5.2].

Bảng 4.1: Thống kê SV tại trường từ năm 2012 - 2016

STT	Nội dung	2012	2013	2014	2015	2016
1	Số lượng trúng tuyển đầu vào	888	2.036	1.578	2.331	1.644
2	Số SV tốt nghiệp	4.230	3.742	4.312	2.112	1.014
3	Số SV bị buộc thôi học	78	396	332	342	499

Điểm chuẩn đầu vào của SV được Nhà trường xây dựng dựa quy định điểm chuẩn của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh riêng của Trường [H4.4.6.1].

Để duy trì mối liên hệ giữa Nhà trường với SV tốt nghiệp, các khoa và Phòng CTCT&QLSV có thu thập thông tin SV về số điện thoại, email trong giai

đoạn thực tập tốt nghiệp và vào ngày SV đăng ký nhận bằng tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các CVHT/GVCN cũng duy trì mối liên hệ với SV tốt nghiệp qua điện thoại, email và facebook. Do đó, Nhà trường có lưu trữ đầy đủ thông tin cá nhân như địa chỉ, điện thoại, địa chỉ email, toàn bộ thông tin này được cập nhật, lưu trữ vào hồ sơ cựu SV của Nhà trường [H.4.4.6.2]. Thông tin này được chia sẻ cho tất cả các đơn vị trong Trường có nhu cầu như Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&QLSV, các khoa, Trung tâm HTSV&HTDN, Hội cựu SV, ... để kịp thời tổng kết công tác đào tạo được thực hiện hằng năm vào cuối năm học [H4.4.6.3, H4.4.5.13, H4.4.5.17].

Nhà trường cũng quan tâm nắm bắt thông tin về tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp của SV nhằm nắm bắt nhu cầu nhân lực của xã hội, đồng thời có thể tư vấn hướng nghiệp, định hướng cho SV tìm được công việc phù hợp với chuyên ngành đào tạo [H4.4.6.4]. Trên CSDL cựu SV đã được xây dựng, Phòng CTCT&QLSV đã phối hợp với các khoa, Trung tâm HTSV&HTDN thực hiện việc khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp từ 6 tháng đến 1 năm [H4.4.6.5, H4.4.6.6]. Việc khảo sát nhằm thu thập những thông tin xem cựu SV đã có việc làm chưa, có việc làm trong thời gian bao lâu kể từ khi tốt nghiệp, việc làm có phù hợp với chuyên ngành đào tạo không, thu nhập trung bình hằng tháng, ... phục vụ cho NCKH điều chỉnh hoạt động đào tạo [H4.4.6.7]. Phương thức khảo sát được sử dụng gồm: Liên lạc qua email để gửi đường link phiếu điều tra đến các cựu SV, liên lạc trực tiếp qua điện thoại, qua facebook [H4.4.6.8]. Lực lượng tham gia vào quá trình khảo sát gồm: Chuyên viên Phòng CTCT&QLSV, chuyên viên Trung tâm HTSV&HTDN và các CVHT/GVCN. Toàn bộ dữ liệu thu thập được sẽ được xử lý tập trung tại Phòng CTCT&QLSV của Trường [H4.4.6.6]. Trong năm 2016, Nhà trường đã thực hiện khảo sát về việc làm của SV sau tốt nghiệp năm 2015 với kết quả khá tốt: Trên 82% SV tốt nghiệp được khảo sát đã có việc làm và trên 53% SV tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo [H4.4.6.6]. Hiện nay, Nhà trường đang tiến hành khảo sát về việc làm của SV sau tốt nghiệp trong năm 2016 và đang tổng hợp, thống kê kết quả để báo cáo Bộ GD&ĐT.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có CSDL đầy đủ về hoạt động đào tạo nhờ việc ứng dụng hiệu quả CNTT trong tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo. Nhà trường đã xây dựng

CSDL về cựu SV, đã hình thành được mạng lưới các ban liên lạc cựu SV của các lớp, thường xuyên duy trì thông tin với cựu SV thông qua mạng xã hội. Đồng thời, thực hiện khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV với các phương thức khảo sát đa dạng, phù hợp.

3. Tồn tại

Việc khảo sát chưa được tiến hành thường xuyên. Tỷ lệ cựu SV tham gia khảo sát chưa cao do cựu SV đã thay đổi số điện thoại, địa chỉ email nên khó khăn trong liên hệ. Thông tin cung cấp đôi khi không chính xác gây khó khăn trong thống kê kết quả.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 3/2018 - 6/2018, Nhà trường xây dựng và ban hành quy định và kế hoạch hằng năm về công tác thống kê, theo đó chỉ rõ đơn vị đầu mối tổng hợp thông tin thống kê về hoạt động đào tạo và các hoạt động khác của Nhà trường; triển khai thu thập và xử lý thông tin tình trạng việc làm đối với SV VLVH.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

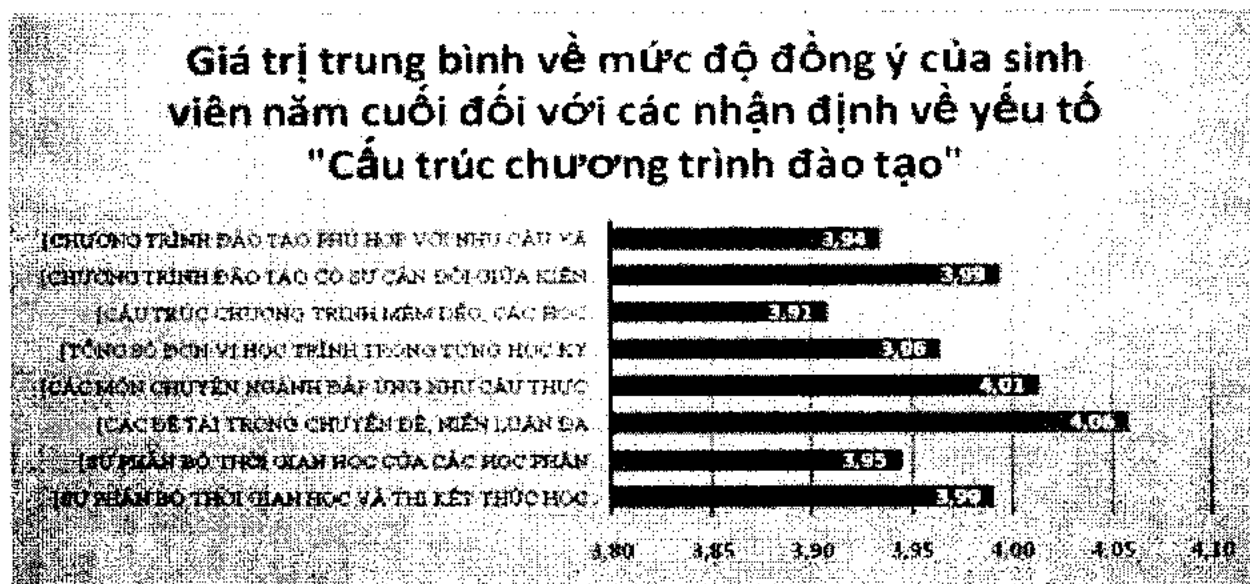
Nhận thức được chất lượng đào tạo là yếu tố sống còn của một trường ĐH, nên Trường ĐHTĐ luôn đưa công tác ĐBCL lên hàng đầu. Hằng năm, Nhà trường luôn có kế hoạch ĐBCL nhằm cải tiến CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội [H.4.4.7.1].

Việc đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường được Nhà trường đánh giá trên hệ thống các khảo sát hằng năm của cấp trường và cấp khoa từ khi SV còn ngồi trên ghế giảng đường. Đối với cấp trường, Nhà trường đã tiến hành các khảo sát tổng thể gồm: Khảo sát đánh giá toàn khóa học của SV năm cuối [H3.3.2.5], khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi ra trường [H4.4.7.3], khảo sát nhà tuyển dụng lao động, ... [H4.4.7.8]. Cấp khoa đã tiến hành các khảo sát về CTĐT, chuẩn đầu ra, ... với đối tượng là SV đã tốt nghiệp. Các khảo sát, góp ý về việc đánh giá kỹ năng, tay nghề, mức độ đáp ứng

công việc, ... được thực hiện với đối tượng là doanh nghiệp, người sử dụng lao động (bao gồm những cơ sở tiếp nhận SV thực tập và các doanh nghiệp có sử dụng lao động là SV của Trường) [H4.4.7.5].

Cụ thể, từ năm 2016, Trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng định kỳ hằng năm và đã nhận được sự phản hồi tích cực về năng lực làm việc của các SV thực tập và một bộ phận SV đang làm việc toàn hoặc bán thời gian. Cũng trong các đợt khảo sát này, Trường thu được nhiều thông tin của nhà tuyển dụng nhận xét về CTĐT của Trường.

Đối với 100% CTĐT và hoạt động đào tạo, Trường có kế hoạch khảo sát ý kiến hằng năm đối với SV năm cuối, cụ thể SV về mức độ hài lòng và các ý kiến đóng góp để hoàn thiện CTĐT và hoạt động đào tạo [H3.3.2.5, H4.4.7.3]. Số lượng mẫu SV tốt nghiệp được lấy ý kiến phản hồi luôn đảm bảo độ tin cậy theo công thức Slovin. Cụ thể, năm 2016, Nhà trường đã thực hiện khảo sát toàn khóa học đối với SV năm cuối khi kết thúc học kỳ 1. Việc khảo sát này nhằm thu nhận những đánh giá của SV sắp tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường đối với toàn khóa học liên quan đến các nội dung: (1) CTĐT, (2) tổ chức hoạt động đào tạo, (3) hoạt động hỗ trợ phục vụ đào tạo, (4) các hoạt động hỗ trợ khác, (5) nhận định chung của SV về khóa học, ... [H3.3.2.5]. Với 1.284 SV năm cuối tham gia khảo sát (theo thang điểm 5) về cấu trúc CTĐT cho kết quả như sau:



Hình 4.2: Giá trị trung bình về mức độ đồng ý của SV năm cuối đối với các nhận định về yếu tố “cấu trúc CTĐT”

Với CSDL đã có về cụ thể SV, Nhà trường thông qua các khoa, bộ môn và GVCN/CVHT nắm bắt tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi ra trường.

Nhà trường cũng thực hiện việc khảo sát trực tuyến, liên hệ trực tiếp với cựu SV nhằm có thông tin những đánh giá của cựu SV về những kiến thức, kỹ năng được học ở Trường trong việc tìm kiếm việc làm, ... [H3.3.2.1, H4.4.7.3, H4.4.7.4]. Trong năm 2016, Nhà trường đã thực hiện khảo sát về việc làm của SV sau tốt nghiệp trong năm 2015 với kết quả khá tốt: Trên 82% SV tốt nghiệp được khảo sát đã có việc làm và trên 53% SV tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo [H4.4.6.6].

Các kết quả khảo sát đối với SV tốt nghiệp, cựu SV và nhà tuyển dụng là căn cứ quan trọng để Nhà trường thực hiện các điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, từ việc điều chỉnh CTĐT đến tổ chức hoạt động quản lý đào tạo, nâng cấp CSVC, ... [H4.4.7.2]. Trường đã thực hiện nhiều điều chỉnh để cải tiến chất lượng đào tạo như: Quy định bổ sung thêm chuẩn đầu ra gồm chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, chuẩn kỹ năng mềm, chuẩn kỹ năng nghề nghiệp; bổ sung những học phần mới, thay đổi, bỏ bớt những học phần không còn phù hợp; đẩy mạnh hoạt động thực tập thực tế cho SV, ...

Cụ thể, năm 2016, thực hiện kế hoạch hiệu chỉnh CTĐT được Trường quy định trong quy định về cập nhật CTĐT [H3.3.1.13], các khoa/bộ môn tiến hành khảo sát ý kiến đại diện các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tham gia góp ý và có những đánh giá về CTĐT, chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường [H4.4.7.5, H4.4.7.6, H4.4.7.7]. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp còn hạn chế, chưa được thực hiện rộng khắp ở tất cả các ngành đào tạo.

Việc điều chỉnh CTĐT bao gồm việc thay đổi đề cương chi tiết các học phần, ban hành mới các CTĐT và mở thêm các chuyên ngành mới. Trong quá trình thực hiện đổi mới CTĐT, Nhà trường đã mạnh dạn đưa ra khỏi CTĐT các học phần không còn phù hợp với mục tiêu đào tạo và thay thế, bổ sung các học phần có kiến thức hiện đại phù hợp với yêu cầu của xã hội [H3.3.3.9, H3.3.4.1, H3.3.4.5].

Để phù hợp hơn với yêu cầu của xã hội, Trường đã có những điều chỉnh hoạt động đào tạo theo hướng gắn giữa lý thuyết với thực tiễn như: Tổ chức cho SV kiến tập, thực tập tại các công ty, các ngân hàng, doanh nghiệp để tiếp xúc gần hơn với môi trường làm việc thực tế [H4.4.3.12]; tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo với các diễn giả đến từ các doanh nghiệp lớn để SV được trực tiếp giao

lưu đặt câu hỏi và tìm lời giải đáp cho các khúc mắc về công việc sau này, ... [H4.4.7.8]. Trường đã có liên kết tổ chức lớp N5 tiếng Nhật cho cựu SV Điều dưỡng chuẩn bị sang Nhật làm việc [H8.8.1.7]. Cuối mỗi năm học, Trường tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo hằng năm để hoàn thiện công tác đào tạo và CTĐT đáp ứng được yêu cầu của xã hội [H4.4.7.1, H4.4.7.9, H4.4.7.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi tốt nghiệp về chất lượng CTĐT. Công tác cập nhật và điều chỉnh hoạt động đào tạo, nhất là CTĐT định kỳ 02 năm/lần của Nhà trường được thực hiện tốt. Trường đã tích cực, xây dựng được hệ thống trực tuyến đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường; ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch khảo sát, thu thập, xử lý dữ liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát.

3. Tồn tại

Công tác thu thập ý kiến phản hồi của doanh nghiệp còn hạn chế nhất định ở một số ngành đào tạo, cần phải thu thập thêm dữ liệu ở một số ngành đào tạo khác nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong đánh giá CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 3/2018 - 6/2018, Trường tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chi tiết điều chỉnh hoạt động đào tạo để phù hợp hơn với yêu cầu của xã hội; định kỳ lấy ý kiến đánh giá của nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo ĐH (chính quy, VLVH) và đa dạng hóa các hình thức triển khai lấy ý kiến của người học, nhà tuyển dụng, các chuyên gia thông qua nhiều kênh: Hội thảo, tọa đàm, khảo sát trực tuyến,

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhà trường đã có kế hoạch chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm 2010 và đến năm 2014 đã hoàn toàn chuyển sang đào tạo theo tín chỉ cho tất cả các ngành, hệ và bậc đào tạo tại Trường. Trường thực hiện hoạt động đào tạo theo đúng Quy chế 43 của Bộ GD&ĐT.

Việc đa dạng hóa các bậc, hệ và hình thức đào tạo được Nhà trường quan tâm phát triển từ nhiều năm qua với mục tiêu đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập của người học. Quá trình phát triển của Trường luôn đi đôi với việc đổi mới

CTĐT, phương pháp giảng dạy tích cực theo hướng chú trọng đến kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của người học. Nhà trường cũng chú trọng cải tiến phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo quá trình, đảm bảo tính khách quan, công bằng trong quá trình kiểm tra, đánh giá.

Công tác tổ chức quản lý đào tạo trên nền tảng ứng dụng CNTT đã mang lại những điều kiện thuận lợi nhất cho người học. Công tác đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Nhà trường quan tâm và thực hiện thường xuyên bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp. Nhà trường đã chú trọng đầu tư CSVC đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, thực hiện đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học, phù hợp với từng học phần.

Nhà trường đã có hệ thống văn bản, quy định, quy trình để việc tổ chức hoạt động thi cử, được đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng trong hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học. Thực hiện tốt các quy định và quy trình chặt chẽ trong việc tổ chức thi, chấm thi, cập nhật và công bố kết quả học tập cũng như cấp phát chứng chỉ, bằng tốt nghiệp cho SV.

Nhà trường đã ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý đào tạo, có CSDL đầy đủ về hoạt động đào tạo, giúp công tác quản lý, lưu trữ và công bố kết quả học tập một cách nhanh chóng, chính xác, an toàn và bảo mật. Tuy nhiên, phần mềm quản lý vẫn còn những hạn chế nhất định. Đồng thời, Nhà trường đã xây dựng CSDL về cựu SV, đã hình thành được mạng lưới các ban liên lạc cựu SV của các lớp, thường xuyên duy trì thông tin với cựu SV thông qua mạng xã hội. Qua đó, giúp cho việc thực hiện khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV với các phương thức khảo sát đa dạng, phù hợp.

Việc thực hiện liên kết đào tạo quốc tế chưa mang lại hiệu quả thiết thực. Bên cạnh đó, dù có nhiều cố gắng nhưng tỷ lệ cựu SV tham gia khảo sát tình trạng việc làm và thu nhập chưa cao, công tác thu thập ý kiến phản hồi của doanh nghiệp còn hạn chế - Đây là một trong những khó khăn nhất của Nhà trường trong công tác khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan đối với CTĐT và hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7

Tiêu chuẩn 5

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Là một trường ĐH tư thục đầu tiên của vùng ĐBSCL, đóng góp tích cực vào sự PTNNL cho Thành phố Cần Thơ nói riêng và vùng ĐBSCL nói chung, Trường DHTĐ luôn xem công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ CBQL, GV và NV là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Từ khi thành lập đến nay, đội ngũ CBQL, GV và NV của Trường không ngừng tăng lên, tính đến tháng 12/2016 Trường có 695 người. Đội ngũ CBQL, GV và NV của Trường có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đáp ứng về số lượng và chất lượng theo quy định.

Đội ngũ CBQL của Nhà trường được bổ nhiệm theo đúng quy trình, đảm bảo đủ và đúng các tiêu chuẩn về công tác quản lý được quy định rõ trong các văn bản của các cấp quản lý.

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả

Căn cứ vào kế hoạch chiến lược, Trường xây dựng kế hoạch quy hoạch phát triển đội ngũ CBQL, GV, NV giai đoạn 2012 - 2016 [H5.5.1.1, H5.5.1.2]. Dựa vào kế hoạch, Trường xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ hằng năm. Theo đó, việc tổ chức sắp xếp lại các đơn vị, bổ nhiệm ở các vị trí CBQL, phát triển đội ngũ GV, chuyên viên, kỹ thuật viên được hoạch định rất cụ thể nhằm đáp ứng được mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường [H5.5.1.3, H5.5.1.4]. Thêm vào đó, để nâng cao năng lực cho CBQL, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ GV, NV hằng năm Trường có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CBQL, GV, NV [H5.5.1.5]. Trường luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện cho CBQL, GV, NV được tham gia các khóa học, bồi dưỡng, hội thảo trong và ngoài nước [H5.5.1.6]. Trong giai đoạn 2012 - 2017, đội ngũ GV của Trường phát triển cả về số lượng và trình độ được thể hiện cụ thể như sau [H5.5.1.7]:

Bảng 5.1: Thống kê trình độ GV cơ hữu từ năm 2012 - 2017

Năm	Trình độ đội ngũ GV của Trường					
	Tổng số	Giáo sư	Phó GS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	ĐH
2012	439	4	16	34	176	209
2013	459	4	16	37	216	186
2014	472	4	16	38	248	166
2015	607	5	20	80	316	186
2016	612	7	18	80	327	180
2017	612	7	18	80	327	180

Trường đã ban hành quy định tuyển dụng CBQL, GV, NV, trong đó có nêu rõ ràng quy trình, tiêu chí tuyển dụng [H5.5.1.8]. Quy trình tuyển dụng gồm các bước chính: Lấy ý kiến đơn vị về tình hình nhân sự; tổng hợp các đề xuất từ đơn vị; lập kế hoạch và trình BGH; thông báo, nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ; thành lập HĐ tuyển dụng, phỏng vấn; quyết định tuyển dụng và ký hợp đồng đối với các ứng cử viên đạt tiêu chuẩn. Tiêu chí tuyển dụng dành cho GV của Trường là người dự tuyển phải có phẩm chất đạo đức tốt, tốt nghiệp loại giỏi trở lên, ưu tiên người có học hàm học vị giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, có lý lịch rõ ràng, có văn bằng, chứng chỉ đào tạo theo tiêu chuẩn từng vị trí tuyển dụng, riêng đối với CBQL Trường có các tiêu chuẩn riêng dành cho CBQL [H5.5.1.9]. Các thông báo tuyển dụng được Trường thông báo công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường [H5.5.1.10]. Bên cạnh đó, Trường có quy chế bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, từ chức và miễn nhiệm đối với CBQL trong Trường [H5.5.1.11]. Hàng năm, Trường thực hiện các báo cáo tổng kết công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, quy hoạch của Trường [H5.5.1.12]. Theo thống kê trong 5 năm qua, Trường đã tuyển dụng được 150 GV, NV ở các trình độ, trong đó ưu tiên tuyển dụng trình độ thạc sĩ trở lên ở các chuyên ngành, đặc biệt là ngành Dược, Điều dưỡng...; Trường đã đưa 70 CB, GV đi học tập nâng cao trình độ tiến sĩ và thạc sĩ; đã cử hơn 200 lượt CB, GV đi tham dự tập huấn, hội nghị, hội thảo, học các khóa ngắn hạn; đã bổ nhiệm được 09 CB làm ở các vị trí quản lý quan trọng [H5.5.1.6, H5.5.1.12]. Qua đó, Trường nhận thấy việc quy hoạch, bổ nhiệm và tuyển dụng của Trường phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được kế hoạch đã đề ra.

2. Điểm mạnh

Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CBQL, GV luôn được

Trường quan tâm và chú trọng thông qua các quy hoạch kế hoạch dựa trên chiến lược phát triển dài hạn và ngắn hạn. Việc bổ nhiệm và tuyển dụng đội ngũ GV, NV được thực hiện công khai, minh bạch theo đúng các quy định hiện hành và phù hợp với chiến lược phát triển của Trường.

3. Tôn tại

Việc tuyển dụng GV đầu ngành đối với một số chuyên ngành còn gặp khó khăn, ví dụ như chuyên ngành CNTT, Dược. Bởi vì, số lượng người có trình độ tiến sĩ ở những chuyên ngành này không nhiều, dẫn đến khó trong việc tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Trong tháng 01/2018, Trường sẽ đưa ra các biện pháp đa dạng hóa các hình thức tuyển dụng cũng như có chính sách thu hút nhân tài. Đối với một số chuyên ngành đặc thù, Trường sẽ lập chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm tuyển chọn được nguồn GV có chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.

1. Mô tả

Trong những năm qua, Trường ĐHTĐ luôn chú trọng công tác xây dựng giữ gìn môi trường làm việc dân chủ nhằm phát huy hết sức mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho CBQL, GV, NV tham gia đóng góp ý kiến đối với mọi hoạt động của Nhà trường. Sau thời gian thực hiện và tự hoàn thiện có sự tham gia đóng góp ý kiến của tất cả các CBQL, GV và NV trong Trường vào bản dự thảo, Quy chế dân chủ được Trường ban hành vào năm 2014. Phòng TC - HC phát hành Quy chế đến tất cả các đơn vị nên 100% CBQL, GV và NV đều được tiếp cận với nội dung của Quy chế do đó quyền dân chủ của các cá nhân được đảm bảo [H5.5.2.1]. Việc thực hiện quy chế dân chủ tuân theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, nội quy Trường học và tuân thủ theo pháp luật [H5.5.2.2].

Mỗi văn bản quy định, quy trình hoạt động của Nhà trường, các CBQL, GV và NV đều được tham gia góp ý trước khi ban hành [H5.5.2.3]. Bên cạnh đó, CBQL, GV và NV có thể đóng góp ý kiến cũng như nêu ra các khiếu nại, tố cáo, thắc mắc của mình bằng cách gửi ý kiến thông qua hộp thư góp ý, email, điện

thoại hoặc có thể gặp trực tiếp lãnh đạo Trường [H5.5.2.4, H5.5.2.5]. Trường có quy định quy trình nhận và hồi đáp ý kiến phản ánh [H5.5.2.1]. Các khiếu nại, tố cáo của CBQL, GV và NV luôn được Nhà trường quan tâm và xử lý kịp thời [H5.5.2.6]. Hằng năm, Trường đều tổ chức Hội nghị CB, GV và NV để tổng kết, đánh giá, thảo luận các hoạt động của Nhà trường, CBQL, GV và NV có những vướng mắc có thể thảo luận, góp ý công khai tại hội nghị [H5.5.2.7].

Ngoài ra, Trường cũng ban hành nội quy tiếp công dân của Trường nhằm tạo điều kiện để người học cũng như công dân bên ngoài đến gặp trực tiếp lãnh đạo nếu có thắc mắc, khiếu nại hay tố cáo [H5.5.2.8]. Trường cũng thành lập Ban Thanh tra - Pháp chế (trước có tên Ban Thanh tra Đào tạo), chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thanh tra - Pháp chế được thực hiện theo Quyết định số 193/QĐ-ĐHTĐ ngày 28/4/2017 của BGH Trường ĐHTĐ [H5.5.2.9, H5.5.2.10]. Ngoài Ban Thanh tra - Pháp chế, Nhà trường cũng thành lập Ban đối thoại (trước đó có tên là Ban Thanh tra nhân dân), các hoạt động của Ban đối thoại được tổng kết báo cáo định kỳ và có biên bản làm việc [H5.5.2.11]. Từ đó, công tác thanh tra của Nhà trường được thực hiện một cách khách quan theo đúng quy định của ngành và pháp luật. Công tác thực hiện dân chủ ở cơ sở được triển khai tốt, chính sách tốt và công khai nên CBQL, GV và NV rất hài lòng nên trong những năm qua xảy ra rất ít trường hợp khiếu nại, tố cáo tại Trường [H5.5.2.12]. Bên cạnh đó, 100% CBQL, GV và NV thống nhất về nội dung nên đến nay không có phản hồi nào về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung Quy chế dân chủ.

2. Điểm mạnh

Quy chế dân chủ cơ sở được xây dựng và triển khai hiệu quả. Trường luôn tiếp thu ý kiến và kịp thời giải quyết các phản ánh của CBQL, GV và NV.

3. Tồn tại

Một số CBQL, GV và NV chưa quan tâm đến quyền dân chủ của mình nên chưa có nhiều góp ý và thực hiện quyền dân chủ của mình.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 - 2018 (từ 15/8/2017 đến 30/7/2018), Nhà trường tiếp tục duy trì và củng cố thực hiện Quy chế dân chủ thông qua các phiên họp định kỳ, hội họp các tổ chức quần chúng. Nhà trường cũng tăng cường công tác vận

động, khuyến khích CBQL, GV, NV của Trường tích cực góp ý cho lãnh đạo và các đơn vị để thực hiện tốt quy chế dân chủ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Việc phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ CBQL, GV luôn là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường. Từ khi thành lập Trường đến nay, HĐQT, BGH luôn có sự đồng thuận cao trong việc triển khai các chương trình, mục tiêu trong chiến lược phát triển con người, đồng thời luôn chú ý đến việc đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách nhằm tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ CBQL, GV tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước [H5.5.3.1]. Các chính sách khuyến khích, hỗ trợ CBQL, GV tham gia học tập, phát triển năng lực chuyên môn của Trường như giảm giờ chuẩn GV khi tham gia NCKH, hỗ trợ tiền cho CBQL học tập nâng cao trình độ, hỗ trợ học phí cho CBQL, GV học chứng chỉ sư phạm [H5.5.3.2, H5.5.3.3, H5.5.3.4]. Trường cũng ban hành quy định chế độ làm việc, thời gian nghỉ ngơi và nghỉ việc của CBQL, GV và NV [H5.5.3.5].

Trường có Quy chế về việc cử CBQL, GV và NV đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và nước ngoài [H5.5.3.6]. Quy chế quy định tiêu chuẩn; các yêu cầu đào tạo nâng cao trình độ; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; thủ tục cử đi đào tạo và quy định về chế độ chính sách đào tạo, bồi dưỡng. Bên cạnh đó, Trường luôn tạo điều kiện, khuyến khích cho CBQL và GV tham gia các hội nghị, hội thảo, hợp tác khoa học trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H5.5.3.7, H5.5.3.8]. Theo thống kê từ năm 2012 - 2017, Trường đã cử CBQL và GV đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ với số lượng như sau: Trường đã cử CBQL, GV đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ với số lượng như sau: Năm 2012 có 39 lượt CBQL, GV chiếm 7,6%; năm 2013 có 22 lượt CBQL, GV chiếm 4,1%; năm 2014 có 31 lượt CBQL, GV chiếm 5,7%; năm 2015 có 31 lượt CBQL, GV chiếm 4,6%; năm 2016 có 73 lượt CBQL, GV chiếm 10,5%; năm 2017 (tính đến tháng 6/2017) có 26 lượt CBQL, GV chiếm 3,7%. Với các chính

sách và biện pháp cụ thể đã thúc đẩy đội ngũ CBQL, GV và NV phát triển cả về số lượng và chất lượng nâng cao uy tín thương hiệu ĐHTĐ trong vùng ĐBSCL.

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt việc hỗ trợ kinh phí đi công tác cho CBQL, GV tham gia hội nghị, tập huấn nhằm nâng cao kinh nghiệm quản lý. Trường cũng thực hiện tốt chính sách và tạo mọi điều kiện cho đội ngũ CBQL và GV tham gia các hoạt động bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước.

3. Tồn tại

Đội ngũ CBQL và GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2017 - 2022, Trường tiếp tục tạo mọi điều kiện thuận lợi hỗ trợ CBQL, GV được nâng cao trình độ ở nước ngoài thông qua các chương trình liên kết đào tạo. Đồng thời, Trường cũng khuyến khích CBQL, GV tự tìm học bổng từ các tổ chức, trường ĐH trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ cũng như trình độ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt

*Tiêu chí 5.4. **Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.***

1. Mô tả

Đội ngũ CBQL của Trường ĐHTĐ hiện có 34 người, được tuyển dụng theo đúng quy trình, được bổ nhiệm theo đúng tiêu chuẩn [H5.5.4.1, H5.5.4.2, H5.5.4.3]. Theo tiêu chuẩn bổ nhiệm, CBQL phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác quản lý. Hiện tại, hầu hết CBQL các đơn vị trong Trường đều có trình độ thạc sĩ trở lên, đạt trình độ ngoại ngữ và tin học phù hợp với quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường, riêng đối với trường khoa, trường bộ môn đều có bằng tiến sĩ trở lên đúng theo Luật giáo dục ĐH. Trường không có CBQL vi phạm quy định về đạo đức và những điều Đảng viên không được làm. Trường có lập bảng thống kê chung về đội ngũ CBQL theo các tiêu chí như vị trí công tác hiện hành, tuổi đời, thâm niên công tác, học vị, chức danh [H5.5.4.1, H5.5.4.3]. Qua kết quả thống kê cho thấy, đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực

quản lý, nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường.

CBQL của Trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được cấp trên, GV, NV tin nhiệm trong công tác quản lý [H5.5.4.5, H5.5.4.6]. Hằng năm, 100% CBQL của Trường đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, được Trường, Ủy ban Thành phố Cần Thơ, Bộ GD&ĐT tặng nhiều bằng khen, giấy khen vì thành tích nổi bật của mình [H5.5.4.7, H5.5.4.8]. Bên cạnh đó, Trường luôn tạo mọi điều kiện cho CBQL bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Từ năm 2012 - 2017 có hơn 100 lượt CBQL tham gia các hội thảo, hội nghị trong nước và ngoài nước, qua đó năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của CBQL các cấp không ngừng tăng lên và đạt hiệu quả cao trong công việc [H5.5.4.9].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác nên Nhà trường và các CBQL được cấp trên khen thưởng và đánh giá cao.

3. Tồn tại

Trường chưa có quy trình đánh giá năng lực CBQL.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017 - 2018 (từ 15/8/2017 đến 30/7/2018), Trường sẽ bổ sung Quy trình đánh giá năng lực CBQL.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

1. Mô tả

Qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển (2006 - 2017), Trường luôn coi trọng công tác phát triển đội ngũ GV, xem đây là điều kiện tiên quyết để phát triển nâng cao vị thế của Trường, vì thế đội ngũ GV đầu vào luôn được Nhà trường tuyển dụng chặt chẽ, đảm bảo về trình độ [H5.5.5.1]. Thêm vào đó, Trường có đủ số lượng GV để thực hiện CTĐT và NCKH, mỗi ngành đào tạo có đủ thành phần GV cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành [H5.5.5.2]. Tuy nhiên, đối với ngành Thú Y do mới mở trong năm học 2017 - 2018 nên việc triển khai

tuyển dụng GV chưa đáp ứng. Trong giai đoạn 2012 - 2017, số lượng GV của Trường không ngừng tăng lên về số lượng và chất lượng, được người học đánh giá tốt về chất lượng giảng dạy [H5.5.5.1, H5.5.5.3]. Năm 2012, số lượng GV cơ hữu của Trường là 439, đến nay Trường đã có 612 GV cơ hữu trong đó có 432 GV đạt trình độ từ thạc sĩ trở lên chiếm 70,6% (trong đó có 07 giáo sư (chiếm 1,1%), 18 phó giáo sư (chiếm 2,9%), 80 tiến sĩ (chiếm 13,2%), 327 thạc sĩ (chiếm 53,4%)). Riêng đối với CTĐT thạc sĩ, Trường hiện có 54 GV (chiếm 8,8%) trong đó có 02 giáo sư, 11 phó giáo sư và 41 tiến sĩ. Đáng chú ý là phần lớn các GV của Trường đều được đào tạo sau ĐH từ các cơ sở giáo dục có uy tín. Bên cạnh đó để tăng cường thêm đội ngũ giảng dạy, Trường cũng có ký hợp đồng lao động với một số GV thỉnh giảng, chủ yếu là GV có học hàm giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ có nhiều kinh nghiệm giảng dạy ở các sở, ban, ngành và cơ sở giáo dục ĐH có uy tín trong nước [H5.5.5.4].

Hiện nay, Nhà trường đào tạo 19 CTĐT ĐH, 03 CTĐT thạc sĩ với chỉ tiêu tuyển sinh trung bình hệ chính quy hằng năm trên dưới 2.500 SV [H5.5.5.5]. Đối với các ngành, Trường có đủ số lượng GV đảm bảo được tỷ lệ SV/GV quy đổi đáp ứng theo đề án mở ngành, phù hợp quy định về điều kiện ĐBCL, đạt mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình SV/GV theo từng năm [H5.5.5.2, M3].

Bảng 5.2: Thống kê tỷ lệ SV/GV cơ hữu từ năm 2012 - 2017

	Năm học 2012 - 2013	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017
Số SV	12.583	10.546	8.284	7.898	8.403
Số GV	459	472	607	612	612
Tỷ lệ SV/GV	27,1	21,9	12,9	11,9	12,5

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Trường liên tục tăng lên về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đó, tỷ lệ GV có học hàm, học vị chiếm tỷ lệ cao đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và NCKH. Đội ngũ GV giàu nhiệt huyết và năng động, luôn chủ động tìm kiếm và nghiên cứu những kiến thức mới nhằm đáp ứng tốt công tác giảng dạy.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa có quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn nâng ngạch GV.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 - 2018 (từ 15/8/2017 đến 30/7/2018), Trường sẽ xem xét bổ sung quy định về điều kiện và tiêu chuẩn nâng ngạch GV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Để đáp ứng yêu cầu về CTĐT, NCKH, Nhà trường luôn chú trọng đến trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học của GV nên công tác tuyển dụng GV phải được thực hiện chặt chẽ theo đúng các tiêu chuẩn của ngành. Hiện nay, yêu cầu tuyển dụng đối với GV phải tốt nghiệp thạc sĩ trở lên đúng với chuyên ngành dự tuyển, có trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng quy định chuẩn ngoại ngữ và tin học của Trường, ưu tiên những người tốt nghiệp loại xuất sắc [H5.5.6.1].

Hiện nay đội ngũ GV có 612 người, trong đó có 432 GV đạt trình độ thạc sĩ trở lên chiếm tỷ lệ 70,6%, trong đó giáo sư chiếm 1,1%; phó giáo sư chiếm 2,9%; tiến sĩ chiếm 13,2%; thạc sĩ chiếm 53,4% [H5.5.6.2]. Dựa trên trình độ chuyên môn của GV, lãnh đạo khoa và bộ môn sẽ phân công GV giảng dạy, việc phân công đảm bảo 100% GV được dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H5.5.6.3, H5.5.6.4]. Cơ cấu chuyên môn của các GV ở các khoa cũng phù hợp với nhiệm vụ đào tạo [H5.5.6.5, H5.5.6.6, H5.5.6.7]. Thực hiện Luật Giáo dục ĐH năm 2012 và Điều lệ trường ĐH năm 2014, Trường chỉ phân công GV có học vị từ thạc sĩ trở lên giảng dạy lý thuyết, GV trình độ ĐH chỉ làm trợ giảng; hướng dẫn tại các phòng thực hành, thí nghiệm; dẫn SV đi thực tập thực tế;... [H5.5.6.3]. Đồng thời, Nhà trường cũng tạo mọi điều kiện ưu tiên để GV nâng cao trình độ chuyên môn của mình [H5.5.6.8].

Hầu hết đội ngũ GV Trường có trình độ ngoại ngữ, tin học phù hợp theo quy định của Trường [H5.5.6.9]. GV giảng dạy đều ứng dụng hiệu quả CNTT vào các tiết giảng của mình cũng như sử dụng tốt ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Trường đã tiến hành khảo sát khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, kết quả khảo sát cho thấy việc sử dụng ngoại ngữ, tin học của GV là thường xuyên,

đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy [H5.5.6.10].

Bảng 5.3: Thống kê tần suất sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu của GV cơ hữu

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc).	4,86	28,64
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc).	11,22	52,76
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc).	58,79	5,70
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc).	16,92	5,19
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc).	8,21	7,71
Tổng		100	100

GV của Trường thường sử dụng ngoại ngữ trong nghiên cứu tài liệu, viết và trình bày các bài báo tiếng Anh đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và nước ngoài. Để hỗ trợ và tăng cường tiếng Anh của GV, Trường cử GV tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy cho SV các lớp chuyên ngành và mời đơn vị bên ngoài về tập huấn cho GV chuyên ngành tiếng Anh tại Trường [H5.5.6.11].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Trường có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng vững vàng đáp ứng tốt cho yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường. Hầu hết GV của Trường đều có kỹ năng ứng dụng CNTT đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

3. Tồn tại

Là một trường mới thành lập và là trường tư thục nên đội ngũ GV có chức danh giáo sư, phó giáo sư chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Trong tháng 01/2018 trở đi, Nhà trường sẽ xem xét bổ sung chính sách thu hút các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ về làm việc cho Trường, đồng thời đẩy mạnh quy hoạch CB, GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.7. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả

Trường có văn bản quy định về cơ cấu phân bổ giờ giảng và cơ chế tập sự giảng dạy, nghiên cứu cho GV [H5.5.7.1]. Tuy Trường mới thành lập nhưng đội ngũ GV ngày càng ổn định về mặt số lượng, phát triển về mặt chất lượng được thể hiện ở bảng thống kê số lượng GV theo học hàm học vị từ năm 2012 - 2017 [H5.5.7.2, H5.5.7.3]. Qua thống kê cho thấy, Trường có nhiều GV trẻ có trình độ và năng lực giảng dạy chuyên môn. Bên cạnh đó, đội ngũ GV có sự phân hóa về tuổi tác, độ tuổi trung bình có xu hướng giảm, giữ ở độ tuổi trung bình hợp lý (30 - 40 tuổi), trong đó đội ngũ GV trẻ dưới 40 tuổi chiếm ưu thế [H5.5.7.4].

Bảng 5.4: Thống kê tỷ lệ phần trăm độ tuổi của GV cơ hữu từ 2012 - 2017

STT	Năm	Dưới 30		30-40		41-50		Trên 50	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	2012	172	39,2%	150	34,2%	32	7,3%	85	19,3%
2	2013	166	36,2%	172	37,5%	34	7,4%	87	19%
3	2014	152	32,2%	193	40,9%	39	8,3%	88	18,6%
4	2015	186	30,6%	248	40,9%	52	8,6%	121	19,9%
5	2016	154	25,2%	277	45,3%	69	11,3%	112	18,3%
6	2017	119	19,4%	290	47,4%	86	14,1%	117	19,1%

Để tạo kinh nghiệm giảng dạy ở các GV trẻ, một học phần được phân công giảng dạy thường gồm GV lớn tuổi có kinh nghiệm và GV trẻ, nhằm phân công các GV lớn tuổi hướng dẫn kinh nghiệm chuyên môn cho GV trẻ [H5.5.6.2, H5.5.7.6]. Thêm vào đó, Trường thường xuyên thực hiện công tác đánh giá năng lực các GV như dự giờ lên lớp, cho giảng thử, phân công làm trợ giảng ở các buổi thực hành hay mời các GV thỉnh giảng có thâm niên công tác và nhiều kinh nghiệm về tham gia giảng dạy. Qua đó, GV trẻ có cơ hội học tập những kinh nghiệm quý báu từ các bậc thầy giàu kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng bài giảng của mình [H5.5.7.7]. Bên cạnh đó, dựa vào kế hoạch chiến lược phát triển về đội ngũ GV của Trường, hằng năm Trường đều có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích và tạo mọi điều kiện ưu tiên GV, đặc biệt là GV trẻ học

tập nâng cao trình độ chuyên môn nhằm cân bằng trình độ chuyên môn và đảm bảo tính kế thừa [H5.5.7.8].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Nhà trường trẻ, ứng dụng mạnh CNTT trong giảng dạy; có sức khỏe và kiến thức chuyên môn đảm bảo trình độ chuẩn của nhà giáo được đào tạo theo quy định; đáp ứng yêu cầu về giảng dạy và NCKH; đảm bảo được sự cân đối, hài hòa về nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững của Nhà trường.

3. Tồn tại

Một số GV trẻ còn thiếu kinh nghiệm đứng lớp.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 - 2018, tiếp tục công tác quy hoạch, nâng cao trình độ cho GV đặc biệt là GV trẻ. Bên cạnh đó, Trường khuyến khích thành lập các CLB GV, tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm giảng dạy giữa GV có kinh nghiệm và GV trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.8. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Trường đã ban hành chức năng, nhiệm vụ của đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên và NV, đội ngũ này có vai trò hết sức quan trọng trong việc đảm bảo phục vụ hiệu quả các hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH của Nhà trường [H5.5.8.1].

Tuy mới thành lập nhưng đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, NV có cơ cấu phù hợp, đủ về số lượng chất lượng theo ngành đào tạo và nhu cầu thực tế của Trường [H5.5.8.2, H5.5.8.3]. Về số lượng, tổng cộng có 85 người bao gồm cả hợp đồng dài hạn và ngắn hạn, chiếm tỷ lệ khoảng 12,2% tổng số đội ngũ CB, GV và NV. Về chất lượng, 100% chuyên viên các phòng ban, giáo vụ khoa có trình độ CD, ĐH trở lên, trong đó nhiều chuyên viên ở các phòng, khoa đã có trình độ thạc sĩ, đang học cao học đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn [H5.5.8.3]. Dựa trên trình độ, yêu cầu vị trí việc làm, Trường luôn phân công

nhiệm vụ chặt chẽ cho từng chuyên viên, kỹ thuật viên, NV nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ cho hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý [H5.5.8.4]. Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ SV, GV về đội ngũ kỹ thuật viên và NV hỗ trợ đạt 75% trở lên, điều này cho thấy khả năng đáp ứng nhu cầu phục vụ của đội ngũ này là có hiệu quả [H5.5.8.5].

Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện cho các chuyên viên, kỹ thuật viên và NV tham gia học tập, tập huấn các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ có hiệu quả cho hoạt động giảng dạy và NCKH. Cụ thể, trong 5 năm từ 2012 - 2017, Trường đã cử hơn 50 lượt đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, riêng trong 3/2017, Trường tổ chức khóa tập huấn và cấp chứng chỉ “Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính và nghiệp vụ văn thư lưu trữ cho các chuyên viên của Trường với hơn 15 chuyên viên, NV tham gia [H5.5.8.6].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, NV có đủ số lượng, đáp ứng được nhu cầu công việc. Bên cạnh đó, việc tuyển dụng và bồi dưỡng trình độ chuyên môn của đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, NV được Nhà trường quan tâm nên chất lượng đội ngũ được nâng cao.

3. Tồn tại

Công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, NV chưa mang tính chất định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Trong tháng 01/2018, Trường sẽ xây dựng lộ trình và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, NV phục vụ nhằm từng bước chuyên nghiệp hóa hơn nữa đội ngũ này.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Trong những năm qua, Nhà trường luôn quan tâm đến công tác phát triển đội ngũ CBQL. Cụ thể như thực hiện tốt công tác tuyển dụng CBQL, quy hoạch và bổ nhiệm CBQL theo đúng quy trình, tiêu chuẩn quy định và yêu cầu thực tế của Trường.

Bên cạnh đó, Nhà trường có những chính sách tích cực nhằm động viên hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Nhờ đó, trình độ GV được nâng cao, GV được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, dài hạn, qua đó nâng cao chất lượng đội ngũ GV của Trường. Hơn thế, đội ngũ GV ngày càng được trẻ hóa nhưng vẫn đảm bảo cơ cấu độ tuổi, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác hợp lý. Đội ngũ CBQL, GV, NV là thế mạnh của Trường, là nhân tố quan trọng góp phần vào những thành công và bước phát triển vững chắc của Trường trong hoạt động đào tạo và NCKH.

Bên cạnh chất lượng của đội ngũ GV luôn được tăng cường và nâng cao, thế mạnh của Trường hiện nay là đội ngũ CBQL của Trường có đủ kinh nghiệm và phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ, với nhiệt huyết tuổi trẻ sẵn sàng đáp ứng vị trí công tác đảm nhận. Đội ngũ kỹ thuật viên và NV Trường có đủ về số lượng và chất lượng để đáp ứng yêu cầu hoạt động của Trường.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 8/8

Tiêu chuẩn 6

NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Trong quá trình thực hiện sứ mạng, mục tiêu đào tạo, Trường ĐHTĐ xác định công tác phục vụ, hỗ trợ người học là nội dung quan trọng trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương và cả nước. Người học được cung cấp và hướng dẫn đầy đủ kịp thời các văn bản quy định của Nhà nước cũng như các thông tin, thông báo của Trường. Người học được đảm bảo các chế độ, chính sách xã hội và chăm sóc sức khỏe theo quy định; được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; được đảm bảo an toàn trong Trường.

Chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước thường xuyên được tuyên truyền và phổ biến sâu rộng, kịp thời đến toàn thể người học. Bên cạnh đó, người học còn được tham gia những hoạt động Đoàn - Hội và có môi trường bồi dưỡng, rèn luyện bản thân. Vì vậy, trong quá trình học tập, hầu hết người học có ý thức trong học tập, sinh hoạt và hoạt động cộng đồng; rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, thực hiện tốt các quy định của Trường và chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Nhà trường có nhiều hoạt động hỗ trợ hiệu quả cho người học nhằm tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo và đủ năng lực đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả

Để đảm bảo cho tất cả các HSSV của các bậc và hệ đào tạo được hướng dẫn đầy đủ thông tin về CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã tạo điều kiện, hỗ trợ người học từ khi bắt đầu năm thứ nhất trong buổi sinh hoạt đầu khóa, người học được gặp và đối thoại với lãnh đạo Phòng CTCT&QLSV, Phòng Đào tạo và CVHT để được hướng dẫn và cung cấp đầy đủ thông tin nội dung cần thiết [H3.3.1.1, H6.6.1.1,

H6.6.1.2, H6.6.1.3]. Bên cạnh đó, Trường đã ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học phần, thực tập tốt nghiệp, làm khóa luận tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp và chuẩn đầu ra đối với hệ đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ [H6.6.1.4, H6.6.1.5].

Vào đầu mỗi năm học, Trường thực hiện theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa. Trong tuần sinh hoạt có nội dung giới thiệu các quy chế về đào tạo ĐH, CĐ, TCCN hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và niên chế của Bộ GD&ĐT, quy chế công tác SV và nội quy SV [H6.6.1.6]; kết thúc đợt sinh hoạt người học làm bài thu hoạch nhằm giúp Nhà trường lấy ý kiến và đánh giá kết quả tiếp nhận các quy định của người học [H6.6.1.7].

Ngoài những hoạt động và hình thức phổ biến như trên để người học được hướng dẫn đầy đủ về CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, Trường còn có các hình thức phổ biến khác nhằm cung cấp thêm thông tin như: Hướng dẫn của đội ngũ GV, CVHT, Đoàn trường, Hội SV, sổ tay SV, trang thông tin điện tử của các khoa, trang thông tin điện tử của Trường... [H6.6.1.8].

Theo thống kê kết quả bài thu hoạch sau khi tham gia tuần sinh hoạt công dân của người học và báo cáo kết quả tuần sinh hoạt công dân đã cho thấy mức độ, tỷ lệ người học được hướng dẫn/hiểu được đầy đủ về CTĐT, kiểm tra đánh giá về các quy định trong quy chế đào tạo với hơn 80% [H6.6.1.9].

2. Điểm mạnh

Thông qua nhiều phương pháp phổ biến, tuyên truyền của Nhà trường, đa số người học kịp thời cập nhật đầy đủ các thông tin về CTĐT, quy định kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT... giúp người học thực hiện tốt các quy định trên.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức tuần sinh hoạt công dân và khảo sát ý kiến dành cho học viên cao học.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 01/2018, Nhà trường sẽ có kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân và khảo sát ý kiến dành cho học viên cao học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

1. Mô tả

Việc thông tin, phổ biến các quy định đối với các đối tượng ưu tiên về chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường cho đến các bước tiến hành thực hiện cũng như xét duyệt đã được Trường giải quyết đúng, kịp thời, đầy đủ, đảm bảo người học thuộc diện này được hưởng các chế độ theo quy định [M4, H6.6.2.1, H6.6.1.8].

Hàng năm, Nhà trường dựa trên số lượng người học được hưởng chế độ chính sách, được miễn, giảm học phí, được nhận trợ cấp xã hội, học bổng chính sách, có hoàn cảnh khó khăn và căn cứ vào kết quả học tập theo học kỳ/năm học Nhà trường có những chính sách ưu tiên xem xét thông qua quy trình thực hiện chế độ chính sách khi xét học bổng tài trợ từ các nguồn học bổng đa dạng cũng như trong việc thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập theo quy định [H6.6.2.2, H6.6.2.3].

Để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người học, Nhà trường đã thành lập 01 Tổ Y tế, bố trí 01 bác sỹ chuyên trách công tác y tế học đường; Phòng y tế được trang bị tủ thuốc cấp cứu, có đủ dụng cụ sơ cấp cứu như nẹp, băng ca, ... phục vụ cho CB, GV, NV và người học [H6.6.2.4]. Đầu mỗi năm học, tất cả người học trong Trường đều được khám sức khỏe, Trường đã tích cực tuyên truyền vận động người học tham gia bảo hiểm y tế nhằm thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh [H6.6.2.5].

Trong các năm học, Đoàn TN, Hội SV Trường thường xuyên tổ chức các đợt biểu diễn văn nghệ, hội diễn chào mừng các ngày lễ lớn, các hội thi văn nghệ trong Trường và giữa các trường với nhau đã thu hút đông đảo SV tham gia. Ngoài ra, Đảng ủy chỉ đạo Đoàn TN, Hội SV Trường đẩy mạnh công tác phát triển 06 CLB học thuật và 05 CLB sở thích cho người học, hiện nay gồm: CLB Sinh học, CLB CNTT, CLB Tiếng Anh, CLB Blouse trắng, CLB Nguồn tri thức, CLB Võ tự vệ, CLB Thông tin việc làm, CLB Nghệ thuật, CLB Sứ giả

xanh, CLB Giọt máu hồng, CLB Thủ lĩnh trẻ đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đoàn và các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao triển khai hằng năm được báo cáo đầy đủ trong kế hoạch, chương trình công tác Đoàn và phong trào TN hằng năm [H6.6.2.6]. Trường đã có sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, ... đủ điều kiện học tập và thi đấu thể dục thể thao cho người học có môi trường học tập và rèn luyện thể chất tốt. Ngoài ra, Trường còn có 02 Hội trường lớn sức chứa khoảng 650 người với trang thiết bị âm thanh, ánh sáng hiện đại rất phù hợp cho việc tập luyện và hội diễn văn nghệ cũng như các hoạt động khác của Trường [H6.6.2.7].

Trong công tác đảm bảo an ninh trường học, Trường đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm đảm bảo an ninh, trật tự an toàn trong phạm vi khuôn viên Trường. Phối hợp với các cấp triển khai công tác đảm bảo ANTT, an toàn xã hội trong Trường, thành lập Ban Chỉ đạo cơ quan an toàn về ANTT và đã ký kết quy chế phối hợp giữa Trường ĐHTĐ và công an Thành phố Cần Thơ. Đặc biệt, để tăng cường đảm bảo công tác ANTT, Trường đã lắp đặt hệ thống camera theo dõi trong toàn khuôn viên Trường [H6.6.2.8]. Trường cũng đã thành lập tổ phòng cháy và chữa cháy cơ sở, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho toàn bộ thành viên tổ, trang bị đầy đủ CSVC phục vụ công tác PCCC. Ngoài ra, việc an toàn vệ sinh thực phẩm cũng được Nhà trường quan tâm [H6.6.2.9, H6.6.2.10].

2. Điểm mạnh

Các quy định về chính sách xã hội cho người học được phổ biến công khai và rõ ràng; người học được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định và an tâm học tập trong khuôn viên Trường cũng như tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao,

3. Tồn tại

Vẫn còn SV chưa quan tâm đúng mức về quyền lợi và nghĩa vụ trong công tác chăm sóc sức khỏe, an toàn và ANTT tại Trường.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ tháng 01/2018, Phòng CTCT&QLSV tăng cường phổ biến thông tin về chăm sóc sức khỏe, TỠ Y tế, an toàn và ANTT của Trường đến từng người học trong tuần sinh hoạt công dân HSSV hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Việc giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học luôn được thực hiện thường xuyên và định kỳ. Trong tuần lễ công dân, các nội dung liên quan đến rèn luyện chính trị - tư tưởng, đạo đức lối sống là nội dung cơ bản, được báo cáo, truyền đạt đến toàn thể người học [H6.6.1.3, H6.6.1.7, H6.6.3.1]. Công tác tuyên truyền cũng được nhân rộng thông qua các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tình nguyện hè, tổ chức nói chuyện về thời sự, kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và thế giới... Các hình thức cổ động, tuyên truyền các sự kiện chính trị, văn hóa, các ngày lễ lớn của đất nước được thực hiện dưới nhiều hình thức: băng rôn, trên trang thông tin điện tử... công tác tuyên truyền, giáo dục được đổi mới phù hợp với điều kiện, thời gian học tập của người học như: Cuộc thi kể chuyện về tấm gương đạo đức của Bác, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HCM được sân khấu hóa, hội thi hằng năm có thưởng; cuộc thi “Tuyên truyền ca khúc cách mạng và tổ chức cuộc thi Liên hoan ca khúc cách mạng...” thu hút đông đảo HSSV của các bậc và hệ đào tạo tham gia [H6.6.2.6, H6.6.3.2].

Việc triển khai công tác đánh giá rèn luyện đối với tất cả các HSSV của các bậc và hệ đào tạo trong từng học kỳ, năm học được tiến hành theo đúng quy định, tạo điều kiện đánh giá, xếp loại rèn luyện người học một cách toàn diện, công bằng, phản ánh đúng thực trạng quá trình phấn đấu, rèn luyện, tỷ lệ người học đạt loại khá trở lên khá cao, chiếm tỷ lệ trung bình các năm trên 80% [H6.6.3.3].

Công tác khen thưởng - kỷ luật được Trường quan tâm, xem xét thường niên. Việc khen thưởng người học có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, cũng như xử lý kỷ luật người học vi phạm nội quy, quy chế của Trường như gian lận trong thi cử... kịp thời và nghiêm khắc giúp người học luôn có ý thức học tập và rèn luyện tốt, ngăn ngừa, hạn chế các trường hợp vi phạm kỷ luật. Tỷ lệ người học vi phạm nội quy rất thấp, có năm không có. [H6.6.3.4, H6.6.3.5].

Với những kết quả đạt được trong công tác rèn luyện, nâng cao nhận thức chính trị - tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học, trong giai đoạn từ 2012 - 2017, Trường đã được các cơ quan, tổ chức và xã hội ghi nhận, đánh giá cao nhiều năm liền ở các cấp độ khác nhau (Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Bằng

khen TW Đoàn TNCS HCM, Bằng khen - Giấy khen UBND, Công an các cấp...) [H6.6.3.6].

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác rèn luyện đạo đức và lối sống cho người học, không ngừng tạo điều kiện cho người học tham gia các hoạt động ngoại khóa, tình nguyện hè, các buổi sinh hoạt chính trị... [H6.6.3.7].

2. Điểm mạnh

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học của Trường đã được chủ động triển khai với nhiều hình thức phong phú, thu hút nhiều người học tham gia và góp phần rất tích cực vào việc hình thành và định hướng tư tưởng, chính trị, đạo đức và lối sống cho người học. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất để người học tham gia các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống thông qua các hoạt động của Đoàn TN và Hội SV và các hoạt động khác. Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá kết quả rèn luyện của người học theo quy chế của Bộ GD&ĐT.

3. Tồn tại

Trường chưa tổ chức sinh hoạt chuyên đề giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống dành cho học viên cao học.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 01/2018, Trường xây dựng kế hoạch triển khai các buổi sinh hoạt chuyên đề giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống dành cho học viên cao học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả

Đoàn TN, Hội SV hoạt động theo quy định của Điều lệ Đoàn và Điều lệ Hội, có kế hoạch và chương trình công tác cụ thể, rõ ràng bám sát mọi hoạt động trong năm học của Nhà trường [H6.6.4.1]. Nhiều chương trình mang ý nghĩa giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, đạo đức, lối sống cho đoàn viên - là HSSV đã được Đoàn TN, Hội SV tổ chức tốt. Thông qua các chương trình hành động của Đoàn, Hội, tất cả các HSSV của các bậc và hệ đào tạo có điều kiện thể hiện tinh thần xung kích, tình nguyện vì tổ quốc, vì cộng đồng; có cơ hội tham

gia các hoạt động xã hội (tình nguyện, từ thiện, nhân đạo) từ đó nâng cao ý thức, nhận thức trách nhiệm của bản thân, xứng đáng là đội ngũ kế cận tin cậy của Đảng [H6.6.2.6].

Với chủ trương xác định công tác phát triển đảng viên trẻ là một động lực mạnh mẽ để thúc đẩy phong trào đồng thời giới thiệu cho Đảng những đoàn viên ưu tú. Hằng năm, Đoàn trường giới thiệu cho Đảng ủy xem xét cử HSSV ưu tú tham gia lớp học nhận thức về Đảng [H6.6.4.1]. Tổng số đảng viên được kết nạp do Đoàn trường giới thiệu trong giai đoạn 2012 - 2017 là 59 đồng chí [H6.6.4.2]. Hầu hết các đảng viên là HSSV đã phát huy tốt vai trò của người đảng viên trẻ trong công tác lãnh đạo phong trào, đảm bảo mọi hoạt động của đoàn viên là người học luôn theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng. Đoàn TN, Hội SV đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức chính trị, xã hội trong Nhà trường, xây dựng chương trình hành động thiết thực, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của người học, qua đó có tác dụng rất tích cực trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học. Đoàn TN, Hội SV đã thường xuyên phối hợp tổ chức những hoạt động văn hóa, văn nghệ và xã hội tình nguyện như: Cuộc thi Bí thư Chi đoàn giỏi, cuộc thi CB Đoàn - Hội giỏi, cuộc thi triển khai chỉ thị 03 và chỉ thị 05 của Bộ Chính trị, Chiến dịch TN tình nguyện hè, Hiến máu nhân đạo, ... [H6.6.2.6, H6.6.3.7].

Đảng ủy chỉ đạo Đoàn TN, Hội SV Trường đẩy mạnh công tác phát triển 06 CLB học thuật và 05 CLB sở thích cho người học, hiện nay gồm: CLB Sinh học, CLB CNTT, CLB Tiếng Anh, CLB Blouse trắng, CLB Nguồn tri thức, CLB Võ tự vệ, CLB Thông tin việc làm, CLB Nghệ thuật, CLB Sứ giả xanh, CLB Giọt máu hồng, CLB Thủ lĩnh trẻ đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đoàn; hệ thống CLB tổ chức nhiều chương trình trong và ngoài Trường, thu hút hàng nghìn người học tham gia sinh hoạt và học tập [H6.6.4.4]; Ngoài ra, người học còn tích cực tham gia và đạt giải cao trong các cuộc thi cấp toàn quốc, thành phố. Các CLB đã tổ chức nhiều hoạt động và sân chơi bổ ích góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào đời sống của đoàn viên TN; giữ gìn CSVC, giữ gìn vệ sinh lớp học, khu vệ sinh, ... Với sự nỗ lực và thành tích đạt được trong công tác Đảng, đoàn thể của Trường cho thấy có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng đạo đức và lối sống cho người học [H6.6.4.5].

Công tác Đảng, Đoàn TN, Hội SV đạt được những thành tích nổi bật là nhờ được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo. Đặc biệt, công tác phát triển Đảng viên

trong người học, số lượng người học được vào Đảng hằng năm liên tục tăng [H6.6.4.6].

2. Điểm mạnh

Công tác Đảng, đoàn thể của Trường đã quan tâm và có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học. Công tác phát triển Đảng trong người học được chú trọng. Số lượng người học được vào Đảng hằng năm liên tục tăng. Đảng ủy luôn chỉ đạo sát sao và góp ý các kế hoạch, chương trình công tác cho Đoàn TN, Hội SV. Các tổ chức Đoàn, Hội luôn là lực lượng xung kích, tích cực triển khai các hoạt động sôi nổi trong toàn Trường. Sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng ủy và các tổ chức đoàn thể trong Trường góp phần đẩy mạnh phong trào rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học rất tốt.

3. Tồn tại

Công tác tuyên truyền giáo dục một số cơ sở Đoàn còn thiếu kịp thời như triển khai Chỉ thị 01 CT/TWĐTN ngày 17/5/2013 của Ban Thường vụ TW Đoàn về việc tăng cường rèn luyện tác phong, thực hiện lễ lối công tác của cán bộ Đoàn; một số Đoàn cơ sở chưa tận dụng được những điều kiện thuận lợi sẵn có để tổ chức các loại hình tuyên truyền giáo dục như: một số chi đoàn chưa họp lệ theo quy định. Hình thức, nội dung tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú: thông thường chỉ có văn bản triển khai, chưa có hình ảnh minh họa nên chưa thu hút người học.

Sự phối hợp giữa Đoàn trường với các phòng ban chức năng trong Nhà trường chưa thật sự đồng bộ, chưa đạt hiệu quả cao nhất.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu tháng 10/2017 cho đến những năm tiếp theo Đoàn, Hội phải phấn đấu đều đặn cho thật sự vững mạnh về mọi mặt. Mỗi đoàn viên phải là một tuyên truyền viên tích cực gần gũi động viên TN phấn đấu đứng vào hàng ngũ Đoàn TNCS HCM. Đoàn phải là nơi giáo dục rèn luyện đoàn viên - TN; cũng như kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào TN.

Tầng lớp đội ngũ cán bộ, Đoàn, Hội phải luôn năng động, có trình độ, kỹ năng nghiệp vụ và thích ứng với mọi tình huống, mọi phong trào và có uy tín

trong TN. Do đó việc quy hoạch, rèn luyện, đào tạo và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa phải được làm thường xuyên, liên tục.

Phối hợp có hiệu quả với các đơn vị chức năng trong và ngoài Trường để tranh thủ mọi nguồn lực hỗ trợ cho công tác đoàn và phong trào TN của Đoàn trường.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác Đoàn và phong trào TN tại các đơn vị trực thuộc.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.5. Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả

Trong công tác tư vấn, hỗ trợ cho người học được đội ngũ CVHT thường trực tại các khoa, bộ môn luôn sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ người học. Ngoài nhiệm vụ tư vấn, giúp người học xây dựng, điều chỉnh kế hoạch học tập, CVHT còn hướng dẫn, khuyến khích, tạo điều kiện cho người học tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, bồi dưỡng kỹ năng; các hoạt động vì cộng đồng; các hoạt động văn, thể, mỹ lành mạnh, bổ ích; tham gia phát hiện năng lực, sở trường của người học để định hướng nghề nghiệp, hỗ trợ điều kiện để phát triển năng lực, sở trường người học [H6.6.2.6]. Theo quy định (Quyết định số 730/QĐ-ĐHTĐ ngày 29/12/2014 về việc Ban hành Quy định công tác CVHT), CVHT phụ trách theo lớp khóa học, được phân công trên cơ sở giới thiệu của khoa/bộ môn và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ. Đồng thời, khoa cũng có nhiều hoạt động hỗ trợ thực tập, thực tế, thực hành của người học [H6.6.5.1, H6.6.5.2].

Trường đã nâng cấp thư viện, phòng tra cứu dữ liệu, khu vực tự học, hệ thống wifi (miễn phí) trong khuôn viên giúp người học có được những điều kiện thuận lợi cơ bản trong quá trình học tập, nghiên cứu... Ngoài ra, Nhà trường còn hướng dẫn, tư vấn cho người học sử dụng thư viện điện tử, cách thức tìm tài liệu, liên kết và tư vấn chỗ ở cho SV [H6.6.5.3, H6.6.5.4].

Trường triển khai đầy đủ các văn bản có liên quan đến chính sách tín dụng hỗ trợ học tập cho người học; 100% người học thuộc đối tượng, có đủ điều kiện được vay và có nhu cầu vay vốn được Trường tư vấn và hướng dẫn lập thủ tục cho người học ở các trình độ và loại hình đào tạo như: Trung cấp, Cao đẳng, Đại

học và Sau Đại học. Trung bình mỗi năm học, Trường đã xác nhận 3.995 lượt hồ sơ người học đề nghị vay vốn [M4, H6.6.2.1].

Hằng năm, Trường tiếp nhận nhiều chương trình học bổng tài trợ cho người học. Đồng thời, Nhà trường có thành lập Hội Khuyến học nhằm tạo nguồn học bổng cho người học có hoàn cảnh khó khăn và học lực khá, giỏi [H6.6.2.2].

Trường đã có các điều kiện cần thiết về CSVC đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể thao: Hội trường, sân bóng... tạo điều kiện cho người học tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao [H6.6.2.7].

Trung tâm HTSV&HTDN và Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - CDR&PTNNL là những đơn vị chức năng có nhiệm vụ hỗ trợ người học trong vấn đề việc làm, đào tạo kỹ năng kể từ khi thành lập cho đến nay đã thực hiện tốt vai trò của mình, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cũng như tiếp cận thị trường tuyển dụng [H6.6.5.5].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có rất nhiều các biện pháp cụ thể hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho người học cả về vật chất và tinh thần. Nhà trường tích cực đầu tư CSVC, trang thiết bị và kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ. Ngoài ra còn tích cực tìm thêm nhiều nguồn tài trợ từ bên ngoài hỗ trợ cho hoạt động này.

3. Tồn tại

Chưa có hoạt động khảo sát nhu cầu, mức độ hài lòng của người học đối với các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 01/2018 trở đi, Trường lập kế hoạch khảo sát 01 lần/năm về nhu cầu, mức độ hài lòng của người học đối với các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả

Tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống cho người học là một trong các hoạt động thường xuyên của Trường đối với người học. Hằng năm, Trường tổ

chức “Tuần sinh hoạt công dân” đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa cho tất cả HSSV chính quy và liên thông trong buổi sinh hoạt phổ biến, tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước [H6.6.1.3, H6.6.1.6]. Đồng thời, phổ biến các nội quy, quy định của Nhà trường và của Bộ GD&ĐT đến từng người học thông qua nhiều hình thức, sau khi kết thúc buổi sinh hoạt công dân HSSV trường tổ chức cho tất cả HSSV chính quy và liên thông làm bài thu hoạch gồm những nội dung có liên quan đến những nội dung trọng tâm trong tuần sinh hoạt với hai mức độ đánh giá đạt, không đạt và kết quả thống kê đạt trên 80% [H6.6.1.8, H6.6.1.9, H6.6.6.1, M5].

Phòng CTCT&QLSV tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước đến toàn thể người học. Tổ chức đưa người học về nguồn, thăm mẹ Việt Nam anh hùng, thăm các địa danh di tích lịch sử cách mạng, tạo chuyển biến và hiệu quả rõ nét trong việc học tập, nâng cao nhận thức chính trị, đạo đức, lối sống cho người học [H6.6.2.6, H6.6.3.2, H6.6.4.6, H6.6.6.1].

Đoàn TN, Hội SV thông qua các chương trình hành động đã góp phần nâng cao ý thức, nhận thức của người học trên tất cả các mặt. Các chương trình hoạt động như: Người học tham gia tuyên truyền các ngày lễ lớn, người học với biển đảo tổ quốc, thăm và tặng quà cho mẹ Việt Nam anh hùng, tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS, hiến máu nhân đạo, tuyên truyền về an toàn giao thông, thực hiện tốt quy tắc ứng xử của người học... Ngoài ra, trong chương trình giáo dục đại cương, người học còn được học môn Pháp luật đại cương giúp cho công tác tuyên truyền ngày càng tốt hơn và sâu rộng đến từng người học [H6.6.2.6, H6.6.6.1].

Đối với người học năm thứ nhất đều được cấp sổ tay người học, với các nội dung quan trọng: Quy chế liên quan đến công tác người học, quy chế đào tạo, nội quy người học, một số nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật... những quy chế, quy định này cũng được cập nhật trên trang thông tin điện tử Trường để người học dễ tiếp cận [H6.6.6.2, H6.6.6.3].

Việc đánh giá rèn luyện người học đã được Trường tiến hành theo đúng quy định, tạo điều kiện đánh giá người học một cách toàn diện trong từng học kỳ, năm học, tỷ lệ người học được xếp loại rèn luyện tốt khá cao [H6.6.3.3]. Trong công tác quản lý SV, việc khen thưởng người học tiêu biểu trong học tập,

rèn luyện cũng như kỷ luật người học vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế đã được tiến hành thường xuyên và kịp thời [H6.6.3.5, H6.6.3.6].

2. Điểm mạnh

Người học của Trường luôn chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, quy định của Nhà trường; có đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, tích cực tham gia các hoạt động phong trào.

3. Tồn tại

Các kỹ năng, nghiệp vụ về công tác tuyên truyền của một số ít HSSV còn hạn chế. Trường chưa có khảo sát, phân tích đánh giá về công tác tuyên truyền, giáo dục.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 10/2017 trở đi, Trường lập kế hoạch khảo sát 01 lần/năm về công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm đánh giá kết quả hoạt động và làm căn cứ cải tiến các hoạt động tuyên truyền, giáo dục có hiệu quả hơn. Đồng thời, Trường có chính sách bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ tình nguyện tham gia công tác tuyên truyền, giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả

Trường ĐHTĐ luôn quan tâm tới các hoạt động nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Các đơn vị như các khoa đào tạo, Phòng CTCT&QLSV, Trung tâm HTSV&HTDN và Hội cựu SV [H6.6.5.5, H6.6.7.1], Phòng QLKH&HTQT, Đoàn TN, Hội SV cùng nhau phối hợp thực hiện. Trường đã ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT để làm cơ sở đào tạo, đánh giá sau đào tạo sự phù hợp giữa việc làm của người tốt nghiệp với ngành nghề được đào tạo. Các CTĐT cũng mô tả/đề cập đến vị trí việc làm mà người tốt nghiệp chương trình từ CTĐT có thể đảm nhiệm [H6.6.7.2].

Để hỗ trợ người học tiếp cận thị trường lao động, kết nối người học với nhà tuyển dụng, Trường đã phối hợp cùng với các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng tổ chức buổi giới thiệu công ty và tuyển dụng tại Trường. Người học được

trao đổi trực tiếp nên hiệu rõ hơn hoạt động của doanh nghiệp và tìm hiểu sâu hơn về các vị trí tuyển dụng để người học có sự lựa chọn chính xác phù hợp với ngành nghề đào tạo và khả năng đáp ứng công việc, các buổi gặp gỡ với cựu SV Nhà trường để trao đổi kinh nghiệm về các kỹ năng, kiến thức giúp người học dễ dàng tìm được việc làm. Đặc biệt, hằng năm Trung tâm HTSV&HTDN, Đoàn TN, Hội cựu SV và các CLB đã tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ giúp cho người học đang học và người học tốt nghiệp có cơ hội tìm được việc làm phù hợp thông qua các hình thức như Diễn đàn SV TDU, các trang thông tin điện tử giới thiệu việc làm như: <http://hcs.tdu.edu.vn>, <http://dtn.tdu.edu.vn>, <http://hsv.tdu.edu.vn>, ngày hội việc làm và các hoạt động khác, trong đó nổi bật nhất là ngày hội tuyển dụng với một chuỗi các hoạt động như: gặp gỡ các nhà tuyển dụng và tuyển dụng tại chỗ, tọa đàm về nghề nghiệp và việc làm, cuộc thi về các kỹ năng và nghề nghiệp, ... [H6.6.7.3]. Những năm gần đây sự kiện này được diễn ra định kỳ 1 năm một lần là cơ hội để tất cả SV khối ngành kinh tế, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên từ năm thứ nhất đến năm cuối khóa tìm hiểu và cọ xát với thị trường việc làm. BGH đã xây dựng kế hoạch tổng thể cho toàn Trường trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng khoa, phòng, các tổ chức đoàn thể cùng phối hợp triển khai thực hiện nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ: Tổ chức, quản lý hiệu quả việc đưa SV đi thực tập và giám sát chất lượng thực tập; tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức trong việc hỗ trợ SV trang bị kỹ năng làm việc, nhận SV thực tập, tuyển dụng... Trường đã tổ chức các buổi tham quan, đi thực tế cho người học tại các công ty, ngân hàng như [H6.6.7.4]: Ngân hàng Sacombank, Eximbank, HDBank, Công ty Pepsico Suntory... Bên cạnh đó, GV các môn chuyên ngành đều mời Báo cáo viên là lãnh đạo của các doanh nghiệp, tổ chức tài chính tham gia báo cáo chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm, giải quyết tình huống nhằm cập nhật, bổ sung kiến thức thực tế cho người học. Trung tâm HTSV&HTDN thường xuyên cung cấp thông tin tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp, ngân hàng trên trang thông tin điện tử của Trung tâm, fanpage của Đoàn TN, Hội SV hoặc gửi email trực tiếp đến Ban cán sự lớp, người học [H6.6.7.5].

Từ năm học 2015 - 2016 và 2016 - 2017, Trường đã tiến hành khảo sát tình trạng việc làm của người học tốt nghiệp, đánh giá về mức độ phù hợp của việc làm so với ngành nghề đào tạo có chiều hướng tăng dần. Qua đó, Trường nắm được tình hình việc làm của cựu SV để có biện pháp điều chỉnh kịp thời các kỹ

năng cần thiết và tăng cường các hoạt động hỗ trợ người tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp ngành nghề hơn [H6.6.7.6].

2. Điểm mạnh

Trường đã chủ động, tích cực và có rất nhiều các hoạt động hỗ trợ người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. HĐQT, Đảng ủy, BGH xác định đây là nhiệm vụ quan trọng của Trường và đã chỉ đạo các đơn vị trong Trường triển khai chương trình công tác “Tăng cường kỹ năng thực hành và hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế”. Đoàn TN, các CLB SV đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm giúp SV tiếp cận với thông tin và có kiến thức cũng như trải nghiệm về các ngành nghề trên thị trường việc làm, có thông tin việc làm.

3. Tồn tại

Hoạt động liên kết với doanh nghiệp chưa thật sự lớn mạnh nên các ngành nghề giới thiệu việc làm cho người tốt nghiệp chưa phong phú, đa dạng ngành nghề.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian từ tháng 10/2017 đến 10/2018, Trường sẽ chủ động tăng cường các hoạt động liên kết với doanh nghiệp thông qua công tác tuyển sinh, hội thảo, tọa đàm, ngày hội việc làm...

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả

Ngoài kiến thức chuyên môn, trong quá trình học tập tại Trường, người học còn được tạo nhiều điều kiện thuận lợi để tham gia vào các hoạt động nhằm tăng khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp như: Ngày hội việc làm, tổ chức các buổi tọa đàm... [H6.6.7.3]. Nhà trường quy định về chuẩn đầu ra và kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với từng ngành nghề được đào tạo tại Trường để giúp cho người học có nhiều cơ hội tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp [H6.6.1.5]. Nhà trường cũng đã thành lập Trung tâm HTSV&HTDN là địa chỉ hỗ trợ trong học tập, đời sống, hợp tác với doanh nghiệp, tạo cơ hội việc làm cho người học [H6.6.7.1].

Để tìm hiểu tình hình người học ra trường có việc làm, Nhà trường vẫn luôn giữ mối liên lạc và tổ chức gặp gỡ với những người học đã tốt nghiệp thông qua đơn vị chức năng là Hội cựu SV [H6.6.8.1] và khảo sát SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm hàng năm thông qua hệ thống khảo sát trực tuyến https://docs.google.com/forms/d/1M4syVK52HI5WkCm63Vd4NbNvUEP998WnQGkPVnDL8mU/viewform?edit_requested=true.

Năm 2016, Trường tiến hành khảo sát tình trạng việc làm của người học bằng nhiều hình thức khác nhau (trực tuyến, gọi điện thoại trực tiếp, gửi qua email, mạng xã hội). Kết quả khảo sát tình trạng việc làm đối với SV khóa 6 (2011 - 2015) cho thấy trong tổng số 1.232 cựu SV tham gia trả lời khảo sát, trong đó bao gồm 502 SV nam chiếm 40,7% và 730 SV nữ chiếm 59,3%; tỷ lệ SV có việc làm sau 12 tháng là 999 SV đạt trên 80%, tỷ lệ SV tốt nghiệp đang học nâng cao chiếm 1,6%. Bên cạnh đó, lĩnh vực làm việc của SV sau khi tốt nghiệp bao gồm: Lĩnh vực Nhà nước, lĩnh vực tư nhân, liên doanh nước ngoài với tỷ lệ % theo thứ tự 5,1% - 91,9% - 1,7%.

Về khả năng tự tạo việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, các cuộc khảo sát cựu SV khóa 6 cho thấy có 1,3% SV tự tạo việc làm.

Tiếp tục việc khảo sát trong năm 2017 có 216 SV tốt nghiệp tham gia khảo sát cho thấy tỷ lệ SV có việc làm sau 12 tháng chiếm tỷ lệ trên 80%, trong đó có 53,3% SV làm việc đúng chuyên ngành đào tạo và chưa đúng chuyên ngành là 46,7%. SV làm việc không đúng chuyên ngành nguyên nhân chủ yếu là tốt nghiệp ngành gần, ngành cùng khối hoặc một số kiến thức của ngành tốt nghiệp có thể đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng, ... Để khắc phục hiện trạng trên Nhà trường tăng cường đào tạo thêm kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, năng lực ngoại ngữ và hoạt động xã hội cho người học. Bên cạnh, TT.HTSV&HTDN phối hợp với đoàn thể sẽ tăng cường, mở rộng hơn nữa các mối liên hệ với nhà tuyển dụng nhằm giúp SV có nhiều cơ hội lựa chọn việc làm phù chuyên ngành tốt nghiệp [H6.6.8.3, H6.6.8.4, H6.6.8.5, H6.6.8.6].

2. Điểm mạnh

Trường có bộ phận chịu trách nhiệm liên lạc và quản lý các số liệu về người học đã tốt nghiệp. Các đơn vị trong Trường đã có nhiều hoạt động hỗ trợ giúp đỡ SV có được việc làm. Hội cựu SV có những hoạt động giúp đỡ SV tốt

nghiệp tìm việc làm và tự tạo việc làm. Tỷ lệ SV có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp luôn đạt mức cao.

3. Tồn tại

Trường chưa có đơn vị chuyên trách về hoạt động khởi nghiệp của người học để giúp tăng tỷ lệ người học tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 8/2017 đến 8/2018, Trường sẽ thành lập đơn vị chuyên trách hoạt động hỗ trợ người học tự tạo việc làm, hỗ trợ người học khởi nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.9 Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Trường đã ban hành quy định về người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc học phần, chất lượng đào tạo của Trường trước khi tốt nghiệp; xây dựng các quy trình về xử lý số liệu, báo cáo, phản hồi kết quả đánh giá và các hoạt động sau đánh giá [H6.6.9.1].

Từ học kỳ 2 năm học 2008 - 2009, Trường tổ chức và thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc học phần định kỳ 02 lần/01 năm học và từ năm 2016, Trường đã tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo ở tất cả các khoa/bộ môn của Trường định kỳ 01 lần/01 năm học [H6.6.9.2].

Đối với đánh giá chất lượng giảng dạy của GV: trước khi kết thúc học kỳ 02 tuần, HSSV và HV nhận được thông báo thời gian thực hiện khảo sát, đánh giá chất lượng giảng dạy của GV. Sau khi kết thúc thời gian khảo sát, TT.KT&ĐBCLGD thống kê kết quả và lập báo cáo BGH và các khoa/bộ môn trong toàn Trường để biết chất lượng giảng dạy của GV và kết quả đánh giá là một tiêu chí để đánh giá năng lực và xếp loại của GV [H6.6.9.3, H6.6.9.4].

Đối với đánh giá chất lượng đào tạo: vào cuối khóa học, HSSV nhận được kế hoạch thời gian thực hiện khảo sát, đánh giá chất lượng đào tạo. Sau khi kết thúc thời gian khảo sát, Phòng Đào tạo thống kê kết quả và lập báo cáo BGH và các khoa/bộ môn để xem xét, điều chỉnh và cải tiến hoạt động đào tạo của

Nhà trường [H6.6.9.5, H3.3.2.4].

Kết quả khảo sát người học hằng năm và người học đã tốt nghiệp là kênh tham khảo quan trọng để Trường nghiên cứu, xem xét đổi mới, cải tiến, chỉnh lý, bổ sung CTĐT phù hợp với thực tiễn đáp ứng nhu cầu người học; GV đổi mới, cải tiến phương pháp, chất lượng giảng dạy trong các cuộc họp của Hội đồng KH&ĐT của Nhà trường [H6.6.9.6, H6.6.9.7].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có hệ thống khảo sát trực tuyến nên việc tổ chức hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của GV được nhanh chóng, thuận tiện và đạt hiệu quả cao.

3. Tồn tại

Trường chưa triển khai cho SV liên thông, đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, chất lượng đào tạo của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ học kỳ 1 năm học 2017 - 2018, Nhà trường sẽ triển khai mở rộng phạm vi đối tượng khảo sát SV liên thông.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Nhà trường đã có những biện pháp cụ thể giúp người học hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Trường luôn đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả nhằm hỗ trợ người học về chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe và đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn nghệ - thể dục thể thao. Người học trường năng động, sáng tạo, tích cực tham gia và đã đạt nhiều thành tích trong học tập và các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao, ...

Công tác Đảng, đoàn thể của Nhà trường có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học, góp phần rất tích cực vào việc hình thành và định hướng tư tưởng, chính trị, đạo đức và lối sống của người học. Đặc biệt, Đoàn TN, Hội SV của Nhà trường đã triển khai với nhiều hình thức phong phú, thu hút được nhiều SV tham gia. Nhà trường đã có rất nhiều các biện pháp cụ thể đem lại hiệu quả trong việc hỗ trợ học tập và sinh

hoạt cho người học; đa dạng các kênh tư vấn hướng nghiệp, các hoạt động rèn luyện các kỹ năng; hỗ trợ người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc học phần, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Trường trước khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, Trường chưa tổ chức hoạt động khởi nghiệp của SV để góp phần tăng tỷ lệ SV tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9

Tiêu chuẩn 7

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Mở đầu

Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030 trở thành trường ĐH tư thực đa ngành hàng đầu ở khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu và ứng dụng phục vụ cộng đồng. Chính vì vậy, Trường luôn chú trọng tới hoạt động NCKH, xây dựng và triển khai kế hoạch NCKH trên cơ sở sứ mạng, tầm nhìn và định hướng phát triển của Trường. Kế hoạch NCKH được xây dựng hằng năm, bổ sung theo điều kiện thực tế và được thực hiện dưới sự lãnh đạo của Hội đồng KH&ĐT của Trường.

Nhà trường có cơ chế khen thưởng bằng tài chính với các hoạt động NCKH có kết quả tốt như bài báo quốc tế, bài báo trong nước, hỗ trợ tác giả xuất bản giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo.

Hoạt động NCKH được triển khai dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú như thực hiện đề tài NCKH các cấp, tổ chức hội thảo khoa học, viết sách chuyên khảo, bài báo đăng trên tạp chí khoa học. Các đề tài cấp quận/huyện, tỉnh/thành phố và các bài báo khoa học được xuất bản trong nước và quốc tế có xu hướng gia tăng. Các đề tài với các địa phương đều có những kiến nghị, đóng góp trực tiếp cho việc xây dựng chính sách của Nhà nước, phát triển KT - XH của địa phương. Các sản phẩm công bố có xu hướng tăng và đa dạng như xuất bản giáo trình, sách tham khảo/chuyên khảo, tạp chí, tham luận Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Mạng lưới liên kết, hợp tác của Nhà trường với các tổ chức, cá nhân nhà khoa học trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng và diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Nhờ đó, trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu của GV được nâng cao, uy tín của Nhà trường được khẳng định trong xã hội.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Dựa trên những quy định của Luật Giáo dục ĐH, điều lệ, các quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Khoa học và Công nghệ, Trường ĐHTĐ ban hành chiến lược

phát triển Trường đến năm 2030, trong đó đã nhấn mạnh đến mục tiêu đưa Trường ĐHTĐ trở thành một trường ĐH đào tạo chất lượng cao và nâng cao năng lực nghiên cứu của CBQL, GV và NV [H2.2.6.1]. Trên cơ sở chiến lược phát triển, Trường xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động NCKH theo định kỳ 5 năm phù hợp với sứ mạng của Nhà trường [H7.7.1.1, H7.7.1.2]. Phòng QLKH&HTQT có nhiệm vụ tham mưu cho BGH và Hội đồng KH&ĐT trong việc xây dựng định hướng nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực [H7.7.1.3, H2.2.6.1]. Căn cứ quy định về quản lý hoạt động NCKH, hằng năm Nhà trường có kế hoạch NCKH dành cho CBQL, GV và NV [H7.7.7.1, H7.7.1.4]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có thông báo về việc thực hiện đề tài NCKH cấp trường đến tất cả CBQL, GV và NV [H7.7.1.5].

Trường đã ban hành các quyết định phê duyệt danh mục đề tài NCKH cấp trường, ký hợp đồng NCKH cấp trường đối với các chủ nhiệm đề tài [H7.7.1.6]. Đối với các đề tài cấp trường, Hội đồng KH&ĐT của Trường xét chọn các đề tài NCKH, tổ chức Hội đồng góp ý đề cương nghiên cứu, đảm bảo các đề tài được chọn thực hiện một cách khoa học, cấp thiết và phù hợp với chiến lược phát triển của Trường [H7.7.1.7]. Nhằm đa dạng hóa lĩnh vực nghiên cứu và cung cấp nhiều cơ hội cho CBQL, GV và NV tham gia NCKH, Nhà trường thường xuyên cập nhật thông báo tiếp nhận đề xuất đề tài NCKH của các cơ quan, tổ chức ở các địa phương trên trang thông tin điện tử Phòng QLKH&HTQT để thông báo và hỗ trợ các nhà khoa học tham gia đề xuất và đấu thầu đề tài NCKH [H7.7.1.8]. Hằng năm, Nhà trường tổng kết hoạt động NCKH nhằm tổng kết kết quả NCKH đạt được và xây dựng kế hoạch NCKH cho năm học tiếp theo dựa trên kế hoạch chiến lược NCKH giai đoạn 2012 - 2017 [H7.7.1.9, H7.7.1.2]. Sau 5 năm, Nhà trường tổng kết hoạt động NCKH và xây dựng định hướng chiến lược cho giai đoạn 5 năm tiếp theo [H7.7.1.10]. Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của CBQL, GV và NV Nhà trường có sự điều chỉnh kinh phí cho hoạt động NCKH cấp trường để phù hợp theo từng giai đoạn [H7.7.1.11].

Bảng 7.1: Số lượng đề tài NCKH cấp trường, cấp tỉnh đã triển khai trong 5 năm qua

Năm	Đề tài cấp trường, cấp tỉnh
2012 - 2013	5
2013 - 2014	5
2014 - 2015	10
2015 - 2016	12

Năm	Đề tài cấp trường, cấp tỉnh
2016 - 2017	5
Tổng	37

Trong 5 năm qua, với tổng số 37 đề tài gồm đề tài cấp trường và đề tài cấp tỉnh, thành phố (Bảng 7.1) và nhiều đề tài hợp tác nghiên cứu ngoài Trường (có một đề tài HTQT) mà GV của Trường đã chủ trì và tham gia đều theo định hướng kế hoạch NCKH của Trường, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường. Các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực dược liệu, sinh học, thủy sản, nông nghiệp, kỹ thuật điện tử, kinh tế, tài chính, giáo dục, quản lý... với sự hỗ trợ tài chính của Trường cho các đề tài nghiên cứu và một số đề tài cấp tỉnh, đề tài hợp tác với các Viện, Trường, 17 bài báo được xuất bản trong các tạp chí khoa học quốc tế và 119 bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước. Trong NCKH của Trường, sự hợp tác nghiên cứu của GV với các Viện, Trường là rất quan trọng, với tổng số 43 đề tài qua tham gia thực hiện nghiên cứu, hướng dẫn luận văn Thạc sĩ, luận án Tiến sĩ (Bảng 7.2).

Bảng 7.2: Số lượng đề tài NCKH của GV hợp tác với các Viện, Trường trong 5 năm qua

Năm	Đề tài hợp tác
2012 - 2013	10
2013 - 2014	10
2014 - 2015	9
2015 - 2016	10
2016 - 2017	4
Tổng	43

Kết quả nghiên cứu trong 5 năm qua đã từng bước góp phần thực hiện sứ mạng của Trường là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, có khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH vùng ĐBSCL. Các kết quả nghiên cứu được công bố như sau: Trong lĩnh vực dược (Khoa Dược và Điều dưỡng), những kết quả nghiên cứu về ly trích hoạt chất, tạo sản phẩm thảo dược và thực phẩm chức năng trong cải thiện sức khỏe và chất lượng môi trường sống. Kết quả này cung cấp số liệu khoa học cơ bản cho việc ứng dụng sản xuất các thảo dược và thực phẩm chức năng trong nước.

Các lĩnh vực đã nghiên cứu thực hiện đúng hướng mà tầm nhìn đến năm

2030, Trường ĐHTĐ phấn đấu trở thành trường ĐH tư thục đa ngành hàng đầu ở khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu và ứng dụng phục vụ cộng đồng. Các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực sinh học ứng dụng và các nghiên cứu về cải thiện chất lượng đất, mô hình canh tác thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng ven biển đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, môi trường, phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và thích nghi với biến đổi khí hậu qua tác động của xâm nhập mặn. Các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế (Khoa QTKD và Khoa Kế toán - Tài chính - Ngân hàng) như giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong vùng đã góp phần trong việc thúc đẩy phát triển KT - XH của khu vực ĐBSCL.

2. Điểm mạnh

Hoạt động xây dựng và triển khai kế hoạch NCKH phù hợp với sứ mạng của Trường, được thực hiện dưới sự chủ trì của Hội đồng KH&ĐT và luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ kinh phí của Nhà trường. Nhà trường có đơn vị chuyên trách là Phòng QLKH&HTQT thực hiện việc xây dựng và triển khai kế hoạch NCKH. Các hoạt động NCKH được diễn ra đa dạng, phù hợp với định hướng phát triển Nhà trường. Một số GV đầu đàn thực hiện nhiều đề tài NCKH hợp tác với các Viện, Trường đạt kết quả tốt trong đào tạo và ứng dụng vào thực tiễn. Tạp chí NCKH và Phát triển kinh tế của Trường xuất bản số đầu tiên năm 2017, tiếp tục xuất bản, đăng tải kết quả NCKH trong và ngoài Trường, góp phần chuyển giao kết quả nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm và tăng cường chất lượng trong đào tạo.

3. Tồn tại

Hoạt động NCKH chưa đồng đều, còn yếu ở một số lĩnh vực như giáo dục, văn học, ngoại ngữ, tin học điện tử. Đội ngũ GV trẻ chưa nhiều kinh nghiệm tham gia NCKH; chưa có nhiều đề tài NCKH cấp tỉnh, cấp bộ. Ngân sách đầu tư cho NCKH của một trường ĐH tư thục còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 - 2018, Trường khuyến khích GV, SV tham gia NCKH. Trong quý 3, từ tháng 11/2017, Trường thay đổi quy định chi tiêu nội bộ về hoạt động NCKH. Tăng kinh phí hoạt động cho đề tài NCKH, tăng giờ chuẩn quy định cho bài báo xuất bản trên Tạp chí khoa học của Trường. Trong tháng

12/2017, Phòng QLKH&HTQT tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề hỗ trợ GV trẻ xây dựng đề cương, thuyết minh cho các đề tài NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả

Hàng năm, trên cơ sở Kế hoạch hoạt động NCKH, Trường đã tổ chức tuyển chọn những đề tài phù hợp, tổ chức Hội đồng góp ý đề cương nghiên cứu, tiến hành ký hợp đồng thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch. Việc quản lý hoạt động NCKH của mỗi GV đã được quy định cụ thể qua định mức giờ chuẩn NCKH trong Quy chế tài chính và quản lý tài sản Trường ĐHTĐ và các văn bản sửa đổi, bổ sung [H10.10.1.10] và Quy định về quản lý công tác chuyên môn đối với CBQL, GV và NV giảng dạy Trường ĐHTĐ [H7.7.2.1].

Trong giai đoạn 2012 - 2017, Nhà trường có các đề tài, dự án được thực hiện theo kế hoạch, cụ thể đã chủ trì thực hiện 37 đề tài, trong đó có 02 đề tài cấp tỉnh, 04 đề tài cấp quận (Bảng 7.3) [H7.7.2.2].

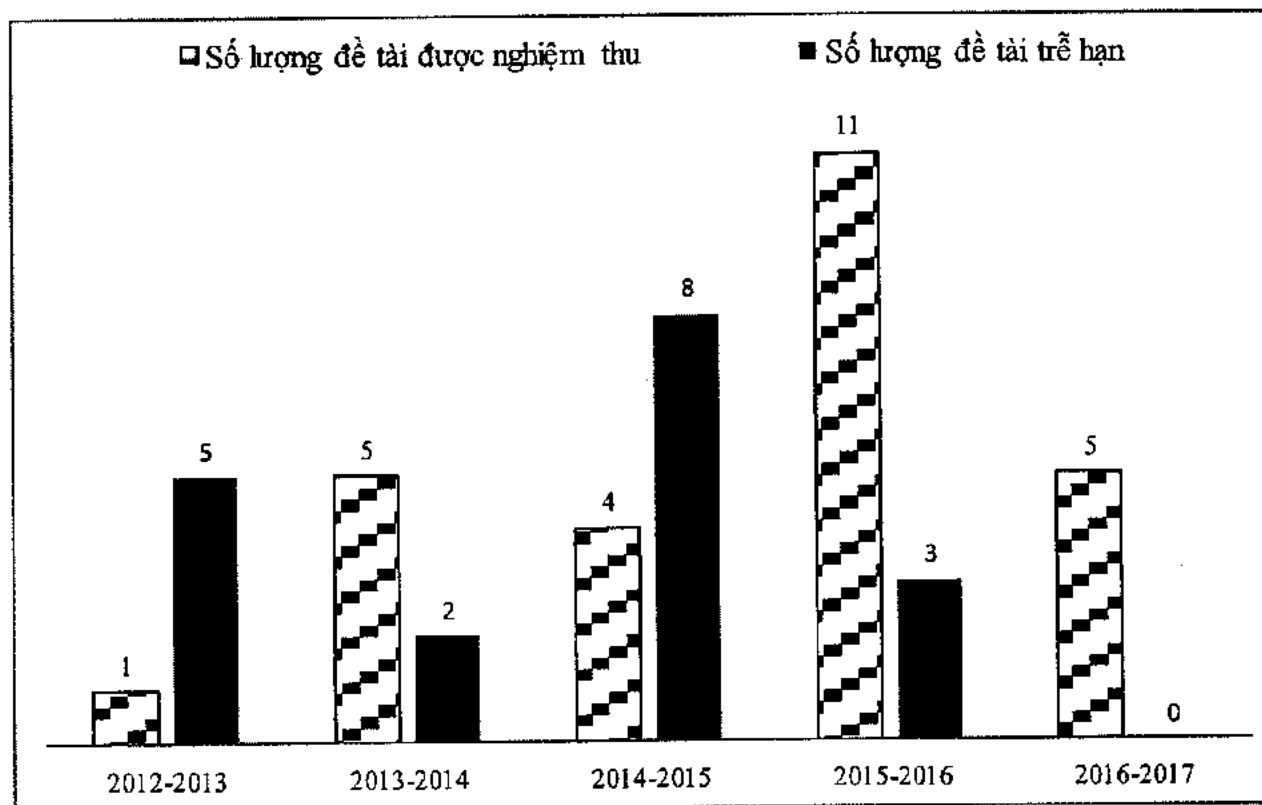
Bảng 7.3: Chỉ số đề tài/GV thực hiện trong 5 năm qua

Năm	Đề tài NCKH	Chỉ số đề tài/GV thực hiện
2012 - 2013	5	0,008
2013 - 2014	5	0,008
2014 - 2015	10	0,016
2015 - 2016	12	0,02
2016 - 2017	5	0,008
Tổng	37	0,06

Đối với các đề tài NCKH cấp trường, trên cơ sở danh mục đề tài được phê duyệt, Trường thành lập Hội đồng góp ý đề cương nghiên cứu gồm các chuyên gia trong và ngoài Trường; BGH ký hợp đồng với các chủ nhiệm đề tài NCKH cấp trường, việc quản lý thực hiện đề tài được quy định rõ trong hợp đồng giữa Nhà trường và chủ nhiệm đề tài [H7.7.2.3].

Các đề tài NCKH các cấp được nghiệm thu, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu và sản phẩm đề ra [H7.7.2.4]. Tuy nhiên, vẫn còn một số đề tài NCKH còn chậm tiến độ do nhiều nguyên nhân khách quan nên phải thực hiện thủ tục xin gia hạn thời gian thực hiện và được BGH phê duyệt [H7.7.2.5]. Vấn đề trễ hạn đề tài do

một số yếu tố khách quan như: có GV phải nghỉ hộ sản, có GV chậm kế hoạch do tình trạng sức khỏe và cũng do GV bận rộn nhiều trong kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác giảng dạy, hướng dẫn SV trong thực hiện tiểu luận, khóa luận, thực hiện các chuyến thực tập giáo trình. Để hạn chế tình trạng này, Nhà trường tiến hành kiểm tra tiến độ định kỳ mỗi 06 tháng 01 lần, tìm hiểu nguyên nhân chậm tiến độ, góp ý nhóm nghiên cứu cần hỗ trợ nhau thực hiện đề tài và nhắc nhở về biện pháp xử lý được quy định trong Quy định về quản lý hoạt động NCKH cấp trường [H7.7.2.6, H7.7.7.1]. Từ năm 2015, số lượng đề tài trễ hạn đã giảm và có thể giảm tiếp trong những năm sau (Hình 7.1).



Hình 7.1: Tình hình thực hiện đề tài cấp trường, trong 5 năm qua

2. Điểm mạnh

Quy trình nghiệm thu đề tài được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ nguyên tắc và quy trình của các cấp quản lý.

3. Tồn tại

Còn một số đề tài trễ hạn do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 - 2018, Nhà trường tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm hạn chế số lượng đề tài trễ hạn qua định kỳ kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài. Tháng 12/2017, Phòng QLKH&HTQT tổ chức buổi báo cáo chuyên đề về

sự hợp tác trong nghiên cứu, giúp tăng sức mạnh tổng hợp, tăng khả năng hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Định mức giờ chuẩn NCKH (bao gồm viết bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo khoa học) được quy định cụ thể trong Quy chế tài chính và quản lý tài sản Trường ĐHTĐ phù hợp với định hướng phát triển thành một trường ĐH kết hợp giữa đào tạo và NCKH [H10.10.1.10].

Trong giai đoạn 2012 - 2017, CBQL, GV và NV Nhà trường đã công bố 136 bài báo, trong đó có 119 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và 17 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành nước quốc tế; 115 bài báo cáo được đăng trong Kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước và 11 bài đăng trong Kỷ yếu hội thảo quốc tế (Bảng 7.4). Từ năm 2015, Nhà trường khuyến khích chủ nhiệm đề tài công bố kết quả các đề tài NCKH trên các tạp chí chuyên ngành và cũng là một tiêu chí đánh giá nghiệm thu đề tài. Các đề tài NCKH đều có cam kết về sản phẩm của đề tài bao gồm: sản phẩm khoa học, sản phẩm đào tạo, sản phẩm ứng dụng. Sản phẩm công bố là một tiêu chí để đánh giá nghiệm thu các đề tài [H7.7.7.1]. Do đó, số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước tương ứng với các đề tài NCKH [H7.7.3.1, H7.7.3.2, H7.7.3.3]. Các đề tài NCKH được triển khai đa dạng về nội dung, phù hợp với định hướng nghiên cứu và ứng dụng của Nhà trường [H7.7.3.2]. Bên cạnh bài báo xuất bản, GV có nhiều kinh nghiệm đã xuất bản sách chuyên khảo (như sách Quản lý độ phì nhiêu đất và hiệu quả sử dụng phân bón ở ĐBSCL; Sổ tay sản xuất phân hữu cơ sinh học bón cho rau, màu và cây ăn trái đạt năng suất và chất lượng cao)

Tuy nhiên, với số lượng GV rất đông, 612 GV thì chỉ số bài báo quốc tế và trong nước trên mỗi GV là rất thấp (Bảng 7.5) trong từng năm và trong 5 năm. Kết quả về NCKH còn rất khiêm tốn. Nguyên nhân quan trọng là kinh phí NCKH hạn chế, kinh phí chỉ được hỗ trợ từ trường, là trường ĐH tư thục, không có sự hỗ trợ kinh phí nghiên cứu từ Bộ GD&ĐT như các trường công lập. Mặt

khác, đa số GV của Trường là GV trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm và thành tích trong NCKH, vì thế khó được chấp nhận và được mời thực hiện đề tài cấp tỉnh. Vì thế, ít đề tài nghiên cứu đưa đến việc hạn chế bài đăng trên các Tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Giải pháp đã được thực hiện là Trường yêu cầu GV phải đủ giờ chuẩn giảng dạy trong đó có giờ NCKH thể hiện qua đề tài nghiên cứu và bài báo khoa học. Tạp chí khoa học của Trường được phép xuất bản từ năm 2017 cũng góp phần cho giải pháp.

Bảng 7.4: Số lượng bài báo được xuất bản trong 5 năm qua

Năm	Bài báo đăng tạp chí trong nước	Bài báo khoa học tạp chí quốc tế	Kỷ yếu Hội thảo khoa học	
			Trong nước	Quốc tế
2012 - 2013	19	-	7	1
2013 - 2014	16	-	21	1
2014 - 2015	25	-	9	2
2015 - 2016	15	9	69	5
2016 - 2017	44	8	9	2
Tổng	119	17	115	11

Bảng 7.5: Chỉ số bài báo trong nước và bài báo quốc tế trên GV được xuất bản trong 5 năm qua

Năm	Bài báo trong nước/GV	Bài báo quốc tế/GV
2012 - 2013	0,031	-
2013 - 2014	0,026	-
2014 - 2015	0,041	-
2015 - 2016	0,025	0,015
2016 - 2017	0,072	0,013
Tổng	0,195	0,028

2. Điểm mạnh

Chất lượng các bài báo công bố trên tạp chí khoa học trong nước được nâng cao. Số lượng CBQL, GV và NV tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế có xu hướng tăng.

3. Tồn tại

Số lượng GV tham gia đăng bài báo trên các tạp chí trong và ngoài nước còn rất thấp. Chưa đồng đều giữa các Khoa và các lĩnh vực nghiên cứu. GV trẻ

chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc viết bài báo đăng tạp chí.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 12/2017, Nhà trường có những chính sách mới về kinh phí để khuyến khích GV viết bài đăng trên các tạp chí.

Tháng 3/2018, Phòng QLKH&HTQT tổ chức lớp tập huấn về phương pháp viết bài báo khoa học đạt chuẩn theo quy định chất lượng khoa học của các tạp chí trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Quy chế tài chính và quản lý tài sản của Trường có những quy định và chính sách khuyến khích người thực hiện đề tài/dự án của Trường tạo ra những sản phẩm mới đóng góp cho khoa học hoặc được ứng dụng vào thực tế đáp ứng nhu cầu cho xã hội [H10.10.1.10]. Trong giai đoạn 2012 - 2017, Trường đã chủ trì thực hiện 02 đề tài cấp tỉnh, 04 đề tài cấp quận và 31 đề tài cấp cơ sở [H7.7.4.1].

Nhà trường thực hiện nhiều đề tài NCKH theo đặt hàng của các địa phương nhằm giúp đỡ giải quyết các vấn đề thực tiễn phát triển KT - XH của địa phương [H7.7.4.1, H7.7.4.2]. Bên cạnh đó, Nhà trường có ký biên bản ghi nhớ với vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc để hợp tác thực hiện đề tài NCKH [H7.7.4.3]. Một số đề tài được tiếp nhận và xem xét ứng dụng trong thực tiễn, đóng góp vào phát triển KT - XH của các địa phương [H7.7.4.4]. Các số liệu thống kê về các đề tài được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm và 5 năm của Nhà trường [H7.7.1.9, H7.7.1.10].

Năm 2017, Tạp chí NCKH và Phát triển kinh tế của Trường được cấp phép hoạt động, xuất bản số đầu tiên với 18 bài báo khoa học, được phản biện đạt chuẩn khoa học. Đây là yếu tố quan trọng hỗ trợ công tác NCKH của Trường [H7.7.4.5].

Các kết quả NCKH được công bố qua tạp chí khoa học, Hội thảo khoa học trong và ngoài nước, hội thảo đầu bờ, lớp tập huấn kỹ thuật là những đóng góp

mới cho khoa học và ứng dụng vào thực tế góp phần giải quyết các khó khăn trong đời sống xã hội và phát triển kinh tế trong vùng ĐBSCL và cả nước. Các kết quả nghiên cứu được công bố như sau:

- Trong lĩnh vực dược (Khoa Dược và Điều dưỡng), những kết quả nghiên cứu về ly trích hoạt chất, tạo sản phẩm thảo dược và thực phẩm chức năng trong cải thiện sức khỏe và chất lượng môi trường sống. Cụ thể như các nghiên cứu thành công về phát triển sâm Việt Nam (sâm Ngọc linh, Đảng sâm, sâm Bồ chính), nghiên cứu về các hoạt chất dược và hoạt tính chống oxy hóa của nhiều loại thảo dược như Chùm Ngây, Diếp cá, Rau om, lá Ôi, nghiên cứu hoạt chất dược trong các cây thuốc Thượng (tác động gây độc tế bào ung thư), cây Tơ xanh, cây Bảy lá một hoa, rễ cây Ba kích, cây Thông đỏ Lâm Đồng, cây Lan kim tuyến, thành phần hóa học và sản xuất thực phẩm chức năng viên nang, trà từ cây Đinh lăng lá nhỏ, cao chiết và viên nang Đảng sâm. Tổng số kết quả nghiên cứu dược thể hiện cụ thể qua công bố khoa học là 2 bài báo quốc tế và 20 bài báo trong nước. Kết quả này cung cấp số liệu khoa học cơ bản cho việc ứng dụng sản xuất các thảo dược và thực phẩm chức năng trong nước.

- Trong lĩnh vực sinh học ứng dụng (Khoa Sinh học ứng dụng) gồm các công bố về tác động các biện pháp kỹ thuật tăng cường hiệu quả dinh dưỡng như bổ sung lượng bột đậu nành, bột gạo, phòng trị bệnh như sử dụng Diệp Hạ châu thảo dược, dịch chiết nấm Linh chi, dịch chiết Bạch hoa xà, dịch trùng Quế, vi khuẩn Lactic, và tăng trưởng của các loại thủy hải sản có giá trị kinh tế ở ĐBSCL như kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng theo quy trình Biofloc với mật độ và độ mặn khác nhau, kích thích sinh sản nhân tạo một số loài cá; xây dựng được quy trình sản xuất còn tuyệt đối phục vụ các hoạt động trong phòng thí nghiệm của Trường. Lĩnh vực này có 40 bài báo công bố trong các tạp chí khoa học trong nước.

Liên quan đến sản xuất nông nghiệp và quản lý đất, các nghiên cứu về cải thiện chất lượng đất, mô hình canh tác thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng ven biển được nghiên cứu. Cụ thể như: Nghiên cứu cải thiện độ phì nhiêu đất và năng suất vườn cây ăn trái; Đánh giá hiệu quả kinh tế qua cải thiện chất lượng đất, nhất là vùng đất bị bán đi tầng canh tác, sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh trong canh tác nông nghiệp; Phát triển mô hình canh tác bền vững như luân canh lúa và cây trồng cạn trong khu vực canh tác lúa ba vụ; Đánh giá hiệu quả kinh tế các mô hình canh tác phù hợp trên đất ven biển ở ĐBSCL; Sự

chuyển đổi hệ sinh thái nông nghiệp vùng ven biển ở ĐBSCL trong điều kiện xâm nhập mặn do nước biển dâng. Trong lĩnh vực này có 4 bài báo xuất bản trong tạp chí khoa học trong nước và 1 sách chuyên khảo. Các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực sinh học đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, môi trường, phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và thích nghi với biến đổi khí hậu qua tác động của xâm nhập mặn.

- Các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế (Khoa QTKD và Khoa Kế toán-TC-NH) như giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong vùng; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở ĐBSCL. Lĩnh vực này có 15 bài báo quốc tế và 24 bài công bố trên tạp chí trong nước.

- Một số kết quả nghiên cứu về giáo dục, quản lý và nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực toán học, vật lý, văn học cũng được công bố (Khoa Cơ bản, Khoa Ngữ văn).

Kết quả trình bày ở Bảng 7.6 cho thấy trong tổng số 37 đề tài nghiên cứu các cấp và 43 đề tài hợp tác với các Viện, Trường thì có 73 đề tài có kết quả có thể ứng dụng vào thực tế sản xuất, thực tế quản lý và được bổ sung vào giáo trình, tăng ý nghĩa thực tế trong giảng dạy, đào tạo và phát triển sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng, sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Hoạt động NCKH của Trường đạt nhiều kết quả có ý nghĩa thông qua sự hợp tác với các Viện, Trường trong nước, các đề tài hướng dẫn luận văn Thạc sĩ, luận án Tiến sĩ.

Tất cả kết quả nghiên cứu trên là những đóng góp mới trong khu vực ĐBSCL và cho cả nước (lĩnh vực dược). Kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực sinh học ứng dụng là những giải pháp khuyến cáo ứng dụng vào thực tế sản xuất. Kết quả nghiên cứu được chuyển giao thông qua hội thảo khoa học, tập huấn kỹ thuật đối với nông dân và cán bộ kỹ thuật địa phương góp phần giải quyết các khó khăn trở ngại trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản.

Bảng 7.6: Số liệu thống kê các đề tài ứng dụng thực tế

Năm	Số đề tài thực hiện hoàn tất		Số đề tài ứng dụng vào thực tế
	Cấp trường Cấp tỉnh	Hợp tác với Viện, Trường	
2012 - 2013	5	10	12
2013 - 2014	5	10	12
2014 - 2015	10	9	18

Năm	Số đề tài thực hiện hoàn tất		Số đề tài ứng dụng vào thực tế
	Cấp trường Cấp tỉnh	Hợp tác với Viện, Trường	
2015 - 2016	12	10	22
2016 - 2017	5	4	9
Tổng	37	43	73

2. Điểm mạnh

Hợp tác NCKH với Viện, Trường là thế mạnh của Trường. Kết quả nghiên cứu có nhiều đóng góp mới cho khoa học, có khuyến cáo ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển KT - XH của địa phương. Một số công trình nghiên cứu được xuất bản thành sách tham khảo, chuyên khảo.

3. Tồn tại

Các đề tài NCKH có kinh phí từ các địa phương còn khá khiêm tốn về số lượng. Kinh phí NCKH của Trường còn hạn chế. Lĩnh vực nghiên cứu chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Nhà trường tạo điều kiện cung cấp kinh phí cho các đề tài nghiên cứu, đẩy mạnh liên kết giữa các nhóm nghiên cứu trong Trường với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp sản xuất.

Phòng QLKH&HTQT tổ chức seminar trong tháng 01/2018 thảo luận chuyên đề về tìm biện pháp tạo nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài NCKH, nhất là hợp tác với các doanh nghiệp. Tạp chí NCKH và Phát triển kinh tế của Trường luôn kêu gọi bài viết, thúc đẩy ý thức về nhiệm vụ công bố khoa học của GV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.

1. Mô tả

Nhà trường luôn khuyến khích, động viên GV trong Trường tích cực tham gia đề xuất, đấu thầu thực hiện các đề tài NCKH. Hằng năm ngân sách của Nhà trường dành cho thực hiện đề tài NCKH cấp trường có khuynh hướng tăng nhằm

khuyến khích hoạt động NCKH trong GV. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tranh thủ nguồn kinh phí của các địa phương để thực hiện các đề tài NCKH cấp tỉnh, quận [H7.7.1.11]. Tất cả các đề tài NCKH trong Trường và hợp tác với các Viện, Trường là những đề tài cung cấp số liệu cơ bản, số liệu khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo, cho sản xuất dược liệu, thực phẩm chức năng, chuyển giao các khuyến cáo ứng dụng, hỗ trợ nông dân trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Vì thế Nhà trường chưa có doanh thu từ việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu theo hình thức thương mại hóa đến các doanh nghiệp.

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ về tài chính của Nhà trường. Nguồn thu cho hoạt động NCKH khá đa dạng, không chỉ từ Nhà trường mà còn từ các địa phương. Nhà trường đã triển khai nhiều đề tài NCKH với các địa phương để đa dạng hóa nguồn kinh phí thực hiện các đề tài NCKH.

3. Tồn tại

Chưa có chuyển giao đến doanh nghiệp để thu được doanh thu từ nghiên cứu cho Nhà trường. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đóng góp tăng nguồn lực tài chính của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ Quý 2 năm 2018, Nhà trường sẽ có chính sách khuyến khích CBQL, GV và NV chủ động tìm kiếm nguồn hỗ trợ thực hiện NCKH bên ngoài Trường. Trường tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp, với các địa phương tại ĐBSCL nhằm tăng thêm nguồn thu từ hoạt động này.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả

Hàng năm, Phòng QLKH&HTQT có thông báo tiếp nhận đề xuất đề tài NCKH cấp trường [H7.7.1.5]. Một trong những tiêu chí lựa chọn các đề tài thực hiện là nội dung nghiên cứu phải có hiệu quả phục vụ công tác đào tạo tại

Trường ĐHTĐ [H7.7.7.1]. Nhà trường đã gửi SV thực tập và NCKH với các doanh nghiệp [H7.7.6.1]. Nhằm khuyến khích người học tham gia NCKH, Nhà trường đã ra quyết định khen thưởng các SV đạt các giải thưởng khi tham gia NCKH [H7.7.6.2]. Nhờ vậy, hoạt động NCKH của Nhà trường có sự gắn kết với đào tạo. Kết quả là nhiều SV đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp thông qua việc tham gia các đề tài/dự án NCKH cấp trường được thực hiện hằng năm [H7.7.6.3]. Trong giảng dạy, Trường đã mời các doanh nhân thành công tham gia giảng dạy, góp ý cho CTĐT về Tài chính ngân hàng, Kế toán, QTKD. Những đề tài thực hiện luận văn Thạc sĩ của Trường trong lĩnh vực QTKD, Tài chính ngân hàng có những kết quả tốt trong quản trị nguồn nhân lực, tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tăng chuỗi giá trị sản phẩm trong nông nghiệp. Trong đào tạo của Trường và hợp tác nghiên cứu với Viện, Trường, các luận văn Thạc sĩ, luận án Tiến sĩ trong lĩnh vực dược, nông nghiệp, thủy sản đã góp phần quan trọng trong tăng cường nguồn nhân lực cho phát triển KT - XH của vùng, tăng kiến thức mới, kiến thức thực tế trong đào tạo ĐH và sau ĐH, góp phần tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp và thủy sản, tăng sự thích nghi trong điều kiện tác động của biến đổi khí hậu trong vùng ĐBSCL.

2. Điểm mạnh

Nhà trường khuyến khích sự hợp tác trong đào tạo và NCKH với sự tham gia của người học góp phần nâng cao công tác đào tạo của Trường. Đào tạo và NCKH của Trường giúp tăng uy tín của Trường ĐHTĐ, một trường tư thục ở ĐBSCL.

3. Tồn tại

Còn hạn chế trong hợp tác với các doanh nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, từ đầu năm đến cuối năm, các Khoa sẽ thực hiện việc liên kết mời doanh nghiệp liên quan ngành đào tạo báo cáo seminar, thảo luận hướng hợp tác trong đào tạo và NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả

Trường đã ban hành quy định về hoạt động NCKH, theo đó có yêu cầu tiêu chuẩn về năng lực chủ nhiệm đề tài, tiêu chuẩn đạo đức trong hoạt động NCKH. Trường cũng quy định cụ thể về hình thức, cách trích dẫn, ... được coi là một tiêu chí trong việc đánh giá nghiệm thu đề tài NCKH. Trong quy định về quản lý hoạt động NCKH, Trường có hướng dẫn thực hiện các quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của chủ nhiệm đề tài các cấp [H7.7.7.1]. Nhằm nâng cao chất lượng và đảm bảo tính khách quan trong đăng ký và thực hiện các đề tài NCKH các cấp, CBQL, GV và NV tại Trường nếu đáp ứng được các tiêu chuẩn về năng lực và đạo đức theo các quy định của Nhà trường đều có thể đăng ký tham gia xét duyệt chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp. Hướng dẫn thực hiện quy định về quyền sở hữu trí tuệ cũng được Nhà trường ban hành, trong đó đề cập chi tiết về quyền tác giả đối với giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo, báo cáo khoa học; quyền sở hữu công nghiệp đối với các sáng chế, bí mật kinh doanh, logo, nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại [H7.7.7.1]. Trong giai đoạn 2012 - 2017 chưa có vụ việc gì vi phạm tiêu chuẩn đạo đức về NCKH hoặc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, cho đến nay Trường vẫn chưa có kế hoạch đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Như đã trình bày ở phần trước, đề tài nghiên cứu của GV trong Trường chủ yếu là cung cấp số liệu khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo, hoặc những khuyến cáo ứng dụng, hỗ trợ nông dân trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Chưa có những kết quả tạo sản phẩm có thể thương mại hóa. Đây là lý do Trường chưa có kế hoạch đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng quy định rõ ràng về các bước thực hiện hoạt động NCKH, liên quan đến năng lực chuyên môn. Các quy định tài chính liên quan NCKH cũng rõ ràng và được thực hiện đúng quy trình.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa có kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện công tác đăng ký quyền sở hữu trí tuệ trong NCKH tại Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 02/2018, Nhà trường sẽ có thực hiện đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình NCKH cần đăng ký với cơ quan chức năng.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Hoạt động NCKH của Trường ĐHTĐ được thực hiện đa dạng, hiệu quả dưới nhiều hình thức qua hỗ trợ của Trường, địa phương và hợp tác với Viện, Trường, phù hợp với định hướng phát triển trở thành trường ĐH tư thục đa ngành hàng đầu ở khu vực ĐBSCL với định hướng đào tạo, nghiên cứu phục vụ cộng đồng. Các công trình nghiên cứu được công bố, chuyển giao qua hội thảo khoa học, lớp tập huấn, đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước trên các lĩnh vực dược, sinh học, nông nghiệp, thủy sản, tự nhiên. Sự hợp tác hiệu quả, đa dạng về đào tạo và NCKH của Trường với các Viện, Trường góp phần quan trọng trong đào tạo và đóng góp khoa học trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ cho phục vụ cộng đồng, chưa đóng góp vào sự tăng nguồn lực tài chính của Trường.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7

Tiêu chuẩn 8

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Mở đầu

Mở rộng HTQT là một trong những hoạt động luôn được Nhà trường quan tâm vì đó là cơ hội để tiếp cận trình độ quốc tế, hội nhập toàn diện với giáo dục ĐH thế giới, cũng như để học hỏi và quảng bá hình ảnh của Trường. Vì vậy mà Phòng QLKH&HTQT của Nhà trường đã được sớm thành lập và chủ động thiết lập các quan hệ quốc tế, triển khai các hoạt động hợp tác với các trường ĐH, các tổ chức giáo dục, khoa học và công nghệ nước ngoài nhằm nâng cao năng lực đào tạo và NCKH của Trường. Các hoạt động HTQT được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

1. Mô tả

Trên cơ sở quy định pháp luật về HTQT, Trường đã ban hành các quy định về quản lý hoạt động quan hệ quốc tế; về việc tiếp nhận và quản lý SV nước ngoài; về quản lý các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài; thủ tục đoàn vào, công tác báo cáo thường xuyên về HTQT đối với các cơ quan có liên quan. Đồng thời, quy định có sự phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động HTQT trong Quy định về quản lý hoạt động HTQT, theo đó Phòng QLKH&HTQT là đơn vị đầu mối, quản lý chung về hoạt động HTQT trong toàn Trường. Các đơn vị chức năng trong Nhà trường (khoa, phòng, ban, trung tâm) được phân công thực hiện các hoạt động HTQT chủ động phối hợp với Phòng QLKH&HTQT để tiến hành các hoạt động cụ thể [H8.8.1.1]. Nhà trường đã phổ biến rộng rãi các quy định nói trên và có những hướng dẫn cụ thể tới từng đơn vị, CBQL, GV và NV trong Trường để thực hiện đúng quy định và nâng cao hiệu quả hoạt động HTQT [H8.8.1.2].

Nhà trường luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về hoạt động HTQT. Để đảm bảo thực hiện đúng quy định về công tác liên kết đào tạo, Nhà trường luôn cập nhật những văn bản, quy định về HTQT trong liên kết đào tạo, quy trình và thủ tục hồ sơ đề nghị phê duyệt chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trên trang thông tin điện tử của Cục Đào tạo với nước ngoài thuộc Bộ GD&ĐT. Cụ thể, để đảm bảo an ninh và thành công cho các buổi hội thảo có

người nước ngoài tham gia, Nhà trường luôn xin phép và báo cáo kết quả tổ chức hội thảo ra Sở Ngoại vụ [H8.8.1.3, H8.8.1.4]. Hằng năm, Nhà trường có các báo cáo về công tác HTQT của Trường [H8.8.1.5]. Trường đã chủ động thiết lập quan hệ, ký kết, triển khai nhiều thỏa thuận hợp tác với các trường ĐH nước ngoài, các tổ chức quốc tế. Hiện nay, 4 thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài đang có hiệu lực, bao gồm: Biên bản ghi nhớ với trường ĐH Soongsil (Hàn Quốc) về đào tạo thạc sĩ QTKD, biên bản ghi nhớ với trường ĐH Jeonju (Hàn Quốc) về đào tạo ĐH chuyên ngành Quản trị du lịch, biên bản ghi nhớ với trường ĐH HELP (Malaysia) về đào tạo thạc sĩ QTKD, biên bản ghi nhớ với tập đoàn TSUKUI (Nhật Bản) về việc bồi dưỡng Nhật ngữ cho lớp Điều dưỡng viên đạt tiêu chuẩn để xuất khẩu lao động sang Nhật [H8.8.1.6].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn tuân thủ quy định của Nhà nước về công tác HTQT. Phòng QLKH&HTQT luôn tham khảo ý kiến của các Cơ quan chức năng của thành phố trong lĩnh vực HTQT để thực hiện đúng quy định.

3. Tồn tại

Trong quy định về quản lý hoạt động HTQT chưa quy định rõ việc quản lý CBQL, GV và NV được cử đi học tập, tập huấn và tham gia hội thảo ở nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ quý 2 năm 2018, Nhà trường sẽ có những quy định cụ thể hơn về việc quản lý CBQL, GV và NV tham gia học tập, công tác nước ngoài. Bổ sung quy định CBQL, GV và NV sau khi hoàn thành công tác ở nước ngoài phải gửi báo cáo kết quả về BGH và Phòng QLKH&HTQT.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Nhằm mang đến cho người học những CTĐT tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển KT - XH của khu vực DBSCL. Nhằm đẩy mạnh hoạt động HTQT trong đào tạo, năm 2016, Nhà

trường phối hợp với CLB cựu SV Hoa kỳ và Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tổ chức thành công hội thảo giới thiệu giáo dục Hoa Kỳ và giới thiệu học bổng Fulbright [H8.8.3.1].

Năm 2013, Trường đã cùng Trường ĐH HELP xây dựng hoàn chỉnh đề án thực hiện chương trình liên kết đào tạo thạc sĩ QTKD với Trường ĐH HELP (Malaysia) theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nghị định 73/2012/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục [H8.8.2.1]. Tuy nhiên, do tiến độ xét duyệt hồ sơ của Bộ còn quá chậm, đến năm 2016 các giấy tờ minh chứng về Trường ĐH HELP cần ký mới để phù hợp thời gian cần được bổ sung, vẫn chưa được phía bạn thực hiện. Trong lĩnh vực điều dưỡng, năm học 2016 - 2017, Nhà trường đã liên kết với tập đoàn STUKUI (Nhật Bản) về chương trình hợp tác tuyển sinh điều dưỡng viên làm việc tại Nhật Bản. Trường ĐHTĐ và tập đoàn TSUKUI đã phối hợp tổ chức thành công hội thảo giới thiệu việc làm chuyên ngành điều dưỡng tại Nhật Bản năm 2017 [H8.8.3.2]. Các buổi hội thảo đều được thông báo rộng rãi đến toàn bộ CBQL, GV và NV của Trường [H8.8.3.3]. Chương trình đang tổ chức lớp học tiếng Nhật cho cựu SV ngành Điều dưỡng để được tuyển chọn sang Nhật làm việc [H8.8.2.2]. Qua sự hợp tác này, SV và CBQL, GV trong ngành Điều dưỡng được mở ra hướng mới trong nghề nghiệp với triển vọng tốt đẹp sau này.

Về trao đổi GV, Nhà trường đã cử một số CBQL, GV tham gia các khóa học tập ngắn hạn, tham dự Hội thảo khoa học quốc tế nhằm nâng cao năng lực NCKH và kỹ năng giảng dạy [H8.8.2.3].

Bên cạnh đó, hằng năm Trường ĐHTĐ tiếp nhận nhiều SV quốc tế đến hỗ trợ công tác về ngoại ngữ, giao lưu văn hóa tại Trường [H8.8.2.4]. Thông qua hoạt động này, trình độ tiếng Anh của CBQL, GV và SV được nâng lên và cũng là cơ hội để các bên tìm hiểu sâu sắc hơn về văn hóa, phong tục, tập quán.

Tuy nhiên thủ tục hành chính trong xây dựng đề án liên kết quá phức tạp, trở ngại chính từ phía hồ sơ thủ tục do Bộ duyệt xét và quyết định. Rào cản quan trọng nữa là trình độ ngoại ngữ của SV còn rất hạn chế, đưa đến công tác HTQT của Nhà trường chưa đạt hiệu quả cao trong liên kết đào tạo.

2. Điểm mạnh

Trong thời gian qua, Trường chào đón, mở rộng mối quan hệ HTQT trong liên kết đào tạo, tạo cơ hội có việc làm tốt cho SV. Tạo điều kiện tốt cho việc

tiếp nhận tình nguyện viên nước ngoài đến giao lưu, trao đổi văn hóa và hỗ trợ công tác giảng dạy ngoại ngữ tại Trường.

3. Tồn tại

Các hoạt động HTQT về liên kết đào tạo chưa được Bộ GD&ĐT cho phép mở chương trình liên kết. Ngoài ra, Trường chưa có các chương trình hỗ trợ, nâng cấp CSVC, trang thiết bị cho trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 8/2017, Trường tích cực liên hệ tìm đối tác để đa dạng hóa các hoạt động HTQT.

Nhà trường tiếp tục chủ trương xây dựng các chương trình hợp tác đào tạo với các đối tác nước ngoài, tăng cường thực hiện các chương trình trao đổi SV, trao đổi GV. Bắt đầu từ tháng 01/2018, Trường sẽ mời GV nước ngoài tham gia giảng dạy tiếng Anh tại Trường. Trường tiếp tục đàm phán các chương trình trao đổi SV với các trường ĐH nước ngoài để tăng cường cơ hội du học, thực tập cho SV của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả

Trong thời gian qua, Nhà trường luôn cố gắng mở rộng quan hệ HTQT liên quan đến các đề tài NCKH. Các HTQT trong nghiên cứu chủ yếu được thực hiện qua hợp tác với các Viện, Trường thông qua GV đầu ngành (Thí dụ trường hợp Chương trình hợp tác Nghị định thư với Trường Đại học Bonn, Đức năm 2013, về Sự thích nghi bền vững của hệ sinh thái nông nghiệp vùng ven biển đối với sự gia tăng xâm nhập mặn (Sustainable adaptation of coastal agro-ecosystems to increased salinity intrusion in the Mekong delta and Red river delta), GV tham gia hợp tác với chủ trì từ Trường Đại học Cần Thơ. Nhìn chung, do yếu tố còn thiếu kinh nghiệm trong NCKH, do hạn chế về ngoại ngữ, mối liên hệ

HTQT trong NCKH giữa GV của Trường với các Viện, Trường quốc tế chưa được thực hiện.

2. Điểm mạnh

Có một số lĩnh vực nghiên cứu GV có kinh nghiệm, có năng lực trong HTQT về NCKH, có thể tham gia các chương trình nghiên cứu với Viện, Trường.

3. Tồn tại

Chưa có chương trình HTQT về NCKH. Chưa có những kế hoạch cụ thể về thu hút đầu tư, hợp tác NCKH. GV trẻ còn hạn chế về kinh nghiệm chuyên môn, ngoại ngữ để có những công trình NCKH HTQT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Nhà trường sẽ tăng cường tìm đối tác HTQT trong NCKH thông qua chính sách hỗ trợ như văn phòng làm việc, nhân lực, phương tiện di chuyển, chỗ ở cho chuyên gia nước ngoài. Văn bản về chính sách này sẽ được ban hành trong năm 2018 và giới thiệu đến các đối tác.

Nâng cao năng lực nghiên cứu của GV trẻ, tạo điều kiện cho GV nâng cao trình độ tiếng Anh qua dự học với GV người nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Công tác HTQT của Nhà trường đã đạt một số thành tựu qua việc tạo điều kiện thuận lợi, luôn tìm kiếm đối tác, hỗ trợ tình nguyện viên nước ngoài, tham gia các Chương trình hợp tác nghiên cứu quốc tế với các Viện, Trường. Nhà trường đã nhận được sự quan tâm của các trường ĐH nước ngoài trong việc hợp tác đào tạo. Tuy nhiên cần thực hiện kế hoạch hành động thật hiệu quả để Trường có nhiều chương trình liên kết đào tạo và chương trình HTQT trong NCKH và chuyển giao công nghệ.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 1/3

**THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ
CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC**

Mở đầu

Trường ĐHTĐ đảm bảo các điều kiện về thư viện, trang thiết bị học tập và CSVC để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra của Trường.

Thư viện có diện tích 2.028 m² với 10.938 nhan đề/ 25.014 bản, 100 máy vi tính được nối mạng nội bộ và mạng internet để phục vụ cho bạn đọc trong việc tra cứu tìm tài liệu. Thư viện có chỗ ngồi theo đúng tiêu chuẩn của thư viện hiện đại (ngăn ô, có hệ thống điện và wifi).

Với 40 phòng thí nghiệm, thực hành với tổng diện tích là 5.560 m² đủ để người học tiến hành các giờ thực hành và thí nghiệm theo yêu cầu của các ngành đào tạo. Các phòng thực hành, phòng máy được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, hiện đại và chất lượng.

Trường có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC theo các chiến lược trung và dài hạn. Tổng diện tích sử dụng đất theo quy hoạch của Trường hiện nay là 124.601,8 m² đáp ứng đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của bộ tiêu chuẩn TCVN 3981-85 và phù hợp với chiến lược phát triển mạng lưới các trường ĐH và CĐ giai đoạn 2006 - 2020. Trường được đánh giá là An toàn - Văn minh - Không có tội phạm và tệ nạn xã hội.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Thư viện Trường được thành lập theo Quyết định số 01/ QĐ-ĐHTĐ ngày 30/01/2008 của Trường ĐHTĐ [H9.9.1.1] với quan điểm “hiệu quả hoạt động của thư viện không căn cứ vào số lượng sách hiện có trong Thư viện mà là nguồn tài nguyên đó thư viện phải đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của bạn đọc”. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là phục vụ công tác đào tạo, giảng dạy, học tập, NCKH, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ và quản lý của

Nhà trường, Thư viện luôn cập nhật và bổ sung tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy - học tập và NCKH của CBQL, GV, NV và SV.

Thư viện được đặt tại tầng hai khối nhà chính với diện tích 2.028 m² thiết kế thành 2 phần là Thư viện điện tử và Thư viện truyền thống.

Phần 1: Thư viện điện tử được bố trí chung với phòng đọc gồm 100 máy vi tính nối mạng nội bộ, mạng internet và wifi cùng 300 chỗ ngồi.

Phần 2: Thư viện truyền thống gồm 200 chỗ ngồi với đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của CBQL, GV, NV và người học theo đề cương học phần của các ngành đào tạo [H9.9.1.2].

Tổng số nguồn tài nguyên của Thư viện hiện tại là 10.938 nhan đề/ 25.014 bản. Nguồn tài nguyên này bao gồm giáo trình, tài liệu tham khảo, sách tra cứu, đồ án, luận văn, ... của các chuyên ngành thuộc khối ngành đào tạo của Trường như: QTKD, Tài chính - Ngân hàng, Điều dưỡng, Dược, CNTT, Kỹ thuật Điện - Điện tử, Luật, Quản lý đất đai, Nuôi trồng thủy sản, Ngôn ngữ Anh, ... trong đó giáo trình có 1.095 nhan đề/1.095 bản; tài liệu tham khảo có 8.690 nhan đề/22.766 bản; đồ án, luận văn có 584 nhan đề/ 584 bản; tài liệu đa phương tiện có 569 nhan đề/569 CD. Ngoài ra, thư viện còn có 32 nhan đề báo, tạp chí; 151 tài liệu điện tử đã được xây dựng trên trang tài liệu Dspace. Năm 2017, Thư viện đã liên kết với Trung tâm Học liệu Đại học Cần Thơ nhằm tạo điều kiện cho người đọc có thêm nguồn tài liệu phục vụ cho nhu cầu học tập, nghiên cứu và giảng dạy. Toàn thư viện được phủ sóng wifi và hệ thống máy tính được nối mạng để hỗ trợ việc truy cập thư viện điện tử, tra cứu thông tin từ các gói CSDL điện tử rất có giá trị như: Bộ sưu tập số Trung tâm Học liệu trường Đại học Cần Thơ; các nguồn học liệu mở thế giới MIT OpenCourseware, Coursera, FutureLearn, Hinari, Oare, Agora, Ardi, Eojnss... [H9.9.1.3].

Đội ngũ chuyên viên Thư viện được đào tạo, bồi dưỡng theo đúng chuyên ngành, thường xuyên tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn như: Lớp tập huấn nghiệp vụ thư viện căn bản từ 07/9-25/9/2009, lớp tập huấn “Thư viện số” tháng 5/2013, lớp tập huấn “Library marketing training” tháng 8/2013 tại Trung tâm Học liệu Trường Đại học Cần Thơ; lớp tập huấn “Phần mềm nguồn mở và Tài nguyên giáo dục mở cho thư viện trường ĐH và nghiên cứu” tháng 11/2015 tại Trường Đại học An Giang; lớp tập huấn “Reference and user services, Industry 4.0, Scholarly Communication” tháng

8/2017 tại Trường Đại học Cần Thơ [H9.9.1.4]. Hoạt động của Thư viện được chuyên nghiệp hóa thể hiện qua hệ thống các quy trình tác nghiệp (quy trình phục vụ và nghiệp vụ) ban hành rộng rãi trên trang thông tin điện tử và tại Thư viện [H9.9.1.5]. Bên cạnh đó, để đáp ứng chính xác, kịp thời và nhanh chóng nhu cầu về tài liệu của người học, Thư viện thường xuyên cập nhật tài liệu theo yêu cầu giảng dạy và học tập của các khoa [H9.9.1.6].

Từ ngày 01/9/2011 phần mềm quản lý thư viện Alib đã được đưa vào sử dụng và đạt hiệu quả trong công tác quản lý thư viện. Nhằm giúp bạn đọc dễ dàng tiếp cận với phần mềm trong việc tra tìm tài liệu, Thư viện đã tổ chức giới thiệu và hướng dẫn bạn đọc sử dụng thư viện giúp bạn đọc có thể tìm tài liệu một cách nhanh chóng, dễ dàng [H9.9.1.7].

Thư viện thường xuyên tổ chức các buổi “Hướng dẫn bạn đọc sử dụng thư viện”, khai thác nguồn tài nguyên thông tin truyền thống và điện tử phục vụ cho đào tạo, giảng dạy và NCKH. Trong năm học 2016-2017, thư viện đã mở 4 đợt hướng dẫn cho 2.992 SV các khóa [H9.9.1.8]. Bên cạnh đó Thư viện còn cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu tham khảo, nghiên cứu của bạn đọc như: Tìm kiếm thông tin theo yêu cầu, cung cấp tài liệu theo chủ đề, số hóa, ... và nhận được kết quả đánh giá tốt (hơn 95% người sử dụng thư viện từ năm 2012 - 2015 đánh giá tốt các loại hình dịch vụ). Kết quả khảo sát toàn khóa học từ các năm 2012 - 2015 về mức độ hài lòng của SV với nội dung Thư viện có tài liệu tham khảo cho hầu hết các học phần đạt hơn 80% (với các ý kiến từ trung bình, khá, tốt, rất tốt). Riêng trong hai năm học 2014 - 2015 và 2015 - 2016, Thư viện Trường có tiến hành khảo sát nhu cầu của bạn đọc với kết quả đánh giá hài lòng trên 92% về nội dung tài liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Kết quả khảo sát nhu cầu năm học 2016 - 2017 với bạn đọc là SV về nội dung tài liệu tham khảo của thư viện mức độ hài lòng đạt 88,9%, CSDL đạt 77,8%; với bạn đọc là CBQL, GV và NV nội dung tài liệu tham khảo của thư viện mức độ hài lòng đạt 90,6%, CSDL đạt 86,3% [H9.9.1.9].

Thêm vào đó, hằng năm Thư viện cũng thực hiện công tác báo cáo thống kê số lượng bạn đọc sử dụng thư viện theo ngành và tần suất truy cập, download tài liệu điện tử, kết quả cho thấy trong năm học 2016 - 2017 khi Thư viện điện tử được triển khai vào thì số lượng bạn đọc đến thư viện tăng mạnh [H9.9.1.10].

Bảng 9.1: Thống kê số liệu thể hiện tỷ lệ bạn đọc sử dụng thư viện từ năm 2012 - 2017

STT	Thống kê	Năm học				
		2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017
1	Số lượng độc giả đến thư viện	16.392	10.926	3.743	6.559	18.097
2	Số lượt truy cập trang thư viện điện tử (http://115.74.210.103:8080/opac/)	0	0	0	0	9.303
3	Số lượt truy cập trang Tài liệu số (http://115.74.210.103:81/tailieuso/)	0	0	0	0	9.380
	Số lượt download tài liệu	0	0	0	0	4.276
	Tỷ lệ lượt download tài liệu từ "tailieuso"/ lượt truy cập	0	0	0	0	45,6%

2. Điểm mạnh

Nguồn tài liệu truyền thống phong phú, đa dạng, thường xuyên cập nhật đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của CBQL, GV, NV và SV. Thư viện đã phát triển được các loại sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện đáp ứng tốt nhu cầu của người sử dụng. Thư viện có nối mạng internet và cho phép tra cứu, truy cập từ xa vào nguồn tài liệu điện tử.

3. Tồn tại

Nguồn báo, tạp chí còn ít. Chuyên viên chuyên môn về CNTT còn thiếu nên nguồn tài nguyên thư viện điện tử chưa được khai thác triệt để.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Thư viện sẽ cập nhật và bổ sung thêm nguồn sách tham khảo, giáo trình, báo và tạp chí; khai thác nguồn tài nguyên điện tử, bổ sung số hóa nguồn tài nguyên nội sinh và tiến hành liên kết với các thư viện của các trường ĐH - CĐ trong khu vực và cả nước. Bên cạnh đó, Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng thêm chuyên viên chuyên ngành CNTT nhằm quản lý và khai thác có hiệu quả hơn hoạt động của thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả

Trường được thành lập từ năm 2006 với quy hoạch đất của Trường là 124.601,8 m² theo quy hoạch mặt bằng tổng thể, đến nay tổng diện tích sử dụng của Trường là 88.649 m² [H9.9.2.1, H9.9.2.2]. Trong quá trình hoạt động Nhà trường đã huy động nhiều nguồn lực để xây dựng CSVC vững mạnh, ngày càng đầy đủ, phong phú đa dạng về các loại phòng ốc, đáp ứng nhu cầu học tập, làm việc và nghiên cứu cho toàn Trường [H9.9.2.3].

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH. Bình quân mét vuông diện tích phòng học, giảng đường và phòng thí nghiệm/đầu người học là 2,68 m²/1 SV. Cụ thể, Trường hiện có 102 giảng đường, phòng học với diện tích 14.908,2 m², trong đó gồm 02 hội trường lớn với sức chứa trên 200 SV; 73 giảng đường, phòng học với sức chứa từ 100 - 200 SV; 05 phòng học với sức chứa từ 50 - 100 SV; 14 phòng học với sức chứa dưới 50 SV; 08 phòng học đa phương tiện. Về phòng thí nghiệm, thực hành Trường có 40 phòng và khu hoạt động thể dục thể thao với tổng diện tích 33.960 m², trong đó Khoa Kỹ thuật - Công nghệ có 02 phòng; Khoa Sinh học ứng dụng có 03 phòng và 01 trại thực nghiệm; Khoa Dược - Điều dưỡng có 23 phòng và 01 vườn thuốc nam; Khoa Cơ bản có 01 phòng và 02 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 02 sân bóng chuyên, 01 sân bóng rổ, 01 sân cầu lông, khu hoạt động thể dục thể thao 25.000 m²; 11 phòng máy vi tính dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo [H9.9.2.3]. Tất cả các phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành đều được trang bị CSVC, dụng cụ thí nghiệm đa dạng đáp ứng từng ngành đào tạo [H9.9.2.4]. Để theo dõi tần suất sử dụng phòng, hằng năm Nhà trường xem báo cáo về nhu cầu sử dụng giảng đường, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm; lịch học; số lên lớp của các khoa, qua đó Trường khẳng định được hệ thống phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo [H9.9.2.5, H9.9.2.6]. Bên cạnh đó, Nhà trường rất chú trọng đầu tư xây dựng, sửa chữa và trang bị mới CSVC phục vụ học tập và NCKH. Cụ thể, trong giai đoạn 2012 - 2017 Trường đã xây dựng mới khối nhà học chữ O, phòng thí nghiệm từ 20 phòng tăng lên 31 phòng, phòng máy tính từ 08 phòng tăng lên 11 phòng [H9.9.2.6].

Trong năm học 2016 - 2017, Trường thực hiện khảo sát CBQL, GV, NV và SV về CSVC phục vụ hoạt động dạy, học và NCKH, trong đó có tiêu chí “Hệ thống phòng học, phòng thực hành có đáp ứng yêu cầu dạy, học và NCKH”. Kết quả khảo sát cho thấy đa số đều hài lòng, cụ thể, đối với SV đánh giá mức độ “đồng ý và hoàn toàn đồng ý” chiếm tỷ lệ 82,88%; đối với CBQL, GV, NV chiếm tỷ lệ 93,05% (các ý kiến được đánh giá theo thang đo từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý) [H9.9.2.7].

2. Điểm mạnh

Trường có số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng đầy đủ nhu cầu của từng chuyên ngành đào tạo và NCKH trong trường.

3. Tồn tại

Nhà trường đang sử dụng phần mềm EMS (hệ thống quản lý giáo dục), trong đó có mô đun quản lý, phân phối phòng học đang trong quá trình vận hành thử nghiệm.

4. Kế hoạch hành động

Đầu tháng 01/2018, Trường có kế hoạch vận hành chính thức sử dụng phần mềm EMS, qua đó việc quản lý, phân phối phòng học được thực hiện nhanh chóng và dễ dàng hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

1. Mô tả

Là trường đào tạo đa ngành đa bậc nên các phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị chủ yếu là hệ thống thiết bị hỗ trợ nghe nhìn và các thiết bị chuyên dùng thực hành, thí nghiệm. Các trang thiết bị phục vụ cho dạy, học và NCKH của Trường hiện có 83 máy chiếu, màn chiếu; 791 máy tính bàn; 05 máy tính xách tay; 64 bộ micro không dây; 135 máy lạnh; 14 tivi; 15 ôn áp, 66 máy cassette; 02 máy ảnh, 01 máy quay phim; 46 máy in; 10 máy photocopy; 03 máy scan; 05 máy quét mã vạch và đặc biệt là các thiết bị chuyên dùng trong phòng thực hành, thí nghiệm [H9.9.3.1]. Với trang thiết bị hiện tại, Trường đáp ứng đầy đủ cho các hoạt động NCKH và đào tạo của từng ngành.

Trường có hệ thống văn bản về quản lý tài sản của Trường. Hệ thống văn bản quy định từ việc mua đến việc quản lý, sử dụng, bảo quản cũng như kiểm tra và nâng cấp trang thiết bị của Trường [H9.9.3.2]. Các trang thiết bị phục vụ dạy, học và NCKH đều được lập dự toán đầu tư, sửa chữa, bảo dưỡng theo quy trình [H9.9.3.3, H9.9.3.4, H9.9.3.5]. Tại các phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm đều có nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng [H9.9.3.6]. Trường có sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị, sổ theo dõi cho thấy các trang thiết bị được sử dụng với tần suất sử dụng 10 tiết/ngày vẫn hoạt động tốt, khi hỏng hóc được sửa chữa kịp thời [H9.9.3.7]. Các thiết bị máy móc hiện đại sau khi được đầu tư trang bị điều được nhà cung cấp tập huấn cách thức sử dụng, phương thức vận hành, bảo trì, sửa chữa. Bên cạnh đó, trong năm 2016, Phòng QTTB kết hợp với BGH tổ chức lớp tập huấn sử dụng trang thiết bị kỹ thuật hỗ trợ giảng dạy cho CBQL, GV và NV [H9.9.3.8]. Có thể nói, các trang thiết bị của Trường được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả đáp ứng được yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Nhà trường cũng rất chú trọng đầu tư trang thiết bị mới phục vụ nhu cầu học tập và NCKH. Cụ thể, trong giai đoạn 2012 - 2017, Nhà trường đầu tư mới và lắp đặt các thiết bị như máy chiếu, màn chiếu cố định tại tất cả các phòng học khối nhà học chữ U, chữ O (trước đó khi học SV phải mượn và trả máy chiếu); máy thử độ hòa tan bán tự động, máy quang phổ, máy thử độ tan rã thuốc viên, ... ở các phòng thí nghiệm; gắn các bảng ghi nhận lưu ý cách thức sử dụng điện và số điện thoại của các đơn vị hỗ trợ SV khi cần trong trường [H9.9.3.9].

Trong năm học 2016 - 2017, Trường thực hiện khảo sát CBQL, GV, NV và SV về hệ thống CSVC của Trường. Kết quả đánh giá nhận được từ SV với mức độ “đồng ý và hoàn toàn đồng ý” chiếm tỷ lệ là 76,72%; 76,07%; 72,13%; 70,41%, từ CBQL, GV, NV là 76,45%; 83,40%; 68,73%; 66,02% tương ứng với các tiêu chí khảo sát đã đưa ra “Trang thiết bị phòng thực hành, thí nghiệm có đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu”; “Chất lượng của thiết bị, máy móc phục vụ học tập và nghiên cứu tốt”; “Hệ thống CSVC thường xuyên bảo trì, nâng cấp”; “Trang thiết bị sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng” (với các ý kiến được đánh giá theo thang đo từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý) [H9.9.3.10]. Từ kết quả trên cho thấy CBQL, GV và SV đều hài lòng về mức độ đáp ứng của trang thiết bị dạy, học và NCKH của Trường.

2. Điểm mạnh

Tất cả phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm của Trường đều được trang bị đầy đủ các thiết bị giảng dạy cần thiết, đáp ứng tốt hoạt động đào tạo và NCKH. Trang thiết bị được đầu tư và sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích, được bảo trì theo quy định.

3. Tồn tại

Trường chưa có đủ nguồn kinh phí để đầu tư đồng bộ trang thiết bị dạy và học hiện đại cho tất cả các phòng học.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2018 - 2020, Trường thực hiện lập dự án đầu tư chiều sâu trang thiết bị (đổi mới trang thiết bị, nâng cấp hạ tầng mạng, CSVC...) theo chiến lược phát triển của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

1. Mô tả

Cơ sở hạ tầng CNTT của Nhà trường luôn được đầu tư, nâng cấp nhằm phục vụ tốt nhất hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý. Tính đến tháng 5/2017 Trường hiện có 796 máy tính (gồm cả máy tính xách tay), trong đó có 650 máy tính với cấu hình mạnh, đầy đủ các thiết bị ngoại vi dành cho hoạt động học của SV được bố trí tại 11 phòng máy và thư viện; 146 máy tính dành cho công tác giảng dạy, quản lý và NCKH [H9.9.4.1]. Tại các đơn vị, mỗi CBQL, NV đều được trang bị máy tính riêng để phục vụ công việc cùng với sự hỗ trợ các thiết bị tin học khác như máy in, máy photocopy, máy scan để đáp ứng hoạt động quản lý [H9.9.4.2]. Việc sử dụng máy tính, internet phải tuân theo quy định của Trường [H9.9.4.3]. Tại các phòng máy đều có nội quy sử dụng và nhật ký ghi chép việc sử dụng phòng máy tính [H9.9.4.4]. Đối với GV khi giảng dạy thì tự trang bị máy tính xách tay, số lượng máy tính (gồm cả máy tính xách tay) trung bình cho mỗi GV là 1,0 máy tính/GV. Các thiết bị tin học được xây dựng và triển khai theo đề án tăng cường trang thiết bị của Trường, tất cả đều có hồ sơ cung cấp lắp đặt hạ tầng CNTT và thường xuyên được bảo trì, sửa chữa, thay thế đặc biệt là máy tính [H9.9.4.5, H9.9.4.6, H9.9.4.6]. Có thể nói,

các thiết bị tin học được cung cấp đầy đủ để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, hoạt động NCKH và các hoạt động quản lý của Trường.

Hệ thống mạng wifi miễn phí phủ toàn bộ khuôn viên Trường bên cạnh hệ thống ADSL hoạt động ổn định đã phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý. Tất cả máy tính được cấp IP tĩnh và bố trí đúng theo sơ đồ mạng máy tính của Trường để dễ dàng quản lý, nâng cấp cũng như đảm bảo hệ thống mạng hoạt động ổn định [H9.9.4.8]. Trường có thành lập Tổ quản trị trang thông tin điện tử nhằm đảm bảo hoạt động đăng bài từ các đơn vị lên trang thông tin điện tử của đơn vị. Bộ phận này phụ trách quản lý cổng thông tin điện tử, an ninh và bảo mật mạng trong Trường cũng như đảm bảo công tác hệ thống trang thông tin điện tử của Trường được cập nhật thường xuyên [H9.9.4.9]. Toàn bộ CBQL, GV và NV cũng được cung cấp địa chỉ email theo tên Trường [H9.9.4.10].

Trường rất coi trọng khâu tin học hóa dành cho hoạt động dạy, học, NCKH và quản lý nên việc đầu tư các phần mềm chuyên dùng theo yêu cầu của các khoa/bộ môn, phòng/ban luôn được đồng thuận cao giữa HĐQT và BGH. Các phần mềm hiện nay đang được Trường sử dụng gồm: Phần mềm EMS (hệ thống quản lý giáo dục), phần mềm này gồm nhiều mô đun như: quản lý đào tạo, quản lý phòng học, xếp thời khóa biểu, quản lý nhân sự, quản lý SV, phần mềm hành chính điện tử, ... tuy nhiên phần mềm đang trong quá trình vận hành thử nghiệm. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có trang thông tin điện tử cung cấp tin tức cho SV, GV; phần mềm hệ thống xét tuyển; tư vấn trực tuyến; phần mềm kế toán; phần mềm lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV; phần mềm thư viện điện tử; phần mềm thi trắc nghiệm Ứng dụng CNTT cơ bản, phần mềm khóa kỹ năng tiếng Anh riêng biệt. Tất cả phần mềm đều có bản quyền và tuân thủ luật bảo hộ quyền tác giả đối với phần mềm được cài đặt [H9.9.4.11].

Trong năm học 2016 - 2017, Trường thực hiện khảo sát CBQL, GV, NV và SV về hệ thống CSVC của Trường. Kết quả đánh giá nhận được từ SV với ý kiến “đồng ý và hoàn toàn đồng ý” là 78,54%; từ CBQL, GV, NV là 83,01% với tiêu chí “Mức độ đáp ứng của trang thiết bị tin học phục vụ tốt cho công việc, học tập và nghiên cứu” (các ý kiến được đánh giá theo thang đo từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý) [H9.9.2.6]. Kết quả trên cho thấy CBQL, GV, NV và SV hài lòng về mức độ đáp ứng của trang thiết bị tin học ở Trường.

2. Điểm mạnh

Các thiết bị tin học được trang bị đầy đủ, mỗi NV văn phòng đều có máy tính cá nhân, tất cả các máy tính đều được nối mạng internet. Hệ thống mạng được duy trì ổn định và có bộ phận chuyên trách theo dõi, bảo trì.

Hạ tầng CNTT được đầu tư đồng bộ với trang thiết bị quản lý và giảng dạy. Các phòng thực tập tin học được nâng cấp và đầu tư mới. Có nhiều phòng máy chuyên dùng hiện đại cho các khoa, bộ môn.

3. Tồn tại

Nhà trường đang sử dụng phần mềm EMS (hệ thống quản lý giáo dục), phần mềm gồm nhiều mô đun như: Xếp thời khóa biểu, quản lý phòng học, quản lý nhân sự... tuy nhiên phần mềm đang trong quá trình vận hành thử nghiệm.

4. Kế hoạch hành động

Đầu tháng 01/2018, Trường có kế hoạch vận hành chính thức sử dụng phần mềm EMS, qua đó công việc ở các đơn vị được thực hiện nhanh chóng, chính xác hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.5. Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho SV nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả

Với diện tích đất hiện có 88.649 m² được bố trí xây dựng theo mặt bằng tổng thể đã phê duyệt, Trường có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học [H9.9.5.1, H9.9.5.2]. Tính đến 5/2017, Trường có 102 phòng học và giảng đường lớn với tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ học tập là 22.496,2 m², trong đó có nhiều loại phòng học với sức chứa 50, 100, 150 chỗ đến các giảng đường lớn như hội trường 400 chỗ, 1.000 chỗ [H9.9.5.3]. Bình quân diện tích lớp học/SV là 2,68 m²/SV [H9.9.5.4].

Trường có đủ trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định với 02 sân bóng đá diện tích 1.600 m²; 02 sân bóng chuyền diện tích 800 m²; sân cầu lông diện tích 600 m²; sân bóng rổ ngoài trời diện tích 400 m² và có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ để hỗ trợ giảng

dạy và tập luyện [H9.9.5.5, H9.9.5.6]. Tất cả thiết bị, dụng cụ phục vụ văn nghệ, thể dục thể thao đều được thường xuyên theo dõi, kiểm tra, nâng cấp và báo cáo hiệu quả sử dụng [H9.9.5.7, H9.9.5.8]. Ngoài ra, trong khuôn viên của Trường có sân bãi rộng 25.000 m² để SV tiến hành các hoạt động ngoại khóa như: Cắm trại, tập luyện thể thao, hội diễn văn nghệ, tập luyện võ thuật, chạy thể dục.... Bên cạnh đó, Nhà trường có hỗ trợ kinh phí trang bị dụng cụ, đạo cụ cho các đợt tập luyện và thi đấu văn nghệ, thể thao cho đội văn nghệ, đội bóng đá của Trường với các cơ quan, tổ chức khác [H9.9.5.9].

Trường chưa có ký túc xá cho SV nội trú. Tuy nhiên, hằng năm vào đợt nhập học của SV mới, Đoàn TN và Hội SV phối hợp với Ban tư vấn tuyển sinh thành lập nhóm tình nguyện nhằm hướng dẫn, giới thiệu và tìm chỗ ở cho các SV. Các chỗ ở này là các cơ sở nhà trọ mà Nhà trường đã ký kết hợp đồng ghi nhớ giữa Trường và các chủ cơ sở nhà trọ nhằm đảm bảo chỗ ở cho SV của Trường [H9.9.5.10]. Bên cạnh đó, Nghị quyết 6 tháng đầu năm 2017 của HĐQT đã thống nhất chủ trương xây dựng ký túc xá cho SV nội trú tại Trường [H9.9.5.11].

Năm học 2016 - 2017, Trường tiến hành khảo sát về tiêu chí mức độ đáp ứng của trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ. Kết quả đánh giá nhận được từ SV với ý kiến “đồng ý và hoàn toàn đồng ý” là 81,58% đối với SV; đối với CBQL, GV, NV đánh giá đạt 74,52% (với các ý kiến được đánh giá theo thang đo từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý) [H9.9.5.12].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích lớp học đáp ứng nhu cầu học tập từng ngành đào tạo theo quy định; có các hội trường thoáng mát hỗ trợ tốt các hoạt động tập luyện và tổ chức văn nghệ; có sân bãi rộng rãi đáp ứng nhu cầu học và thi đấu các hoạt động thể dục thể thao.

3. Tồn tại

Trường chưa có ký túc xá phục vụ nhu cầu SV nội trú.

4. Kế hoạch hành động

Trong Nghị quyết HĐQT 6 tháng đầu năm 2017, Trường đã có kế hoạch xây dựng ký túc xá cho SV nội trú. Giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường tiếp tục

mở rộng khuôn viên của Nhà trường, bố trí, sắp xếp và sửa chữa CSVC theo kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn mới.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả

Tổng diện tích phòng làm việc của Trường là 5.374,6 m² với 30 phòng làm việc bố trí tại dãy nhà F; 02 văn phòng bộ môn đặt tại dãy A, Trường có đủ phòng làm việc cho các CBQL, GV và NV cơ hữu theo quy định. Bình quân diện tích làm việc dành cho một CBQL, GV và NV cơ hữu là 7,73 m² /người theo văn bản quy hoạch tổng thể của Trường đã được xây dựng [H9.9.6.1, H9.9.6.2].

Trường xây dựng các phòng làm việc phù hợp với tình hình hoạt động của Trường và theo đúng tiêu chuẩn được quy định (Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05/7/1999 và số 260/2006/QĐ-TTg ngày 14/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ [M6]). Các phòng làm việc của Nhà trường được bố trí hợp lý, đầy đủ, cụ thể, HĐQT có 03 phòng, BGH có 04 phòng và các đơn vị mỗi đơn vị một phòng với bình quân diện tích từ 24 - 231 m²/phòng tùy thuộc vào số lượng CBQL, GV và NV của đơn vị, riêng khoa đào tạo có thêm phòng họp sinh hoạt chuyên môn cho GV [H9.9.6.3]. Các phòng làm việc được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết như: Máy lạnh, máy tính, máy in, điện thoại, bàn làm việc, bàn họp, tủ hồ sơ... [H9.9.6.4]. Trường cũng ban hành văn bản phân bổ chức năng các phòng làm việc của Trường, nhờ đó các hoạt động của Trường được thực hiện một cách nhanh chóng và hiệu quả [H9.9.6.5].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng làm việc cho CBQL, GV và NV cơ hữu. Các phòng làm việc được trang bị đầy đủ các thiết bị tất yếu phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH.

3. Tồn tại

Trường chưa bố trí phòng làm việc riêng cho một số giáo sư và phó giáo sư.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2017 - 2022, Trường đảm bảo phòng làm việc riêng phù

hợp với điều kiện giảng dạy và nghiên cứu của các giáo sư và phó giáo sư.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.7. Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả

Theo quy hoạch mặt bằng tổng thể, bản đồ hiện trạng thửa đất tổng diện tích sử dụng đất của Trường là 124.601,8 m², theo văn bản giao đất của UBND TP Cần Thơ và UBND Quận Cái Răng diện tích đất hiện có của Trường là 88.649 m² [H9.9.7.1, H9.9.7.2], Trường đáp ứng yêu cầu mở trường ĐH theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng xây dựng tổng thể trực tiếp phục vụ đào tạo của toàn Trường là 22.496,2 m² trong đó diện tích hội trường, phòng học là 14.908,2 m²; diện tích phòng thực hành, thí nghiệm là 5.560 m²; diện tích thư viện là 2.028 m², diện tích khu hoạt động thể dục thể thao toàn Trường là 28.400 m², với tổng số SV hiện có là 8.403 SV thì tỷ lệ bình quân diện tích phục vụ học tập đạt 2,68 m²/SV, diện tích đất Nhà trường cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập [H9.9.7.3]. Bên cạnh đó, trong thời gian sắp tới, theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500, Trường sẽ phát triển CSVC như xây dựng thêm ký túc xá, nhà thi đấu đa năng, nhà ăn, các xưởng thực hành, sân bãi, công viên và mở rộng khu hiệu bộ, thư viện, ... [H9.9.7.4].

Trường nằm ở ngoại ô cách trung tâm TP Cần Thơ 5 km cấp quốc lộ 1A, đây là điều kiện thuận lợi cho người học và phụ huynh đến liên hệ với Trường. Trường được xây dựng ở vị trí yên tĩnh rất thuận lợi cho việc học tập và NCKH; có môi trường thông thoáng, mát mẻ rất tốt cho sức khỏe người dạy và người học; có đường giao thông thuận tiện đảm bảo cho việc đi lại của CBQL, GV, NV, SV và vận chuyển trang thiết bị, vật tư; có hệ thống điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi và có hệ thống các dịch vụ phục vụ cho SV như: Căn tin, ATM, máy bán hàng tự động,

2. Điểm mạnh

Trường có diện tích mặt bằng tổng thể và diện tích sử dụng đất phân khu chức năng được quy hoạch cơ bản đạt theo các tiêu chí quy định của bộ tiêu chuẩn TCVN 3981-85.

3. Tồn tại

Phần diện tích đất còn lại nằm trong phạm vi quy hoạch xây dựng của Trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng dẫn đến tiến độ xây dựng dự án không được đảm bảo theo kế hoạch.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 01/2018, Trường kết hợp với các đơn vị liên quan đẩy nhanh việc thực hiện tiến độ giải phóng mặt bằng trong phạm vi quy hoạch của Trường trong thời gian sớm nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.8. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.

1. Mô tả

Công tác quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH gắn liền với kế hoạch chiến lược của Trường [H9.9.8.1, H9.9.8.2]. Năm 2007, Trường đầu tư xây dựng nhà học A, B, C với tổng diện tích sàn là 5.180 m²; năm 2009 xây dựng nhà học D với tổng diện tích sàn sử dụng là 5.844 m²; năm 2010 xây dựng nhà học chính với tổng diện tích sàn xây dựng là 18.522 m², tổng diện tích sàn xây dựng toàn Trường tính đến năm 2017 là 76.129 m² trong đó diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo là 22.496,2 m² [H9.9.8.3, H9.9.8.4, H9.9.8.5, H9.9.8.6]. Quy mô xây dựng phát triển theo tình hình sử dụng của các đơn vị, trong đó các hạng mục như nhà làm việc, hội trường, phòng học, phòng thực hành, thư viện, phòng truyền thống, khu thể dục thể thao được chú trọng.

Căn cứ sứ mạng, tầm nhìn của Trường, việc phát triển CSVC được Trường hoạch định rõ trong văn bản chiến lược ngay từ những ngày đầu thành lập: Đầu tư CSVC đầy đủ để đáp ứng nhu cầu đào tạo của Trường; xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục: Giảng đường, hội trường, ký túc xá SV, sân thể thao đa năng, phòng thí nghiệm, thư viện điện tử, nhà xưởng thực hành, ... [H9.9.8.7]. Tính đến hiện nay, Trường đã cơ bản hoàn chỉnh các hạng mục giảng đường, hội trường, phòng thí nghiệm, thư viện điện tử và khối nhà học chữ O. Bên cạnh đó, theo chiến lược phát triển đến năm 2022 và quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500, Trường tiếp tục xây dựng ký túc xá, nhà thi đấu đa năng, nhà ăn, các xưởng thực hành, sân bãi, công viên và tiếp tục mở rộng khu hành chính, giảng đường, thư

viện, ... [H9.9.8.8].

CSVC được trang bị dựa theo đề án khai thác và phát triển CSVC của Trường và tuân theo quy trình mua sắm, trong đó các quyết định phê duyệt và nghiệm thu dự án cung cấp các trang thiết bị thuộc các phòng thí nghiệm, thực hành được thực hiện chặt chẽ, nghiêm ngặt và cuối mỗi năm học, được tổng hợp báo cáo tổng kết đến BGH về việc thực hiện các kế hoạch đề ra [H9.9.8.9].

2. Điểm mạnh

Trường có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC phù hợp với kế hoạch chiến lược. CSVC phát triển theo hướng mở rộng quy mô đào tạo, phát triển phòng thí nghiệm đáp ứng nhu cầu học, giảng dạy và NCKH của CBQL, GV, NV và người học tại Trường.

3. Tồn tại

Bản quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC của Nhà trường chưa được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật cho phù hợp với tình hình và định hướng phát triển của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong tháng 01/2018, trên cơ sở chiến lược mới của Nhà trường, Trường sẽ điều chỉnh, bổ sung và cập nhật bản quy hoạch tổng thể mới về sử dụng và phát triển CSVC.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.9. Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Trường hiện có tổ bảo vệ gồm 06 người hoạt động thường trực 24/24 theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H9.9.9.1]. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của bộ phận này được quy định rõ ràng và có các tiêu chuẩn về nghiệp vụ [H9.9.9.2]. Tổ bảo vệ được trang bị hệ thống máy bộ đàm hiện đại, được cấp đồng phục, được tập huấn nghiệp vụ, được hỗ trợ bởi hệ thống camera; báo trộm, báo cháy lắp đặt tại các phòng làm việc, thư viện, phòng học và phòng thí nghiệm [H9.9.9.3]. Trường có quy định về công tác ANTT, bên cạnh đó tổ bảo vệ thường xuyên phối hợp, liên kết với công an địa phương để kiểm tra giám sát bồi dưỡng nghiệp vụ trong việc đảm bảo ANTT trong Trường

[H9.9.9.4, H9.9.9.5].

Trường có đội PCCC cơ sở với 27 thành viên có lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp tham gia [H9.9.9.6]. Từ năm 2012 - 2017, Trường đã tổ chức 4 lần tập huấn nghiệp vụ PCCC với 39 đối tượng tham gia, trong đó có 12 cá nhân được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và 01 lần thực tập phương án chữa cháy và cứu hộ cứu nạn [H9.9.9.7]. Trường định kỳ được Công an PCCC Quận Cái Răng tiến hành kiểm tra công tác PCCC, trên cơ sở tự kiểm tra công tác PCCC của Trường. Qua các đợt kiểm tra, phòng cảnh sát PCCC quận đánh giá tốt về các hệ thống PCCC, công tác kiểm tra an toàn, lối thoát hiểm và công tác tuyên truyền PCCC [H9.9.9.8]. Các thiết bị chữa cháy được trang bị đầy đủ; có kế hoạch định kỳ thay bình ắc quy; bổ sung đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn lối thoát nạn, nạp sạc bình chữa cháy; mua sắm mới cho phù hợp với yêu cầu phát triển về CSVC. Tính đến tháng 7/2017, Nhà trường đã trang bị bình chữa cháy tại các dãy là 180 bình CO₂, 73 bình bột và 31 cuộn dây cứu hỏa, tất cả thiết bị khi kiểm tra còn sử dụng tốt [H9.9.9.9]. Đầu mỗi dãy phòng học, phòng làm việc đều có gắn nội quy, tiêu lệnh, hộp đựng dụng cụ chữa cháy, chuông báo cháy, bình chữa cháy cá nhân và đầu báo khói [H9.9.9.10]. Khuôn viên Trường được xây dựng hàng rào bao quanh, có quy hoạch phân khu đỗ xe đảm bảo hành lang an toàn PCCC cũng như hành lang lưu thông nội bộ trong Trường.

Ở mỗi phòng thực hành, phòng thí nghiệm đều có nội quy phòng thí nghiệm, qui định về an toàn phòng thí nghiệm, an toàn hóa chất, các dụng cụ thủy tinh [H9.9.3.2]. Trường có 01 phòng y tế với 02 NV có chuyên môn nghiệp vụ tốt phục vụ cho CBQL, GV, NV và SV trong Trường [H9.9.9.11]. Căn tin Trường có giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm, Thêm vào đó, Trường cũng thành lập Tổ giám sát vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm vào năm 2017, định kỳ mỗi tháng tổ thực hiện kiểm tra an toàn thực phẩm ở căn tin Trường [H9.9.9.12]. Trường còn có đội ngũ NV dọn dẹp vệ sinh phòng ốc cũng như khuôn viên Trường để đảm bảo Trường luôn sạch đẹp [H9.9.9.13]. Bốn tháng 1 lần trong năm, Nhà trường tiến hành xịt thuốc ngăn ngừa mối tại các phòng làm việc và phòng lưu trữ hồ sơ, cũng như tiến hành phun thuốc diệt ruồi, muỗi khuôn viên Trường. Bên cạnh đó, Trường ký kết hợp đồng với đơn vị xử lý rác thải và đơn vị cung cấp xử lý dịch vụ vệ sinh để đảm bảo vệ sinh trong Trường [H9.9.9.14]. Ngoài ra, để đảm bảo công tác an ninh, trật tự phòng chống cháy nổ, Trường đã kết hợp với Ban chỉ huy quân sự quận Cái Răng thành lập

Trung đội tự vệ cơ quan gồm 32 đồng chí với nhiệm vụ giữ gìn an toàn chính trị - trật tự an toàn xã hội trong phạm vi toàn Trường. Trường được đánh giá là An toàn - Văn minh - Không có tội phạm và tệ nạn xã hội [H9.9.9.15].

2. Điểm mạnh

Trường luôn thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo ANTT an toàn cho CBQL, GV, NV và SV. Trường phối hợp chặt chẽ với PA83 và công an phường để đảm bảo tốt an ninh, trật tự và an toàn cho CBQL, GV, NV và SV trong toàn Trường.

3. Tồn tại

Một vài SV chưa có ý thức tự bảo vệ tài sản cá nhân nên đã xảy ra một vài trường hợp bị mất tài sản cá nhân.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018, Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền về đảm bảo an ninh, trật tự cho toàn thể CBQL, GV, NV và SV để nâng cao ý thức cảnh giác và bảo quản tài sản cá nhân và đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Thư viện và các hệ thống học liệu, CSVC, kỹ thuật phục vụ đào tạo và NCKH của Trường được đầu tư theo kế hoạch, về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu sử dụng của CBQL, GV, NV và SV. Trường có tổng diện tích mặt bằng đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chuẩn TCVN 3981-85 quy định về diện tích chuẩn đối với trường ĐH. Trường có đủ số giảng đường, phòng học và phòng thí nghiệm/thực hành phục vụ đào tạo và NCKH; có đủ số phòng làm việc cho CBQL, GV và NV cơ hữu. Công tác bảo vệ trật tự an ninh, an toàn PCCC được quan tâm và hoạt động có hiệu quả.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9

TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Mở đầu

Đặc thù của Trường ĐHTĐ là trường ngoài công lập nên được tự chủ về tài chính. Trong những năm qua, Trường đã xây dựng hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp và đáp ứng các yêu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường theo quy định của Nhà nước; thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.

1. Mô tả

Từ khi thành lập, Trường ĐHTĐ đã có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường tuân theo các quy định về tài chính của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐH tự thực ban hành theo Quyết định số 14/2005/QĐ-TTg ngày 17/01/2005, Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg ngày 10/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH tự thực ban hành kèm theo Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg, Điều lệ Trường ĐH ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014.

Nguồn thu của Trường bao gồm:

- Vốn góp của các nhà đầu tư.
- Học phí.
- Lệ phí.
- Các hợp đồng NCKH và công nghệ.
- Các nguồn tài trợ.
- Lãi tiền gửi ngân hàng.
- Các hợp đồng giao khoán căn tin, bãi giữ xe, cho thuê hội trường.
- Thu thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ.
- Các khoản thu hợp pháp khác.

Để đảm bảo việc thực hiện sứ mạng và mục tiêu của Trường, đáp ứng việc chi cho các hoạt động thường xuyên, đầu tư xây dựng CSVN, Trường cần có nguồn lực tài chính dồi dào. Nhận thức rõ điều này, Trường đã có chiến lược khai thác nguồn tài chính gắn liền với chiến lược phát triển [H10.10.1.1]. Để tăng các nguồn thu trong các năm qua, Trường đã thực hiện các biện pháp:

- Nâng cao chất lượng, mở rộng các loại hình đào tạo [H10.10.1.1, M7]. Sau hơn 10 năm hình thành và phát triển, Trường liên tục dựa trên nhu cầu xã hội, Trường đã mở ngành và tuyển sinh đào tạo 03 ngành thạc sĩ, 19 ngành ĐH, 02 ngành CĐ, 06 ngành liên thông CĐ lên ĐH, 04 ngành liên thông trung cấp lên CĐ. Ngoài ra, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - CĐR&PTNNL cùng các khoa liên tục mở các lớp đào tạo ngắn hạn như: Kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ, tin học [H10.10.1.2]. Trường đang hoàn thiện các thủ tục thực hiện chương trình hợp tác với các tập đoàn, tổ chức giáo dục của các nước để đa dạng hóa loại hình đào tạo, đẩy mạnh HTQT [H10.10.1.3].

- Đẩy mạnh công tác triển khai các đề tài nghiên cứu, các dự án NCKH và chuyển giao công nghệ [H10.10.1.4].

- Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài trợ, nguồn vốn vay ưu đãi ngoài nguồn ngân sách, tài trợ cho các hoạt động NCKH [H10.10.1.6]. Hằng năm, Trường đều có trích một phần nguồn thu học phí, hỗ trợ cho các hoạt động NCKH [H10.10.1.6].

- Trường có các biện pháp khen thưởng khuyến khích các đơn vị, cá nhân có các biện pháp tìm kiếm, nâng cao nguồn tài chính hợp pháp như khen thưởng thành tích trong việc mở ngành, tuyển sinh, tìm kiếm nguồn tín dụng ưu đãi... [H10.10.1.7].

Trường đã có chiến lược để phát huy những thế mạnh hiện có, phát triển nguồn thu hợp pháp, được thể hiện thông qua kế hoạch chiến lược phát triển của Trường và kế hoạch chiến lược giai đoạn 2017 - 2022, tầm nhìn đến năm 2030 của Phòng Tài chính Kế hoạch. Trong đó, chú trọng nâng cao tỉ lệ thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ [H10.10.1.8].

Nguồn thu của Trường được khai thác một cách hợp lý, trong 5 năm qua nguồn thu từ các hoạt động có xu hướng tăng lên đáp ứng có hiệu quả nhu cầu về kinh phí cho các mảng hoạt động theo mục tiêu chiến lược ưu tiên của Trường [H10.10.1.9].

Các khoản chi của Trường được quy định rõ về định mức, thủ tục trong

Quy chế tài chính và quản lý tài sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung [H10.10.1.10]. Hằng năm, Trường đều có kế hoạch thu chi được thông qua HĐQT [H10.10.1.11]. Các khoản đã chi trong năm đều được phản ánh đầy đủ trong báo cáo tài chính hằng năm [H10.10.1.12], báo cáo thống kê gửi Sở Giáo dục và Đào tạo, báo cáo gửi cơ quan thống kê, báo cáo gửi Bộ GD&ĐT và báo cáo công khai tài chính, các báo cáo đều có thể thống kê, so sánh về cơ cấu thu - chi [H10.10.1.13]. Hằng năm, Trường có báo cáo phân tích một số chỉ tiêu tài chính để rút ra kinh nghiệm [H10.10.1.14].

Nguồn tài chính của Trường là hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích, tập trung cho hoạt động đào tạo, đầu tư xây dựng CSVC, trang thiết bị. Trường đã giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng các phòng học, phòng thí nghiệm, công trình phụ như: Các dãy nhà trệt, khối nhà chữ U, khối nhà chính, dãy phòng thí nghiệm, trại thực nghiệm thủy sản, phòng thí nghiệm sinh vật, khối nhà giữ xe, sân thể thao [H10.10.1.15].

Trường thực hiện đúng báo cáo công khai tài chính hằng năm theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT [H10.10.1.16].

Báo cáo tài chính của Trường hằng năm được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập và đều đảm bảo tính trung thực, hợp lý [H10.10.1.17]. Cục thuế Thành phố Cần Thơ đã tiến hành kiểm tra thuế giai đoạn 2012 - 2015 và kết luận Trường thực hiện kê khai, nộp đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước [H10.10.1.18]. Ngoài ra, hằng năm Trường đều được nhận giấy khen, bằng khen về công tác thực hiện kê nộp thuế [H10.10.1.19], và tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị, bộ phận thuộc Trường về các quy định, quy trình và các biểu mẫu.

2. Điểm mạnh

Trường có chiến lược để tăng các nguồn thu như mở thêm ngành đào tạo, tăng cường hoạt động NCKH và HTQT. Nguồn tài chính được sử dụng đúng mục đích, các khoản thu chi được phản ánh trung thực, đầy đủ, minh bạch, báo cáo theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và các cơ quan chức năng.

3. Tồn tại

Nguồn thu chủ yếu là học phí của SV. Nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, từ hoạt động HTQT chiếm tỉ trọng thấp, không đáng kể. Nguyên nhân do hoạt động NCKH tuy được khuyến khích, số lượng các đề tài,

bài báo tăng nhưng số lượng đề tài được áp dụng vào thực tế và tạo ra doanh thu còn ít. Hoạt động HTQT ở bước đầu, chưa có nhiều chương trình hợp tác tạo ra doanh thu.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 5 năm 2017-2021, Trường tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa nguồn thu phục vụ cho nhu cầu phát triển trong giai đoạn tới của Trường như mở thêm các ngành học mà xã hội có nhu cầu. Đặc biệt, có các biện pháp đẩy mạnh nguồn thu từ NCKH, chuyển giao công nghệ và HTQT: Trường, Khoa là đầu mối liên hệ để áp dụng các kết quả NCKH vào thực tế, chuyển giao công nghệ, tạo doanh thu. Tiếp tục đưa các chương trình HTQT đã đàm phán, kí kết MOU vào thực hiện; tìm kiếm các đối tác, chương trình HTQT có hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo quy định.

1. Mô tả

Công tác lập kế hoạch tài chính trong những năm qua luôn được chú trọng. Kế hoạch được lập dựa trên kế hoạch tài chính của các đơn vị trực thuộc. Vào tháng 11 hằng năm, các đơn vị thuộc trường lập kế hoạch tài chính năm sau theo công văn thông báo của BGH và gửi về Phòng Tài chính Kế hoạch để tổng hợp và trình BGH, HĐQT phê duyệt [H10.10.2.1].

Riêng đối với hoạt động mua sắm tài sản, các đơn vị trực thuộc lập kế hoạch, Phòng QTTB tổng hợp trình BGH, HĐQT phê duyệt. Các đối tác được chọn trên nguyên tắc chào giá cạnh tranh hoặc đấu thầu đối với hợp đồng giá trị lớn [H10.10.2.2]. Đối với công tác đầu tư xây dựng, Trường lập báo cáo đánh giá tính khả thi của dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt, tiến hành chào giá cạnh tranh hoặc đấu thầu để chọn đối tác [H10.10.2.3].

Trường phân bổ các khoản chi đảm bảo thực hiện chiến lược, kế hoạch hoạt động chung. Trường đảm bảo chi đúng và đủ, bảo đảm các quyền lợi của CBQL, GV, NV và SV theo chế độ quy định như: Quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...), chi trả học bổng và trợ cấp cho SV và thực hiện chế độ miễn giảm học phí SV [H10.10.2.4].

Công tác quản lý tài chính đã được tin học hóa với sự hỗ trợ của các phần mềm đã giúp quản lý tốt công tác tài chính, tiết kiệm nhân lực, thời gian, chi phí. Các phần mềm hiện có là phần mềm kế toán VietSun, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm kê khai thuế [H10.10.2.5]. Ngoài ra, Trường còn liên kết với các ngân hàng như: Ngân hàng Đông Á, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Eximbank... phát hành thẻ liên kết cho SV (thẻ SV kết hợp thẻ ATM) để tiến hành thu học phí qua thẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và Trường [H10.10.2.6].

Trường quản lý chi tiêu qua các quy định về định mức, chế độ quy định trong Quy chế tài chính và quản lý tài sản, quy chế lương và chế độ tiền lương và các văn bản sửa đổi, bổ sung [H10.10.1.11].

Công tác quản lý tài chính của Trường ngày càng được chuẩn hoá. Các quy trình, quy định liên quan đến tài công tác tài chính đã được ban hành đến các đơn vị trực thuộc và được đăng trên trang thông tin điện tử của Trường và Phòng Tài chính Kế hoạch. Cụ thể đã có 05 quy trình cơ bản, trên 20 biểu mẫu và nhiều quy định liên quan đã được xây dựng, ban hành. [H10.10.2.7].

Các biểu mẫu, thủ tục thu - chi thanh toán liên quan đến CBQL, GV, NV và SV đều công khai tại Phòng Tài chính Kế hoạch, trên trang thông tin điện tử của Trường và của Phòng Tài chính Kế hoạch [H10.10.2.8].

Các thông báo thu học phí, lệ phí, chi trả học bổng, các khoản hỗ trợ đều được thông báo rộng rãi bằng văn bản giấy, trên trang thông tin điện tử của Trường và của Phòng Tài chính Kế hoạch [H10.10.2.9].

Nguồn tài chính được quản lý tập trung tại Phòng Tài chính Kế hoạch của Trường. Các khoản thu, chi đều được phản ánh vào báo cáo tài chính năm [H10.10.1.13], các chỉ tiêu tài chính được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường www.tdu.edu.vn theo Quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT [H10.10.2.10].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm một cách có hệ thống, đầy đủ, sát với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo các hoạt động; có tích lũy để tái đầu tư phát triển CSVC và nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động. Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch và đúng quy định.

Các đơn vị trực thuộc Trường luôn tuân thủ theo quy định và quy trình quản lý tài chính do HĐQT, BGH ban hành.

3. Tồn tại

Quy chế tài chính và quản lý tài sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung chưa được tổng hợp thành Quy chế chi tiêu nội bộ do chưa có sự chỉ đạo từ HĐQT, BGH.

Công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị trực thuộc về các quy định, quy trình, các biểu mẫu liên quan đến tài chính chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 4 - 9/2018 hoàn thành công tác tổng hợp từ Quy chế tài chính và quản lý tài sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung thành Quy chế chi tiêu nội bộ và tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị, bộ phận thuộc trường về các quy định, quy trình và các biểu mẫu.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.3. Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.

1. Mô tả

Nguồn tài chính của Trường được phân bổ hợp lý, có trọng tâm với ưu tiên hàng đầu là nâng cao chất lượng đào tạo, khoản chi dành cho hoạt động đào tạo và hoạt động NCKH đều có xu hướng tăng [H10.10.3.1]. Điều này phù hợp với quy mô SV, học viên của Trường; phù hợp với định hướng khuyến khích hoạt động NCKH; yêu cầu phát triển và mục tiêu, chiến lược hoạt động của Trường giai đoạn 2012 - 2017.

Việc phân bổ các nguồn tài chính căn cứ vào sứ mạng, mục tiêu chiến lược, chương trình hành động và kế hoạch chung của Trường, của từng đơn vị trực thuộc thể hiện qua kế hoạch thu - chi được HĐQT phê duyệt hằng năm. Trong kế hoạch thu - chi hằng năm thể hiện rõ chi phí phân bổ cho từng hoạt động, đơn vị trực thuộc [H10.10.3.2].

Kế hoạch thu - chi của từng đơn vị sau khi được duyệt sẽ được gửi lại cho các đơn vị trực thuộc, các đơn vị liên quan biết và thực hiện [H10.10.3.3].

Việc cập nhật, điều chỉnh việc phân bổ khoản chi cho phù hợp với tình hình thực tế được thực hiện linh hoạt. Khi có những yêu cầu đột xuất, đơn vị

sẽ lập đề nghị, thông qua BGH và HĐQT phê duyệt [H10.10.3.4].

Báo cáo tài chính hằng năm của Trường đều được phân tích, đánh giá các chỉ số tài chính để có các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng [H10.10.1.15].

2. Điểm mạnh

Việc phân bổ tài chính hằng năm cho các hoạt động hợp lý và hiệu quả, do vậy đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chung của Trường, đồng thời góp phần nâng cao đời sống của người lao động, xây dựng CSVC, đổi mới trang thiết bị đáp ứng nhu cầu học tập của SV.

3. Tồn tại

Tỉ lệ nguồn tài chính phân bổ cho hoạt động NCKH còn nhỏ bé (chiếm chưa đến 1%) do số lượng đề tài đăng kí hằng năm còn thấp, quy mô đề tài nhỏ bé.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2017 - 2021, Trường tiếp tục khuyến khích hoạt động NCKH, đạt mục tiêu nguồn chi cho NCKH đạt ít nhất 2% vào năm 2021.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Trường ĐHTĐ đã có nhiều giải pháp tích cực để chuẩn hóa công tác quản lý tài chính. Công tác quản lý tài chính được thực hiện minh bạch, hiệu quả đúng theo Quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động trường ĐH tư thục. Trường đã linh hoạt, chủ động về tài chính, cân đối thu chi bằng nguồn lực chính mình là chủ yếu, góp phần đảm bảo thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường trong mọi lĩnh vực.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

PHẦN IV. KẾT LUẬN

Trường ĐHTĐ, qua hơn 10 năm hình thành và phát triển, đã từng bước hoàn thành được sứ mạng và mục tiêu chiến lược đã đề ra, thông qua các hoạt động đào tạo có chất lượng; xây dựng và phát triển đội ngũ CBQL, GV và NV vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ; CSCV, trang thiết bị quản lý, giảng dạy và thực hành, thí nghiệm, ... đáp ứng cho nhu cầu tham khảo, giảng dạy và học tập của GV và người học.

Kết quả tự đánh giá của Trường ĐHTĐ là minh chứng nhằm công bố với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan, người học và xã hội về chất lượng đào tạo của Trường, đồng thời, thông qua công tác tự đánh giá, Trường đã xây dựng được kế hoạch hành động khả thi trung và dài hạn một cách cụ thể, nhằm khắc phục những tồn tại, không ngừng cải tiến, nâng cao công tác quản lý, tổ chức hoạt động đào tạo có chất lượng, giữ vững và phát triển thương hiệu “Đại học Tây Đô”. Kết quả tự đánh giá còn cho thấy trong 61 tiêu chí KĐCLGD, Trường ĐHTĐ đã đạt 59/61 tiêu chí (96,72%). Với kết quả tự đánh giá này, Trường nghiêm túc nhìn nhận các tồn tại về công tác quản lý tổ chức, CTĐT, công tác NCKH và HTQT, Qua đó Trường tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tiến và thường xuyên nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Trường với tinh thần cầu tiến, sẵn sàng thay đổi và chấp nhận thách thức để hiện thực hóa sứ mạng, tầm nhìn của Trường.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: DTD
Tên trường: ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ
Khối ngành: A, A1, B, C, D1
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 31/7/2017



Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu trường đại học			
Tiêu chí 1.1	Đ		
Tiêu chí 1.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý			
Tiêu chí 2.1	Đ		
Tiêu chí 2.2	Đ		
Tiêu chí 2.3	Đ		
Tiêu chí 2.4	Đ		
Tiêu chí 2.5	Đ		
Tiêu chí 2.6	Đ		
Tiêu chí 2.7	Đ		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục			
Tiêu chí 3.1	Đ		
Tiêu chí 3.2	Đ		
Tiêu chí 3.3	Đ		
Tiêu chí 3.4	Đ		
Tiêu chí 3.5	Đ		
Tiêu chí 3.6	Đ		

Tiêu chuẩn 6: Người học			
Tiêu chí 6.1	Đ		
Tiêu chí 6.2	Đ		
Tiêu chí 6.3	Đ		
Tiêu chí 6.4	Đ		
Tiêu chí 6.5	Đ		
Tiêu chí 6.6	Đ		
Tiêu chí 6.7	Đ		
Tiêu chí 6.8	Đ		
Tiêu chí 6.9	Đ		
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ			
Tiêu chí 7.1	Đ		
Tiêu chí 7.2	Đ		
Tiêu chí 7.3	Đ		
Tiêu chí 7.4	Đ		
Tiêu chí 7.5	Đ		
Tiêu chí 7.6	Đ		
Tiêu chí 7.7	Đ		

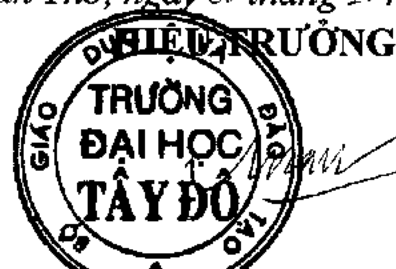
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo			
Tiêu chí 4.1	Đ		
Tiêu chí 4.2	Đ		
Tiêu chí 4.3	Đ		
Tiêu chí 4.4	Đ		
Tiêu chí 4.5	Đ		
Tiêu chí 4.6	Đ		
Tiêu chí 4.7	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên			
Tiêu chí 5.1	Đ		
Tiêu chí 5.2	Đ		
Tiêu chí 5.3	Đ		
Tiêu chí 5.4	Đ		
Tiêu chí 5.5	Đ		
Tiêu chí 5.6	Đ		
Tiêu chí 5.7	Đ		
Tiêu chí 5.8	Đ		

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế			
Tiêu chí 8.1	Đ		
Tiêu chí 8.2		C	
Tiêu chí 8.3		C	
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác			
Tiêu chí 9.1	Đ		
Tiêu chí 9.2	Đ		
Tiêu chí 9.3	Đ		
Tiêu chí 9.4	Đ		
Tiêu chí 9.5	Đ		
Tiêu chí 9.6	Đ		
Tiêu chí 9.7	Đ		
Tiêu chí 9.8	Đ		
Tiêu chí 9.9	Đ		
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính			
Tiêu chí 10.1	Đ		
Tiêu chí 10.2	Đ		
Tiêu chí 10.3	Đ		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số tiêu chí đạt: 59/61 (chiếm 96,72%);
- Số tiêu chí chưa đạt: 2/61 (chiếm 3,28%); Số tiêu chí không đánh giá: 0/61 (chiếm 0%)

Cần Thơ, ngày 08 tháng 11 năm 2017



TRẦN CÔNG LUẬN

PHẦN V. PHỤ LỤC
CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/6/2017

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập): Trường Đại học Tây Đô
Tiếng Việt: Trường Đại học Tây Đô
Tiếng Anh: Tay Do University
2. Tên viết tắt của trường:
Tiếng Việt: ĐHTĐ
Tiếng Anh: TDU
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ trường: Số 68 Trần Chiên, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0292.3740768. Số fax: 02923.740768
E-mail: tchc.dhtd@gmail.com. Website: www.tdu.edu.vn
7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): 2006
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2006 - 2010
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2010
10. Loại hình trường đào tạo:
Công lập Bán công Dân lập Tư thực

II. Giới thiệu khái quát về Trường

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Trường

Vào đầu năm 2004, một số nhà đầu tư có tâm huyết về sự nghiệp giáo dục đến từ Thành phố HCM đã cùng bàn bạc với nguyên cán bộ lãnh đạo Thành phố Cần Thơ về kế hoạch thành lập một trường ĐH tại Thành phố Cần Thơ nhằm góp phần đào tạo nhân lực cho khu vực và địa phương. Hội nghị đã nhất trí đề xuất với UBND Thành phố Cần Thơ thành lập Trường ĐHTĐ tại địa bàn Thành phố Cần Thơ và Hội đồng sáng lập đã được thành lập theo Quyết định số 1526/QĐ-CT.UB ngày 19/5/2004 của Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ. Hội

đồng gồm có 08 người, trong đó, Ông Lu Văn Điền làm Chủ tịch, Ông Nguyễn Tiến Dũng, Ông Nguyễn Tấn Lập làm Phó Chủ tịch, Ông Võ Tông Xuân, Ông Võ Minh Căn, Ông Phan Văn Thơm, Ông Võ Khắc Thường làm ủy viên và Ông Nguyễn Phước Quý Quang, phụ trách ủy viên thư ký.

Sau hơn hai năm khẩn trương xúc tiến các thủ tục, Trường ĐHTĐ chính thức được thành lập theo Quyết định số 54/2006/QĐ-TTg ngày 09/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Trường ĐHTĐ được vinh dự là trường ĐH tư thục đầu tiên của vùng ĐBSCL, tổ chức và hoạt động theo quy chế tổ chức của trường ĐH tư thục. Trải qua hơn 10 năm hình thành và phát triển, Trường ĐHTĐ đã đạt được những thành tựu đáng trân trọng.

Bộ máy hoạt động của Trường bao gồm: Hội đồng cố vấn, HĐQT, BGH gồm Hiệu trưởng và 04 Phó Hiệu trưởng; Hội đồng KH&ĐT; Hội đồng Đảm bảo chất lượng; 07 khoa đào tạo (*Cơ bản, QTKD, Kế Toán - Tài chính - Ngân hàng, Sinh học ứng dụng, Kỹ thuật - Công nghệ, Ngữ văn, Dược - Điều dưỡng*); 12 phòng, ban, khoa, trung tâm chức năng (*TC - HC, Đào tạo, CTCT&QLSV, QLKH&HTQT, QTTB, Kế hoạch - Tài chính, Khoa Đào tạo thường xuyên, Khoa Đào tạo sau ĐH, Thư viện, Trung tâm KT&ĐBCLGD, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - CDR&PTNNL, Trung tâm HTSV&HTDN*); Ban và Tổ (*Ban Thanh tra - Pháp chế, Tổ Website*); Tổ chức Đảng, Đoàn thể gồm: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội Khuyến học, Hội cựu SV.

Tổng số CBQL, GV, NV của Trường là 695 người trong đó đội ngũ GV gồm có 07 giáo sư, 18 phó giáo sư, 80 tiến sĩ, 327 thạc sĩ và 180 ĐH. Ngoài ra, Trường còn có đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các cơ sở giáo dục khác.

Trường ĐHTĐ tuyển sinh và đào tạo 19 ngành học (*Dược, Điều dưỡng, Luật kinh tế, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, QTKD, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch), Văn học, Ngôn ngữ Anh, Nuôi trồng thủy sản, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, CNTT, Kỹ thuật điện - điện tử, Thú y*) với 36 CTĐT ĐH, 03 CTĐT thạc sĩ, 12 CTĐT trình độ CĐ và 09 CTĐT TCCN.

Hiện nay, Nhà trường đang tuyển sinh và đào tạo 19 ngành học, trong đó có 02 CTĐT trình độ CĐ, 19 CTĐT trình độ ĐH, 01 CTĐT cử nhân tài năng, 03 CTĐT trình độ thạc sĩ và một số CTĐT liên thông. Trường hiện có 8.403 SV và

học viên cao học đang học tập tại Trường.

Qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển (2006 - 2017), Trường ĐHTĐ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt được một số kết quả trong hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- **Về công tác đào tạo:** Trường đã cơ bản hoàn tất việc chuyển đổi hình thức đào tạo từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ đối với tất cả các bậc học và hệ đào tạo.

- **Hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ:** Từng bước đi vào nề nếp và mang lại hiệu quả. Hoạt động NCKH đa dạng, dưới nhiều hình thức, phù hợp với định hướng phát triển Nhà trường. Trường cũng chủ trương khuyến khích các CBQL, GV và NV viết bài và tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế. Ngoài ra, công tác NCKH trong SV cũng đạt những giải cao.

- **Hợp tác quốc tế:** Công tác HTQT của Nhà trường đã đạt một số thành tựu đáng khích lệ, Nhà trường cũng đã nhận được sự quan tâm của các trường ĐH nước ngoài trong việc hợp tác đào tạo.

- **Cơ sở vật chất** phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH ngày càng được nâng cấp và hoàn thiện.

Những thành tích nổi bật

(1) Thành tích của Nhà trường

*** Năm học 2009 - 2010:**

- Cờ thi đua của Chính phủ. Quyết định số 928/QĐ-TTg ngày 16/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua của Chính phủ cho Trường ĐHTĐ vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành giáo dục và đào tạo năm học 2009 - 2010.

- Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT. Quyết định số 3792/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2010 của Bộ GD&ĐT tặng cho Trường ĐHTĐ đã đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu năm học 2009 - 2010.

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Quyết định 3401/QĐ-BGDĐT ngày 16/8/2010 Trường nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã có thành tích xuất sắc tham gia xây dựng cụm tượng 10 nữ TN xung phong anh hùng Ngã ba Đồng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

*** Năm học 2010 - 2011:**

- Tập thể lao động xuất sắc. Quyết định số 1245/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2011, Trường ĐHTĐ đã được Bộ GD&ĐT công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc.

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Quyết định số 2921/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng cho 16 cá nhân thuộc Trường ĐHTĐ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2010 - 2011.

*** Năm học 2011 - 2012:**

- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ. Quyết định số 5481/QĐ-BGDĐT ngày 10/12/2012 của Bộ GD&ĐT công nhận danh hiệu: Chiến sĩ thi đua cấp Bộ cho Ông Phan Văn Thơm, Quyền Hiệu trưởng Trường ĐHTĐ đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác từ năm học 2009 - 2010 đến năm học 2011 - 2012.

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 560/QĐ-TTg ngày 08/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho TS. Nguyễn Tiến Dũng, Phó Hiệu trưởng Trường ĐHTĐ đã có thành tích trong công tác giáo dục, đào tạo từ năm học 2007 - 2008 đến năm học 2011 - 2012, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

*** Năm học 2012 - 2013:**

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Quyết định số 5379/QĐ-BGDĐT, ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng cho Trường ĐHTĐ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2012 - 2013.

*** Năm học 2014 - 2015:**

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 1984/QĐ-TTg, ngày 13/11/2015. Sổ vàng số: 01 của Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho Trường ĐHTĐ đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

(2) Đảng bộ Trường ĐHTĐ được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh 8 năm liền từ 2009 - 2016.

(3) Công đoàn

*** Năm học 2012 - 2013:** Đạt danh hiệu tập thể CĐCS vững mạnh xuất sắc

năm học 2012 - 2013; 33 cá nhân nhận bằng khen của Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ; 23 cá nhân nhận giấy chứng nhận “Giỏi việc nước - Đảm việc nhà”; 92 cá nhân đạt danh hiệu CĐV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

* **Năm học 2013 - 2014:** Đạt danh hiệu tập thể CĐCS vững mạnh xuất sắc năm học 2013 - 2014; 01 cá nhân nhận bằng khen của Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua công nhân viên chức lao động Thành phố Cần Thơ lần thứ IV (2010 - 2015); 29 cá nhân được trao tặng Bằng khen của Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ; 17 cá nhân đạt danh hiệu “Giỏi việc nước - Đảm việc nhà” của Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ; 112 cá nhân đạt danh hiệu CĐV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

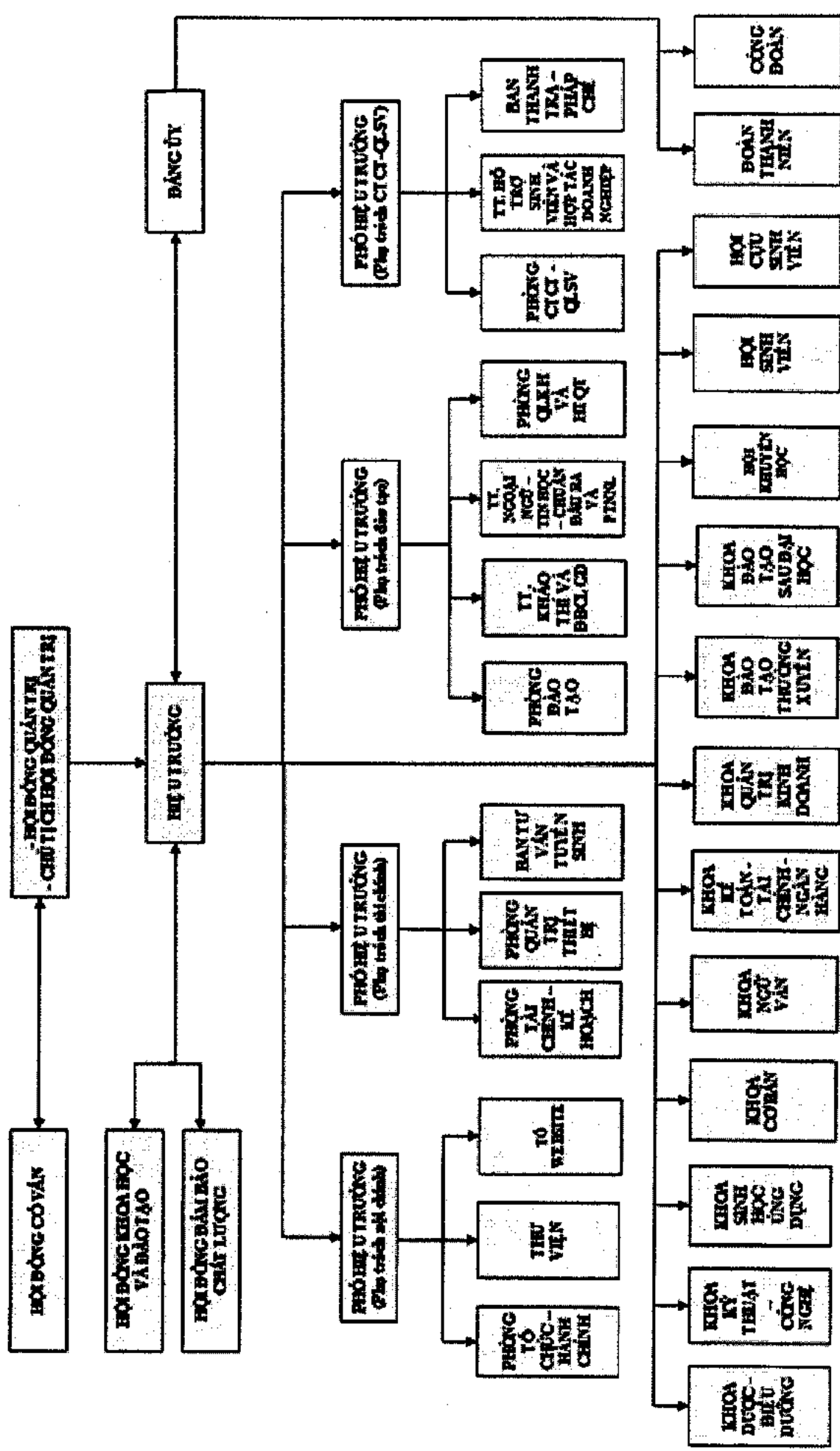
* **Năm học 2014 - 2015:** Công đoàn trường vinh dự nhận được bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho 01 tập thể và 01 cá nhân; 23 cá nhân nhận bằng khen toàn diện của Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ; 07 cá nhân nhận bằng khen “Giỏi việc nước - Đảm việc nhà” của Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ; 15 cá nhân nhận giấy chứng nhận “Giỏi việc nước - Đảm việc nhà”; 102 cá nhân đạt danh hiệu CĐV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

* **Năm học 2015 - 2016:** Công đoàn trường đã thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Trường (09/3/2009 - 09/3/2016). Kết quả công đoàn trường vinh dự nhận được 01 bằng khen của Tổng Liên đoàn cho cá nhân; 01 cờ thi đua của Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ cho tập thể và 23 bằng khen toàn diện cho cá nhân; 02 cá nhân nhận bằng khen “Giỏi việc nước - Đảm việc nhà” của Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ; 27 cá nhân nhận giấy chứng nhận “Giỏi việc nước - Đảm việc nhà”; 11 tập thể đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 70 cá nhân đạt danh hiệu CĐV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

(4) Đoàn TN: Nhiều bằng khen và giấy khen của TW Đoàn, Hội SV, Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ khen tặng Đoàn TNCS HCM, Hội SV trường và cá nhân.

Công an Thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận Trường ĐHTĐ là cơ quan đạt 4 tiêu chuẩn an toàn về ANTT.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của Nhà trường



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
1. Hội đồng quản trị	Nguyễn Tiến Dũng	TS, Chủ tịch Hội đồng quản trị	0903916405	ntdung@tdu.edu.vn
	Võ Khắc Thường	PGS.TS, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	0903703753	vkthuong@tdu.edu.vn
	Nguyễn Phước Quý Quang	TS, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	0913928990	npqquang@tdu.edu.vn
	Nguyễn Tấn Lập	GS. TSKH, Ủy viên Hội đồng quản trị	0903755568	ntlap@tdu.edu.vn
	Phan Văn Thơm	PGS.TS, Ủy viên Hội đồng quản trị	0982989090	pvthom@tdu.edu.vn
	Trần Công Luận	PGS.TS, Hiệu trưởng	0903671323	tbluan@tdu.edu.vn
2. Ban Giám hiệu	Nguyễn Tiến Dũng	TS, Phó Hiệu trưởng	0903916405	ntdung@tdu.edu.vn
	Võ Khắc Thường	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0903703753	vkthuong@tdu.edu.vn
	Nguyễn Phước Quý Quang	TS, Phó Hiệu trưởng	0913928990	npqquang@tdu.edu.vn
	Nguyễn Ngọc Minh	TS, Phó Hiệu trưởng	0913783795	nmminh@tdu.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng ủy	Lê Văn Sơn	CN, Bí thư Đảng ủy	0985700689	lvson@tdu.edu.vn
Công đoàn	Trịnh Huệ	ThS, Chủ tịch Công đoàn	0939301568	thue@tdu.edu.vn
Đoàn trường	Nguyễn Hà Quốc Tín	ThS, Bí thư Đoàn Trường	0987084629	nhqtin@tdu.edu.vn
4. Các phòng, khoa, ban chức năng				
Phòng Tổ chức – Hành chính	Lê Văn Sơn	CN, Trưởng Phòng	0985700689	lvson@tdu.edu.vn
Phòng Đào tạo	Phan Ngọc Thủy	CKI, Q. Trưởng Phòng	0909204416	pnthuy@tdu.edu.vn
Phòng Công tác chính trị & Quản lý sinh viên	Nguyễn Hà Quốc Tín	ThS, Phó Trưởng Phòng	0987084629	nhqtin@tdu.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
Phòng Tài chính – Kế hoạch	Phan Thị Kim Tuyền	CN, Trưởng Phòng	0939000605	pkhtuyen@tdu.edu.vn
Phòng Quản trị thiết bị	Nguyễn Xuân Tiên	ThS, Trưởng Phòng	0918025999	nxtien@tdu.edu.vn
Phòng Quản lý khoa học & Hợp tác quốc tế	Võ Thị Hương	GS.TS, Trưởng phòng	0918494775	vtguong@tdu.edu.vn
Khoa Đào tạo Sau đại học	Phan Văn Thơm	PGS.TS, Trưởng khoa	0982989090	pvtthom@tdu.edu.vn
Khoa Đào tạo thường xuyên	Trần Thị Kiều Trang	TS, Phó trưởng khoa	0982777057	ttktrang@tdu.edu.vn
Ban Thanh tra - pháp chế	Nguyễn Ngọc Minh	TS, Trưởng ban	0913783795	nnminh@tdu.edu.vn
5. Các trung tâm/viện trực thuộc				
TT.KT&ĐBCLGD	Nguyễn Văn Bá	PGS.TS, Giám đốc	0913107047	nvba@tdu.edu.vn
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - CĐR&PTNNL	Võ Khắc Thương	PGS.TS, Giám đốc	0903703753	vkthuong@tdu.edu.vn
Trung tâm HTSV&HTDN	Nguyễn Ngọc Minh	TS, Giám đốc	0913783795	nnminh@tdu.edu.vn
Thư viện	Lê Văn Sơn	CN, Quản lý điều hành	0985700689	lvson@tdu.edu.vn
Tổ website	Nguyễn Tiến Dũng	TS, Tổ trưởng	0903916405	ntdung@tdu.edu.vn
6. Các khoa				
Khoa Cơ bản	Nguyễn Ngọc Minh	TS, Trưởng khoa	0913783795	nnminh@tdu.edu.vn
Khoa KT-CN	Trịnh Huệ	ThS, Q. Trưởng khoa	0939301568	thue@tdu.edu.vn
Khoa Ngữ văn	Nguyễn Thị Diễm Thúy	ThS, Phó trưởng khoa	0913700715	ntdthuy@tdu.edu.vn
Khoa KT-TC-NH	Võ Khắc Thương	PGS.TS, Trưởng khoa	0903703753	vkthuong@tdu.edu.vn
Khoa QTKD	Đào Duy Huân	PGS.TS, Trưởng khoa	0907161555	ddhuan@tdu.edu.vn
Khoa SHUD	Nguyễn Văn Bá	PGS.TS, Trưởng khoa	0913107047	nvba@tdu.edu.vn
Khoa D-ĐD	Trần Công Luận	PGS.TS, Trưởng khoa	0903671323	tcluan@tdu.edu.vn

14. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo)

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ:	0
Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ:	03
Số lượng ngành đào tạo đại học:	19
Số lượng ngành đào tạo CĐ:	08
Số lượng ngành đào tạo TCCN:	09
Số lượng ngành đào tạo nghề:	0

15. Các loại hình đào tạo của Nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)		

16. Tổng số các khoa đào tạo: 07 Khoa

(Số khoa đào tạo phải tương thích với số khoa ở mục 13)

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường**17. Thống kê số lượng CB, GV và NV (gọi chung là CB) của Nhà trường**

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	346	349	695
I.1	CB trong biên chế	-	-	-
I.2	CB hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	346	349	695
II	Các CB khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)	99	52	151
	Tổng số	445	401	846

18. Thống kê, phân loại GV (chỉ tính những GV trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây)

¹ Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các trường công lập) và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được nhà trường mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CBQL		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	9	-	5	2	2	-
2	Phó Giáo sư	41	-	14	4	23	-
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	120	-	75	5	40	-
5	Thạc sĩ	411	-	314	13	84	-
6	Đại học	182	-	179	1	2	-
7	CD	-	-	-	-	-	-
8	Trung cấp	-	-	-	-	-	-
9	Trình độ khác	-	-	-	-	-	-
	Tổng số	763	-	587	25	151	-

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 612 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu: $612/695 \approx 88,1\%$

Quy đổi số lượng GV của Nhà trường⁴:

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CBQL			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi	-	-	1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	-
1	Giáo sư	5	9	-	5	2	2	-	30
2	Phó Giáo sư	3	41	-	14	4	23	-	59,4
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	2	120	-	75	5	40	-	169
5	Thạc sĩ	1	411	-	314	13	84	-	334,7
6	Đại học	0,5	182	-	179	1	2	-	89,9
	Tổng	-	763	-	587	25	151	-	683

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

⁴ Việc quy đổi áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

Hệ số quy đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ và ĐH, đối với các trường ĐH, học viện theo thứ tự 5,0; 3,0; 2,0; 1,0; 0,5; đối với các trường CĐ và TCCN: theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,3; 1,0 (không tính các trình độ thấp hơn ĐH) theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ GDĐT. Nếu có GV có trình độ TSKH nhưng không có chức danh thì tính ngang với phó giáo sư.

Cách tính:

$$\text{Cột 10} = \text{cột 3} * (\text{cột 5} + \text{cột 6} + 0,3 * \text{cột 7} + 0,2 * \text{cột 8} + 0,2 * \text{cột 9})$$

19. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	7	1,1	6	1	-	1	1	-	5
2	Phó Giáo sư	18	2,9	14	4	-	-	-	1	17
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	80	13,2	69	11	-	15	30	13	22
5	Thạc sĩ	327	53,4	157	170	39	212	47	13	16
6	Đại học	180	29,4	62	118	80	62	8	11	19
7	Cao đẳng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Trung cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Trình độ khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng		612	100	308	304	119	290	86	38	79

19.1 Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	4,86	28,64
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	11,22	52,76
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	58,79	5,70
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	16,92	5,19
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20%)	8,21	7,71

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
	thời gian của công việc)		
	Tổng	100	100

19.2 Độ tuổi trung bình của GV cơ hữu: 39,8 tuổi

19.3 Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của Nhà trường: 17,2

19.4 Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của Nhà trường: 53,4

IV. Người học

Người học bao gồm SV, HS, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số SV trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
Đại học							
2012 - 2013	-	1.464	-	885	-	-	-
2013 - 2014	1.580	3.561	1:1	2.036	14	14,375	-
2014 - 2015	964	2.578	1:1	1.578	14	14,512	-
2015 - 2016	-	3.192	-	2.544	-	-	-
2016 - 2017	-	3.118	-	1.626	-	-	-
Cao đẳng							
2012 - 2013	-	1.205	-	588	-	-	-
2013 - 2014	-	962	-	380	-	-	-
2014 - 2015	-	687	-	154	-	-	-
2015 - 2016	-	157	-	117	-	-	-
2016 - 2017	-	135	-	71	-	-	-
Trung cấp							
2012 - 2013	-	-	-	974	-	-	-
2013 - 2014	-	-	-	201	-	-	-
2014 - 2015	-	-	-	139	-	-	-
2015 - 2016	-	-	-	-	-	-	-
2016 - 2017	-	-	-	-	-	-	-
Thạc sĩ							
2012 - 2013	-	-	-	-	-	-	-

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2013 - 2014	465	164	1:3	157	-	-	-
2014 - 2015	325	161	1:2	163	-	-	-
2015 - 2016	324	203	1:2	197	-	-	-
2016 - 2017	298	253	1:1	247	-	-	-

Số lượng SV hệ chính quy đang học tập tại Trường: 8.403 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Nghiên cứu sinh	-	-	-	-	-
2. Học viên cao học	157	163	197	247	0
3. SV đại học	885	2.036	1.669	2.571	1.626
Trong đó:					
Hệ chính quy	885	2.036	1.578	2.544	1.626
Hệ không chính quy	0	0	91	27	0
4. SV cao đẳng	588	465	317	117	71
Trong đó:					
Hệ chính quy	588	380	154	117	71
Hệ không chính quy	0	85	163	0	0
5. Học sinh TCCN	974	201	139	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	974	201	139	0	0
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
6. Khác...	-	-	-	-	-

Tổng số SV chính quy (chưa quy đổi): 8.403

Tổng số SV quy đổi: 8.569,2

Tỷ lệ SV trên GV (sau khi quy đổi): 12,55

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

	Năm học				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
Số lượng	-	-	-	-	-
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV quy đổi	-	-	-	-	-

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá / tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây

Các tiêu chí	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	-	-	-	-	-
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)	-	-	-	-	-
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá	-	-	-	-	-
4. Tỷ số diện tích trên đầu SV ở trong ký túc xá, m ² /người	-	-	-	-	-

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016 - 2017
Số lượng (người)	3	0	7	1	41
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV quy đổi	0,031	0,0	0,095	0,014	0,48

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	-	-	-	-
2. Học viên tốt nghiệp cao học	-	-	52	42	70
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	1.666	2.249	1.300	587	1.262
Trong đó:					
Hệ chính quy	1.666	2.249	1.275	548	1.262
Hệ không chính quy	0	0	25	39	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	955	1.139	546	360	89
Trong đó:					
Hệ chính quy	955	1.139	475	255	89
Hệ không chính quy	0	0	71	105	0
5. Sinh viên tốt nghiệp trung cấp	972	682	129	70	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	972	682	129	70	0
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
6. Khác ...	-	-	-	-	-

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ

cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1.666	2.249	1.275	548	1.262
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	83,30	87,37	90,49	60,69	77,87
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	B				
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	Kiến thức: 29 Kỹ năng: 30	Kiến thức: 23 Kỹ năng: 21	-
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	Kiến thức: 42 Kỹ năng: 42	Kiến thức: 47 Kỹ năng: 52	-
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	Kiến thức: 29 Kỹ năng: 28	Kiến thức: 30 Kỹ năng: 27	-
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5	B				

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	- -	- -	- 48,1	- 53,3	- -
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	-	-	51,9	46,7	-
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	-	-	Từ 2-5tr: 54 Trên 5tr: 46	Từ 2-5tr: 49 Trên 5tr: 51	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây			B		
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	-	-	-	-	51,1
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	-	-	-	-	46,9
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	-	-	-	-	2,0

Ghi chú:

- SV tốt nghiệp là SV có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những SV chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- SV có việc làm là SV tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là Nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	955	1.139	475	255	89
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	74,67	67,52	76,74	66,58	51,74
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	B				
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	Kiến thức: 37 Kỹ năng: 31	Kiến thức: 18 Kỹ năng: 36	-
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	Kiến thức: 33 Kỹ năng: 39	Kiến thức: 54 Kỹ năng: 42	-
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	Kiến thức: 30 Kỹ năng: 30	Kiến thức: 28 Kỹ năng: 22	-
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	B				
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
(%)					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	-	-	-	-	-
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	-	-	60	85	-
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	-	-	40	15	-
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	-	-	Từ 2-5tr: 85,2 Trên 5tr: 14,8	Từ 2-5tr: 96,4 Trên 5tr: 3,6	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Không có				
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	-	-	-	-	-
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	-	-	-	-	-
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: Sử dụng các chú thích ở câu 27

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của Nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	-	-	-	-	-	-
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	1	2	0	0	5
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	3	4	11	6	13,5
Tổng			5	4	6	11	6	18,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 18,5.

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,027.

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường trong 5 năm gần đây

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2012	-	-	-
2	2013	-	-	-
3	2014	-	-	-
4	2015	-	-	-
5	2016	-	-	-

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	21	56	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	0	0	
Trên 6 đề tài	-	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	-	21	56	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của Nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	1	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	1	0	6	10,5

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
3	Sách tham khảo	1,0	2	0	0	0	0	2
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	1	0	0	0	0,5
5	Tổng		2	1	1	1	6	15

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 15

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,022

32. Số lượng CB cơ hữu của Nhà trường tham gia viết sách trong 05 năm gần đây

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	126	1	3
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	126	1	3

33. Số lượng bài của các CB cơ hữu của Nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

S TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	0	0	0	9	8	25,5
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	19	16	25	15	44	119
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	7	21	9	69	9	57,5
4	Tổng		26	37	34	93	61	202

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 202.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,291.

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	23	31
Từ 6 đến 10 bài báo	2	5	2
Từ 11 đến 15 bài báo	2	3	1
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số CB tham gia	5	31	34

35. Số lượng báo cáo khoa học do CB cơ hữu của Nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	1	2	5	2	11
2	Hội thảo trong nước	0,5	7	21	9	2	9	24
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	67	0	16,75
4	Tổng		8	22	11	74	11	51,75

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 51,75.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,075.

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	12	43
Từ 6 đến 10 báo cáo	1	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số CB tham gia	6	12	43

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2012-2013	-
2013-2014	-
2014-2015	-
2015-2016	-
2016-2017	-

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của Nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng SV tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	11	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	0	
Trên 6 đề tài	-	-	0	
Tổng số SV tham gia	-	-	11	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	1	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	4	3

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 124.601,8 m²

40. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²)

- Nơi làm việc: 5.374,6 m²
- Nơi học: 22.496,2 m²
- Nơi vui chơi giải trí: 28.600 m²

41. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 22.496,2 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên SV chính quy: 2,68 m²/SV

42. Tổng số đầu sách trong thư viện của Nhà trường: 8.690 nhan đề/22.766 bản.

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của Nhà trường: 8.690 nhan đề/22.766 bản.

43. Tổng số máy tính của trường

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 130 bộ

- Dùng cho SV học tập: 661 bộ

Tỷ số số máy tính dùng cho SV trên SV chính quy: 12,71 SV/máy

44. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây

ĐVT: triệu đồng

- Năm 2012: 100.724

- Năm 2013: 116.386

- Năm 2014: 134.309

- Năm 2015: 153.574

- Năm 2016: 185.104

45. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây

ĐVT: triệu đồng

- Năm 2012: 93.299

- Năm 2013: 107.887

- Năm 2014: 128.770

- Năm 2015: 134.103

- Năm 2016: 168.665

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tổng số GV cơ hữu (người): 612.

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu (%): 88,1.

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của Nhà trường (%): 17,2.

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của Nhà trường (%): 53,4.

2. Sinh viên

Tổng số SV chính quy (người): 8.403.

Tổng số SV quy đổi (người): 8.569,2.

Tỷ số SV trên GV (sau khi quy đổi): 12,55.

Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

Hệ đào tạo	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
Đại học	83,30	87,37	90,49	60,69	77,87
Cao đẳng	74,67	67,52	76,74	66,58	51,74

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường

Tỷ lệ SV trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Hệ đào tạo	2014 - 2015	2015 - 2016
Đại học	Kiến thức: 29 Kỹ năng: 30	Kiến thức: 23 Kỹ năng: 21
Cao đẳng	Kiến thức: 37 Kỹ năng: 31	Kiến thức: 18 Kỹ năng: 36

Tỷ lệ SV trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Hệ đào tạo	2014 - 2015	2015 - 2016
Đại học	Kiến thức: 42 Kỹ năng: 42	Kiến thức: 47 Kỹ năng: 52
Cao đẳng	Kiến thức: 33 Kỹ năng: 39	Kiến thức: 54 Kỹ năng: 42

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp

Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

Hệ đào tạo	2014 - 2015	2015 - 2016
Đại học	48,1	53,3
Cao đẳng	60	85

Tỷ lệ SV có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Hệ đào tạo	2014 - 2015	2015 - 2016
Đại học	51,9	46,7
Cao đẳng	40	15

Thu nhập bình quân/tháng của SV có việc làm (triệu VNĐ):

Hệ đào tạo	2014 - 2015	2015 - 2016
Đại học	Từ 2-5tr: 54 Trên 5tr: 46	Từ 2-5tr: 49 Trên 5tr: 51
Cao đẳng	Từ 2-5tr: 85,2 Trên 5tr: 14,8	Từ 2-5tr: 96,4 Trên 5tr: 3,6

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào

tạo

Tỷ lệ SV đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 51,1

Tỷ lệ SV cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 46,9

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,027.

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu: 0.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,022.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,291.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,075.

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*)

Tỷ số máy tính dùng cho SV trên SV chính quy: 12,92 SV/máy

Tỷ số diện tích phòng học trên SV chính quy: 2,68 m²/SV

Tỷ số diện tích ký túc xá trên SV chính quy: 0

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá Trường đại học Tây Đô

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

Căn cứ Quyết định 54/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Đô;

Căn cứ Điều lệ trường đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô, nhiệm kỳ 2016-2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá Trường đại học Tây Đô, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá Trường đại học Tây Đô theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá Trường đại học Tây Đô tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

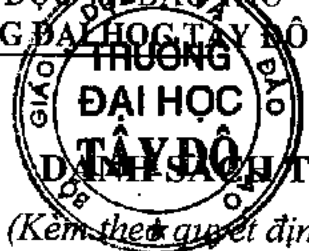
Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Đô có liên quan và các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT (để b/c);
- TTKT-ĐBCLGD;
- Lưu VT, TC-HC.



Trần Long Luận



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
(Kèm theo quyết định số 40/QĐ-ĐHTĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

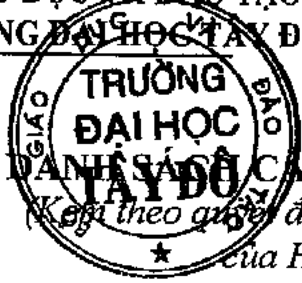
STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Công Luận	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Tiên Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Võ Khắc Thường	Phó Hiệu trưởng Trưởng Khoa KT-TC-NH	Phó Chủ tịch
4	Nguyễn Phước Quý Quang	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
5	Nguyễn Ngọc Minh	Phó Hiệu trưởng Trưởng Khoa Cơ Bản	Phó Chủ tịch
6	Nguyễn Văn Bá	Giám đốc TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên thư ký
7	Lê Văn Sơn	Trưởng phòng TCHC Bí thư Đảng ủy	Ủy viên
8	Trần Hữu Xinh	P. Trưởng phòng TCHC	Ủy viên
9	Phan Ngọc Thùy	Q. Trưởng phòng Đào tạo P. Trưởng khoa Dược – Điều dưỡng	Ủy viên
10	Lê Phú Nguyên Hải	P. Trưởng Phòng Đào tạo	Ủy viên
11	Nguyễn Hà Quốc Tín	P. Trưởng phòng CTCT - QLSV Bí thư đoàn trường	Ủy viên
12	Võ Thị Gương	Trưởng phòng NCKH & HTQT	Ủy viên
13	Phan Thị Kim Tuyến	Trưởng phòng TCKH	Ủy viên
14	Nguyễn Xuân Tiên	Trưởng phòng QTTB	Ủy viên
15	Phan Văn Thơm	Trưởng khoa Đào tạo Sau Đại học	Ủy viên
16	Tô Anh Dũng	P. Trưởng khoa Cơ Bản	Ủy viên
17	Đào Duy Huân	Trưởng khoa QTKD	Ủy viên
18	Trịnh Huệ	Trưởng khoa KTCN Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên
19	Nguyễn Thị Diễm Thúy	P. Trưởng khoa Ngữ Văn	Ủy viên
20	Trần Thị Kiều Trang	P. Trưởng khoa ĐTTX	Ủy viên
21	Lê Hoàng Lệ Thúy	P. Giám đốc TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên

(Danh sách gồm có 21 thành viên)



LIÊN TỊCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
(Kèm theo quyết định số 40/QĐ-ĐHTĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Văn Bá	Giám đốc TTKT&ĐBCLGD	Trưởng ban
2	Lê Hoàng Lệ Thủy	P. Giám đốc TTKT&ĐBCLGD	Phó Trưởng ban
3	Nguyễn Thị Khánh Vân	Chuyên viên TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên
4	Triệu Thái Dương	Chuyên viên TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên
5	Lê Thanh Trúc	Chuyên viên TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên
6	Trần Văn Nhuộm	Chuyên viên TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên



CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Kế hoạch được phê duyệt theo quyết định số 40/QĐ-ĐHTĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Tiêu chuẩn 1	Nguyễn Ngọc Minh	P. Hiệu trưởng phụ trách QLSV	Trưởng nhóm
	Trần Văn Nhuộm	Chuyên viên TTKT&ĐBCLGD	Thành viên
	Hàng Văn Kiêng	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thư ký
Nhóm 2: Các tiêu chuẩn 3 và 4	Lê Phú Nguyên Hải	P. Trưởng phòng Đào tạo	Trưởng nhóm
	Lương Lễ Nhân	P. Trưởng phòng Đào tạo	P. Trưởng nhóm
	Trần Kiều Nga	P. Trưởng khoa KT-TCNH	Thành viên
	Đỗ Văn Mãi	P. Trưởng khoa Dược - ĐD	Thành viên
	Tăng Tấn Lộc	P. Trưởng khoa Ngữ Văn	Thành viên
	Nguyễn Lâm Điền	P. Trưởng khoa Đào tạo Sau ĐH	Thành viên
	Nguyễn Hữu Danh	P. Trưởng BM. Toán khoa Cơ bản	Thành viên
	Đặng Kim Sản	Chuyên viên Khoa KTCN	Thành viên
	Trần Thị Hồng Loan	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thành viên
	Triệu Thái Dương	Chuyên viên TTKT&ĐBCLGD	Thành viên
	Nguyễn Lê Hoàng Yến	P.Trưởng khoa SHUD	Thư ký TC 3
	Phùng Thị Huỳnh Mai	P.Trưởng khoa QTKD	Thư ký TC 4
	Nhóm 3: Tiêu chuẩn 2 và 5	Lê Văn Sơn	Trưởng phòng TCHC
Trần Hữu Xinh		P.Trưởng phòng TCHC	P. Trưởng nhóm
Trương Kim Phụng		Chuyên viên phòng TCHC	Thành viên
Âu Nguyễn Thảo Nguyên		Chuyên viên phòng TCHC	Thành viên
Mai Thành Hiệp		Chuyên viên phòng TCHC	Thành viên
Lê Thanh Trúc		Chuyên viên TTKT&ĐBCLGD	Thành viên
Lê Phước Khiêm		Chuyên viên phòng TCHC	Thư ký TC 2
Lâm Thị Kim Ngân		Chuyên viên phòng TCHC	Thư ký TC 5
Nhóm 4: Tiêu chuẩn 6	Nguyễn Hà Quốc Tín	P. Trưởng phòng CTCT-QLSV	Trưởng nhóm
	Trần Minh Tấn	Chuyên viên phòng CTCT-QLSV	Thành viên
	Trần Văn Nhuộm	Chuyên viên TTKT&ĐBCLGD	Thành viên
	Lê Trung Thành	Chuyên viên phòng CTCT-QLSV	Thư ký TC 6
Nhóm 5: Các tiêu chuẩn 7 và 8	Võ Thị Gương	Trưởng phòng QLKH&HTQT	Trưởng nhóm
	Lê Văn Lành	Giảng viên khoa Ngữ văn	Thành viên
	Nguyễn Thị Khánh Vân	Chuyên viên TTKT&ĐBCLGD	Thành viên
	Võ Văn Sĩ	Chuyên viên phòng QLKH&HTQT	Thư ký

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 6: Tiêu chuẩn 9	Nguyễn Xuân Tiền	Trưởng phòng QTTB	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Kim An	Chuyên viên phòng QTTB	Thành viên
	Nguyễn Thị Quý	Chuyên viên phòng QTTB	Thành viên
	Nguyễn Thị Minh Châu	Chuyên viên thư viện	Thành viên
	Lê Thanh Trúc	Chuyên viên TTKT&ĐBCLGD	Thành viên
	Nguyễn Văn Điệp	Chuyên viên phòng QTTB	Thư ký
Nhóm 7: Tiêu chuẩn 10	Phan Thị Kim Tuyền	Trưởng phòng TCKH	Trưởng nhóm
	Nguyễn Huy Trung	Chuyên viên phòng TCKH	Thành viên
	Triệu Thái Dương	Chuyên viên TTKT&ĐBCLGD	Thành viên
	Trần Thúy Nghiệm	P. Trưởng phòng TCKH	Thư ký

(Danh sách gồm có 40 thành viên)



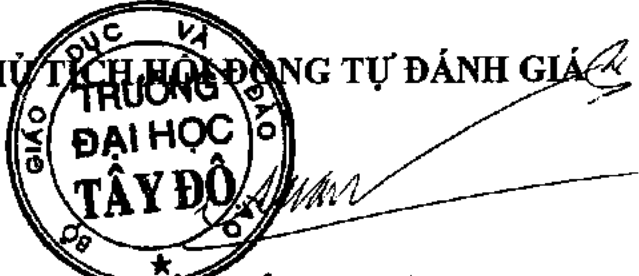
NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ, BAN THƯ KÝ VÀ CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/QĐ-ĐHTĐ ngày 23/02/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Đô)

- Nhiệm vụ của các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá:
 - + Chủ tịch Hội đồng: Chịu trách nhiệm chung về hoạt động tự đánh giá và báo cáo tự đánh giá cuối cùng của nhà trường, đồng thời chịu trách nhiệm về tổ chức hoạt động tự đánh giá, điều động nhân sự, tài chính và tổ chức các cuộc họp Hội đồng TĐG.
 - + Phó Chủ tịch Hội đồng: Giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý công việc khi Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, góp ý cho báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.
 - + Ủy viên thư ký: Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng trong việc rà soát các báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, đảm bảo bản báo cáo tự đánh giá cuối cùng của Trường đáp ứng chuẩn mực do Bộ GD&ĐT quy định khi tiến hành đánh giá ngoài; chịu trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện,...
 - + Ủy viên Hội đồng: Góp ý và phản biện báo cáo TĐG.
- Nhiệm vụ của Ban thư ký:
 - + Trưởng Ban thư ký: Xây dựng đề cương cụ thể cho báo cáo TĐG và hình thức sắp xếp các minh chứng. Tổng hợp báo cáo TĐG từ các nhóm chuyên trách được phân công. Tập hợp các minh chứng. Chịu trách nhiệm chung về việc rà soát lại báo cáo sơ thảo và báo cáo cuối cùng; góp ý, phản biện cho bản báo cáo TĐG.
 - + Ủy viên: Chịu trách nhiệm về việc rà soát lại báo cáo sơ thảo và báo cáo cuối cùng của nhóm mình, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chuẩn, tiêu chí.
- Nhiệm vụ của nhóm chuyên trách:
 - + Nhóm trưởng:
 - Hoàn thành Phụ lục 5, 6, 8, 9 (đối với nhóm 2, 3, 4, 5, 6, 7), hoàn thành Phụ lục 5, 6, 9 (đối với nhóm 1).
 - Nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm chuyên trách:
 - + Trưởng nhóm



- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
 - Phân tích, lý giải các kết quả đạt được, hoàn chỉnh danh mục minh chứng trong nhóm.
 - Tổng hợp các báo cáo từng tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn.
 - Kiểm tra độ tin cậy, tính xác thực, mức độ phù hợp và liên quan đến tiêu chí của các thông tin minh chứng.
 - Ký xác nhận Phụ lục 5, 6, 8, 9.
 - Phối hợp với Ban thư ký hoàn chỉnh viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chuẩn được phân công.
- + Phó trưởng nhóm
- Phụ trách phân công việc do Trưởng nhóm phân công.
- + Thư ký
- Mô tả thông tin minh chứng (Phụ lục 5).
 - Hoàn chỉnh Phụ lục 8.
 - Viết báo cáo tiêu chí (Phụ lục 6).
 - Phối hợp với các thành viên trong nhóm kiểm tra độ tin cậy, tính xác thực, mức độ phù hợp của các thông tin minh chứng trong danh mục minh chứng và hoàn chỉnh các bảng số liệu thực trạng liên quan (cấp phụ lục).
 - Theo sự phân công của Trưởng nhóm.
- + Thành viên
- Thu thập thông tin minh chứng, các bảng số liệu thực trạng liên quan (Phụ lục 8, 9).
 - Theo sự phân công của Trưởng nhóm./.



 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 TÂY ĐÔ
 TRẦN CÔNG LUẬN

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và đề đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

- Đánh giá các hoạt động của nhà trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.
- Giai đoạn tự đánh giá: từ ngày 01/8/2012 đến ngày 30/6/2017.

3. Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 40/QĐ-DHTĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô. Hội đồng gồm có 21 thành viên (danh sách kèm theo).

3.2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

3.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Phụ trách viết báo cáo 10TC (61 tiêu chí)	Ghi chú
1.	Tổ chức và quản lý	Nhóm 1	TC 1, các bảng số liệu thực trạng liên quan	Phụ lục 5, 6, 9.
2.	Chương trình đào tạo, các hoạt động đào tạo	Nhóm 2	TC 3 và TC 4, các bảng số liệu thực trạng liên quan	Phụ lục 5, 6, 8 (mục II. 14,15,16 ; mục IV. 20), 9.
3.	Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	Nhóm 3	TC 2 và TC 5, các bảng số liệu thực trạng liên quan	Phụ lục 5, 6, 8 (mục II. 12, 13; mục III. 17, 18, 19; mục VII. 1), 9.
4.	Người học	Nhóm 4	TC 6, các bảng số liệu thực trạng liên quan	Phụ lục 5, 6, 8 (mục IV. 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27; mục VII. 2, 3, 4, 5), 9.
5.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hợp tác quốc tế	Nhóm 5	TC 7 và TC 8, các bảng số liệu thực trạng liên quan	Phụ lục 5, 6, 8 (mục V. 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38; mục VII. 6), 9.



STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Phụ trách viết báo cáo 10TC (61 tiêu chí)	Ghi chú
6.	Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác ...	Nhóm 6	TC 9, các bảng số liệu thực trạng liên quan	Phụ lục 5, 6, 8 (mục VI. 39, 40, 41, 42, 43; mục VII. 7), 9.
7.	Tài chính và quản lý tài chính	Nhóm 7	TC 10, các bảng số liệu thực trạng liên quan	Phụ lục 5, 6, 8 (mục VI. 44, 45), 9.
8.	Tổng hợp báo cáo tự đánh giá	Ban Thư ký	Đặt vấn đề, tổng quan chung, kết luận, tổng hợp báo cáo.	Phần I, II, IV, V (phụ lục: 1, 2, 3, 4, 7, 8 (mục I, II.11)).

4. Công cụ đánh giá

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 37/2012/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn khác.

5. Chuyên gia tư vấn: Mời chuyên gia tư vấn và phản biện báo cáo tự đánh giá.

6. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá khoảng 5 tháng, lịch trình như sau:

Thời gian	Các hoạt động với Trung tâm KT&ĐBCLGD và TCHC	Phụ trách	Thực hiện
Tuần 1-2 (01/3/2017- 12/3/2017)	- Hợp lãnh đạo nhà trường để xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá.	Hiệu trưởng	Phòng TCHC
	- Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm chuyên trách	Hiệu trưởng	
	- Thư ký Hội đồng tự đánh giá lập dự thảo kế hoạch tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm chuyên trách + Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá + Thảo luận và góp ý cho việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng theo bản dự thảo.	Chủ tịch HĐ	Các thành viên Ban thư ký
	- Trình Hội đồng tự đánh giá cấp trường để thông qua kế hoạch tự đánh giá cấp trường chính thức	Ban thư ký	Các thành viên Ban thư ký
Tuần 3-4 (13/3/2017- 26/3/2017)	- Phổ biến chủ trương triển khai kế hoạch đến toàn thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban ...)	Chủ tịch HĐ	Các thành viên HĐ

Thời gian	Các hoạt động với Trung tâm KT&ĐBCLGD và TCHC	Phụ trách	Thực hiện
Tuần 3-4 (13/3/2017- 26/3/2017)	- Tổ chức tập huấn hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ triển khai tự đánh giá	Ban thư ký	Các thành viên Ban thư ký
	- Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.	Chủ tịch HĐ	Các thành viên HĐ và Ban thư ký
	- Xác định thời gian cụ thể cho từng nhóm chuyên trách hoàn thiện việc chỉnh sửa, cập nhật báo cáo tự đánh giá và danh mục minh chứng	Ban thư ký	Các thành viên Ban thư ký
	- Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá	Ban thư ký	Các thành viên Ban thư ký
Tuần 5-10 (27/3/2017- 28/4/2017)	- Thu thập thông tin và minh chứng	Ban thư ký	Nhóm chuyên trách
	- Mã hóa các thông tin và minh chứng	Trưởng nhóm chuyên trách	Thành viên nhóm chuyên trách
	- Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Hoàn chỉnh các bảng số liệu thực trạng liên quan.	Trưởng nhóm chuyên trách	Thành viên nhóm chuyên trách
	- Phân tích, lý giải các kết quả đạt được, hoàn chỉnh danh mục minh chứng	Trưởng nhóm chuyên trách	Thành viên nhóm chuyên trách
	- Bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện phần viết theo từng tiêu chí được phân công	Trưởng nhóm chuyên trách	Thành viên nhóm chuyên trách
	- Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo từng tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn, kiểm tra các bảng số liệu thực trạng liên quan, danh mục minh chứng.	Trưởng nhóm chuyên trách	Thành viên nhóm chuyên trách
Tuần 11 (02/5/2017- 10/5/2017)	- Các nhóm chuyên trách Hội đồng tự đánh giá thống nhất chỉnh sửa các phần viết và danh mục minh chứng theo góp ý của thư ký Hội đồng tự đánh giá cho các phần mô tả	Trưởng nhóm chuyên trách	Thư ký nhóm chuyên trách
Tuần 12-14 (11/5/2017- 30/5/2017)	- Thư ký Hội đồng tự đánh giá tổng hợp tất cả các phần viết, danh mục minh chứng và bảng số liệu thực của các nhóm chuyên trách	Ban Thư ký	Thành viên Ban Thư ký
	- Bổ sung, chỉnh sửa phần I, II, III, IV và các phụ lục	Ban Thư ký	Thành viên Ban Thư ký
	- Dự thảo báo cáo tự đánh giá	Ban Thư ký	Thành viên Ban Thư ký
	- Họp Hội đồng tự đánh giá đề thông qua dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 1	Chủ tịch HĐTĐG	Các thành viên HĐTĐG

Thời gian	Các hoạt động với Trung tâm KT&ĐBCLGD và TCHC	Phụ trách	Thực hiện
Tuần 15 (31/5/2017- 07/6/2017)	- Trưởng các nhóm chuyên trách chỉnh sửa báo cáo tự đánh giá theo yêu cầu của Ban thư ký	Trưởng nhóm chuyên trách	Thành viên nhóm chuyên trách
	- Thu thập bổ sung (nếu cần) và xác định các vấn đề phát sinh (nếu có)	Trưởng nhóm chuyên trách	Thành viên nhóm chuyên trách
	- Gửi báo cáo tự đánh giá cho các khoa, bộ môn, phòng, ban ... để xin ý kiến đóng góp	Ban Thư ký	Các đơn vị trong trường
	- Dự thảo hoàn thiện báo cáo tự đánh giá lần 2	Ban Thư ký	Thành viên Ban Thư ký
Tuần 16-17 (08/6/2017- 25/6/2017)	- Xây dựng, sắp xếp các hợp minh chứng theo danh mục minh chứng	Ban Thư ký	Thành viên Ban Thư ký
	- Rà soát, bổ sung hoàn thiện các thông tin trên website Trường	Ban Thư ký	Thành viên Ban Thư ký
Tuần 18-19 (26/6/2017- 09/7/2017)	- Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa	Chủ tịch HĐTĐG	Các thành viên HĐTĐG
	- Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp	Chủ tịch HĐTĐG	Ban Thư ký
	- Thu thập, tổng hợp các ý kiến phản biện của toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường	Chủ tịch HĐTĐG	Ban Thư ký
	- Chuyên gia phản biện báo cáo TĐG	Chủ tịch HĐTĐG	Chuyên gia
Tuần 20-22 (10/7/2017- 31/7/2017)	- Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá	Chủ tịch HĐTĐG	Các thành viên HĐTĐG
	- Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá lần 3, trình HT phê chuẩn và nộp chính thức cho Trung tâm Kiểm định.	Ban Thư ký	Thành viên Ban Thư ký
	- Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường)	Hiệu trưởng	TTKT & ĐBCLGD
Tuần 23 (01/8/2017- 06/8/2017)	- Thực hiện các thủ tục đăng ký đánh giá ngoài chính thức	Hiệu trưởng	- TTKT & ĐBCLGD - P. TCHC
	- Gửi báo cáo tự đánh giá về cục KĐCLGD	Hiệu trưởng	Phòng TCHC
Tuần 24-27 (07/8/2017- 31/8/2017)	- Tiếp tục kiểm tra, bổ sung, cập nhật, sắp xếp các minh chứng	Ban Thư ký	Thành viên Ban Thư ký
	- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết tiếp đón đoàn đánh giá ngoài	- TTKT & ĐBCLGD - P. QTTB	Các thành viên của 02 đơn vị
	- Họp hội đồng thông qua kế hoạch tiếp đoàn đánh giá ngoài	Chủ tịch HĐTĐG	Các thành viên HĐTĐG
	- Thông báo cho toàn trường về kế hoạch đánh giá ngoài, thống nhất các danh sách phỏng vấn	Hiệu trưởng	- P. TCHC - TTKT & ĐBCLGD

6. Tổ chức thực hiện

Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các Trưởng nhóm và thành viên nhóm chuyên trách căn cứ vào kế hoạch để tổ chức thực hiện.


6.1. Các nhóm chuyên trách



- Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác tự đánh giá, thu thập minh chứng và thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động tự đánh giá tại đơn vị.
- Hoàn thành viết Báo cáo tự đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn được giao gửi về Trung tâm KT&ĐBCLGD theo đúng kế hoạch.

6.2. Ban Thư ký

- Tổ chức xây dựng, triển khai Kế hoạch tự đánh giá.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở, theo dõi việc triển khai kế hoạch ở các đơn vị theo từng nội dung công việc; tổng hợp báo cáo gửi Ban Giám hiệu.

Các Trưởng đơn vị và các Trưởng nhóm chuyên trách căn cứ nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai thực hiện.

HIỆU TRƯỞNG 
(Ký tên, đóng dấu)



Lưu Văn Công Luận

